

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH



**CẨM NANG SẢN PHẨM TÍN
DỤNG CÁ NHÂN**

PHÒNG TÍN DỤNG - KHỐI KHCN

NĂM 2012

MỤC LỤC

1.Cho vay mua nhà, đất; xây dựng, sửa chữa nhà - YOUhousePlus:	13
1.1 Đối tượng cho vay:	13
1.2 Điều kiện vay vốn:	13
1.3 Loại tiền áp dụng:	13
1.4 Phương thức cho vay:	13
1.5 Mục đích cho vay:	13
1.6 Tài sản đảm bảo:	14
1.7 Mức cho vay:	14
1.8 Thời hạn cho vay:	14
1.9 Lãi suất:	14
1.10 Thanh toán Phí bảo hiểm:	14
1.11 Phương thức trả nợ:	14
1.12 Giải ngân:	15
1.13 Các văn bản liên quan:	16
2. Cho vay mua xe ô tô - YOUcar:	17
2.1Tiện ích của sản phẩm:	17
2.2 Quy định chung :	17
2.2.1 Đối tượng cho vay:	17
2.2.2 Điều kiện vay vốn:	17
2.2.2.2 Điều kiện đối với chiếc xe dự định mua;	18
2.2.2.3 Các trường hợp không cho vay và hạn chế cho vay:	18
2.2.3 Mục đích vay vốn:	18
2.2.4 Tài sản đảm bảo:	18
2.2.4.1 Tài sản đảm bảo là bất động sản:	18
2.2.4.2 Tài sản đảm bảo là chính chiếc xe đề nghị ABBANK tài trợ vốn vay:	18
2.2.5 Danh mục các loại xe được ABBANK tài trợ:	19
2.2.6 Đồng tiền cho vay – thu nợ:	19
2.2.7 Phương thức cho vay:	20
2.2.8 Mức cho vay và thời hạn cho vay:	20
2.2.9 Lãi suất:	21
2.2.10 Phương thức trả nợ:	21

2.2.11 Quy định về bảo hiểm xe (Đối với trường hợp TSDB là chính chiếc xe mua):	21
2.2.12 Giải ngân:	22
2.2.13 Quy định về gửi công văn ngăn chặn đến Cơ quan công an:	24
2.2.14 Kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay và tái thẩm định TSDB:	24
2.2.15 Hồ sơ vay vốn:	25
2.2.16 Lưu ý:	25
2.3 Các văn bản liên quan:	25
 3. Cho vay sản xuất kinh doanh trả góp - YOUshop:	27
3.1 Đối tượng vay vốn:	27
3.2 Điều kiện vay vốn:	27
3.3 Mục đích vay vốn:	28
3.4 Thời hạn cho vay:	28
3.4.1 Thời hạn cho vay:	28
3.4.2 Ân hạn:	29
3.5 Mức cho vay:	29
3.5.1 Được xác định dựa trên các căn cứ sau:	29
3.5.2 Trường hợp mức cho vay vượt mức quy định tại mục 6.5.1 phải trình Khối Quản trị Tín dụng xem xét và phê duyệt.	29
3.6 Lãi suất cho vay và các loại phí:	29
3.6.1 Lãi suất:	29
3.6.2 Các loại phí:	29
3.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:	30
3.8 Tài sản đảm bảo:	30
3.9 Phương thức cho vay:	30
3.10 Phương thức giải ngân:	30
3.11 Phương thức trả nợ:	30
3.12 Hồ sơ vay vốn:	30
3.13 Lưu ý:	31
3.14 Các văn bản liên quan:	31
 4. Cho vay bổ sung vốn lưu động SXKD, dịch vụ - YOUshopPlus:	32
4.1 Đối tượng vay vốn:	32
4.2 Điều kiện vay vốn:	32
4.3 Mục đích vay vốn:	32
4.4 Thời hạn cho vay:	32
4.5 Mức cho vay:	32

4.6 Lãi suất cho vay và các loại phí:	32
4.6.1 Lãi suất:.....	32
4.6.2 Các loại phí:.....	33
4.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	33
4.8 Tài sản đảm bảo:	33
4.9 Phương thức cho vay:	33
4.10 Phương thức giải ngân:	33
4.10.1 Đối với phương thức cho vay từng lần:	33
4.10.2 Đối với phương thức cho vay theo hạn mức:.....	33
4.11 Phương thức trả nợ:.....	33
4.12 Lưu ý:	33
4.13 Hồ sơ vay vốn:.....	34
4.14 Các văn bản liên quan:.....	35
 5. VAY VÀNG BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG – YOUshopPlusGold:	36
5.1 Đối tượng áp dụng :.....	36
5.2 Điều kiện vay vốn:.....	36
5.3 Mục đích vay vốn.....	36
5.4 Phương thức cho vay:	36
5.5 Thời hạn cho vay	36
5.6 Phương thức trả nợ:	36
5.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	36
5.8 Tài sản đảm bảo (TSDB):	37
5.9 Mức cho vay:.....	37
5.10 Lãi suất và các loại phí cho vay:.....	37
5.11 Hồ sơ vay vốn:.....	37
5.12 Thẩm quyền xét duyệt cho vay	37
5.13 Việc theo dõi khoản vay bằng vàng (nêu tại bước 6) phải đảm bảo các quy định như sau:.....	38
5.14.1 CHUYỂN ĐỔI LOẠI TIỀN VAY VÀNG SANG VAY VND:	38
5.15 Các văn bản liên quan:.....	39
 6. Cho vay tiêu dùng có thể chấp - YOUspend:	40
6.1 Đối tượng cho vay:.....	40
6.2 Mục đích vay vốn:.....	40

6.3 Điều kiện vay vốn:.....	40
6.4 Thời gian cho vay:	40
6.5 Mức cho vay:.....	40
6.6 Chứng minh mục đích sử dụng vốn:	40
6.7 Phương thức trả nợ:.....	40
6.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	40
6.9 Phương thức cho vay:	40
6.10 Tài sản đảm bảo:.....	40
6.11 Hồ sơ vay vốn	41
6.12 Thời gian xử lý hồ sơ:	41
6.13 Phương thức giải ngân:.....	41
6.14 Thủ tục đối với TSDB trước khi giải ngân:.....	41
6.15 Các văn bản liên quan:.....	41
 7. Cho vay tiêu dùng tín chấp - YOUmoney:.....	42
7.1 Đối tượng:	42
7.1.1 Là cá nhân người Việt Nam	42
7.1.2 Các đối tượng hạn chế:.....	42
7.2 Mục đích vay: tiêu dùng.....	42
7.3 Điều kiện vay vốn:.....	42
7.3.1 Thời gian công tác:	42
7.3.2 Thu nhập:.....	42
7.3.3 Đơn vị công tác của khách hàng/doanh nghiệp mà khách hàng có sở hữu cổ phần/vốn góp:	43
7.4 Mức cho vay:.....	43
7.5 Thu nhập tối thiểu:	43
7.6 Lãi suất cho vay – phí:	43
7.7 Thời hạn cho vay:.....	43
7.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	43
7.9 Phương thức trả nợ:.....	43
7.10 Hình thức thu nợ:	44
7.11 Hồ sơ vay vốn:.....	44
7.12 Các văn bản liên quan:.....	44
 8. Cho vay du học - YOUstudy:.....	46

8.1 Đối tượng vay vốn:.....	46
8.2 Điều kiện vay vốn:.....	46
8.3 Mục đích vay vốn.....	46
8.4 Thời hạn cho vay:.....	46
8.5 Mức cho vay, tài sản đảm bảo:	46
8.5.1 Mức cho vay:	46
8.5.2 Tài sản đảm bảo:.....	47
8.6 Phân quyền phê duyệt khoản vay:	47
8.7 Lãi suất cho vay và các loại phí:	47
8.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	47
8.9 Phương thức cho vay:	48
8.10 Phương thức trả nợ:.....	48
8.11 Hồ sơ vay vốn:.....	48
8.12 Các văn bản liên quan:.....	48
 9. Cho vay CB-CNB trong hệ thống ABBANK - YOUstaff:.....	49
9.1 Đối tượng áp dụng:.....	49
9.2 Nguyên tắc cho vay:	49
9.3 Phương thức cho vay – Loại hình cho vay:	50
9.4 Điều kiện xét cấp khoản vay:	50
9.5 Đồng tiền cho vay – thu nợ:.....	50
9.6 Phương thức trả nợ:.....	50
9.7 Mục đích vay:	50
9.8 Thời hạn vay:.....	51
9.9 Mức cho vay tối đa và mức trả nợ:	51
9.10 Lãi suất cho vay:	51
9.11 Tài sản đảm bảo:.....	51
9.12 Giải ngân – Thu nợ vay:.....	51
9.12.1. Giải ngân:.....	51
9.12.2 Thu nợ vay	52
9.13 Phí bảo hiểm:	52
9.14 Thẩm quyền phê duyệt tín dụng đối với sản phẩm YOUstaff:.....	52
9.15 Hồ sơ vay vốn	52
9.16 Các văn bản liên quan:.....	53
 10. Cho vay cầm cố các sản phẩm huy động vốn:.....	54

10.1	Đối tượng cho vay (Khách hàng):.....	54
10.2	Loại tiền cho vay - thu nợ:	54
10.3	Tài sản bảo đảm :.....	54
10.4	Lãi suất:.....	54
10.5	Thời hạn cho vay:	54
10.6	Mức cho vay:	54
10.7	Hạn mức phán quyết:	56
10.8	Phương thức trả nợ:.....	56
10.9	Các nguyên tắc chung:	56
10.10	Phí:.....	57
10.11	Hướng dẫn trích/tắt toán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay đối với tài sản bảo đảm là sản phẩm huy động vốn của ABBANK:.....	57
10.12	Tỷ lệ cảnh báo – Tỷ lệ xử lý :.....	58
10.13	Hạn mức phê duyệt các trường hợp ngoại lệ phát sinh không theo quy định tại quy trình này:	58
10.14	Lưu ý:.....	59
10.15	Hồ sơ vay vốn:	59
10.16	Các văn bản liên quan:	59
11.	Cho vay thấu chi - YOUoverdraft:	60
11.1	Đối tượng và điều kiện áp dụng chung:	60
11.2	Các sản phẩm thấu chi:	60
11.3	Điều kiện xét cấp thấu chi tín chấp:.....	60
11.4	Điều kiện xét cấp thấu chi có TSBĐ:	61
11.5	Điều kiện xét cấp thấu chi dành cho nhân viên ABBANK.....	62
11.6	Mục đích vay vốn:	62
11.7	Phương thức cho vay:.....	63
11.8	Thời hạn hiệu lực HMTc:	63
11.9	Phương thức rút vốn – thu nợ:.....	63
11.9.1	Phương thức rút vốn:.....	63
11.9.2	Phương thức trả nợ:	63
11.10	Loại tiền cho vay – thu nợ:.....	63
11.11	Lãi suất, các loại phí cho vay:.....	63
11.12	Chuyển nợ quá hạn – điều chỉnh thời hạn hiệu lực của HMTc.....	64
11.13	Thẩm quyền xét duyệt cho vay:.....	64
11.14	Hồ sơ vay vốn:	64
11.15	Các quy định khác:	64

11.16 Các văn bản liên quan	65
12. Bảo lãnh trong nước	66
12.1 Đối tượng áp dụng:	66
12.2 Các loại bảo lãnh:	66
12.3 Hình thức cấp bảo lãnh.....	66
12.4 Điều kiện bảo lãnh:	66
12.4.1 Điều kiện chung:.....	66
12.4.2 Điều kiện bắt buộc trong các trường hợp đặc thù:	66
12.5 Tài sản đảm bảo:.....	67
12.6 Mức bảo lãnh:.....	67
12.7 Thời hạn bảo lãnh:	67
12.8 Phí bảo lãnh:.....	67
12.9 Hồ sơ cấp bảo lãnh:	68
12.10 Nguyên tắc chung:.....	68
12.11 Chính sửa/ Tu chỉnh cam kết bảo lãnh:.....	68
12.12 Chấm dứt bảo lãnh:	68
12.13 Lưu ý:.....	69
12.14 Các văn bản liên quan	69
13. Cho vay cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết - YOUotc:.....	70
13.1 Đối tượng cho vay:	70
13.2 Mục đích vay vốn:	70
13.3 Điều kiện vay vốn:	70
13.4 Thời hạn cho vay:	70
13.5 Loại tiền cho vay – thu nợ:	70
13.6 Phương thức cho vay:.....	70
13.7 Tài sản đảm bảo:.....	70
13.8 Mức cho vay:	70
13.9 Mức giá xử lý:	71
13.10 Lãi suất:	71
13.11 Phương thức trả nợ:	71
13.12 Hồ sơ vay vốn:	71
13.13 Xử lý cổ phiếu cầm cố:	71
13.14 Thời gian xử lý hồ sơ:.....	71

13.15 Lưu ý:.....	72
13.16 Các văn bản liên quan:	72
14. Cho vay cầm cố cổ phiếu niêm yết - YOUstock	73
14.1 Đối tượng cho vay:	73
14.2 Mục đích vay vốn:	73
14.3 Loại tiền cho vay- thu nợ:	73
14.4 Phương thức cho vay:.....	73
14.5 Tài sản đảm bảo và xác định giá trị tài sản đảm bảo:.....	73
14.6 Thời hạn vay:	73
14.7 Lãi suất cho vay:	73
14.8 Mức cho vay :	73
14.9 Phương thức trả nợ:.....	74
14.9.1 Phương thức trả lãi:	74
14.9.2 Phương thức trả nợ gốc:.....	74
14.10 Thời gian giải quyết hồ sơ:	74
14.11 Thẩm quyền xét cấp tín dụng:	74
14.12 Thủ tục cầm cố chứng khoán:.....	74
14.13 Theo dõi hồ sơ:.....	75
14.14 Gia hạn nợ:.....	75
14.15 Chuyển nợ quá hạn:.....	75
14.16 Xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ:	75
14.17 Qua trình xử lý chứng khoán cầm cố:	75
14.18 Giải tỏa tài sản cầm cố:.....	76
14.19 Lưu ý:.....	76
14.20 Hồ sơ vay vốn:	76
14.21 Các văn bản liên quan:	76
15. Cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán - YOU t+2	78
15.1 Đối tượng cho vay:	78
15.2 Mục đích vay vốn:	78
15.3 Phương thức cho vay:.....	78
15.3.1 Cho vay theo hạn mức tín dụng:.....	78
15.3.2 Đối với từng lần rút vốn vay:	78
15.4 Giải ngân:	78

15.5 Loại tiền cho vay – thu nợ:	78
15.6 Tài sản đảm bảo:.....	78
15.7 Phương thức trả nợ: lãi và nợ gốc trả cuối kỳ.....	79
15.7.1 Đối với khách hàng:	79
15.7.2 Đối với ABS:.....	79
15.8 Lưu ý:	79
15.9 Hồ sơ vay vốn:.....	79
15.10 Các văn bản liên quan:	79
 16. Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán – YOU t+3.....	81
16.1 Đối tượng cho vay:	81
16.2 Mục đích vay vốn:	81
16.3 Loại tiền cho vay:.....	81
16.4 Phương thức cho vay:.....	81
16.5 Tài sản đảm bảo:.....	81
16.6 Thời hạn lãi suất cho vay:	81
16.7 Lãi suất và phí:.....	81
16.8 Hạn mức cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán :	81
16.9 Phương thức trả nợ:.....	81
16.10 Mức cho vay:.....	82
16.11 Quyền phán quyết đối với cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho Trưởng/phó đơn vị trực thuộc:.....	82
16.12 Lưu ý:.....	83
16.13 Hồ sơ vay vốn:	83
16.14 Các văn bản liên quan:	83
 17. Dịch vụ trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản - YOUhome	85
17.1 Giới thiệu sản phẩm:.....	85
17.2 Các định nghĩa liên quan:.....	85
17.3 Đối tượng áp dụng:	85
17.4 Loại tiền áp dụng:.....	85
17.5 Phí áp dụng:.....	86
17.6 Nguyên tắc cơ bản:.....	86
17.7 Thời hạn thực hiện:.....	86
17.7.1 Thời hạn thanh toán:.....	86

17.7.2 Thời hạn thực hiện công việc:.....	86
17.8 Lưu ý khi thực hiện hợp đồng:	88
17.9 Hồ sơ thực hiện trung gian thanh toán chuyển nhượng bất động sản:	88
17.10 Hiệu lực hợp đồng:.....	89
17.11 Quy trình thực hiện:.....	89
17.12 Các văn bản liên quan:	90
 18. Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản.	91
18.1 Mục đích:.....	91
18.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:.....	91
18.3 Nội dung:.....	91
18.4 Quy trình thực hiện:	91
18.4.1 Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng:	91
18.4.2 Quy trình thực hiện:	91
18.4.3. Thu hộ phí quản lý tài sản:.....	91
18.4.4 Các nguyên tắc về phí:	92
18.4.5 Báo cáo:	92
18.4.6 Tính bắt buộc, không bắt buộc khi sử dụng dịch vụ môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản.	92
18.5 Biểu phí quản lý dịch vụ tài sản:	93
18.6 Các văn bản liên quan:.....	93
19.1 Mục đích:.....	94
19.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:.....	94
19.3 Nội dung.....	94
19. Quy trình thực hiện dịch vụ thu hộ phí tư vấn giá trị tài sản tại ABLAND - YOfee	94
19.4 Quy trình thực hiện:	95
19.4.1. Lưu đồ thực hiện:	95
19.4.2. Diễn giải:	96
19.5 Các văn bản liên quan:.....	97
 20. Quy định thực hiện dịch vụ tư vấn tài chính đối với khách hàng cá nhân- YOfeeplus.	98
20.1 Quy định và mục đích.....	98
20.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:.....	98

20.3 Quy trình hướng dẫn thực hiện và thu phí khách hàng.....	98
20.3.1 Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng:	98
20.3.2. Thực hiện tư vấn tài chính cho khách hàng.....	98
20.3.3 Thu phí dịch vụ tư vấn tài chính:.....	98
20.3.4. Cấp giấy tư vấn tài chính:	99
20.3.5 Dịch vụ tài chính khách hàng cá nhân khác.....	99
20.5 Các văn bản liên quan:.....	99
21.1 Lãi suất cho vay, phí:.....	100
21.2 Phân quyền giảm lãi suất và phí:	100
21.3 Chương trình khuyến mãi:.....	100
21. Các văn bản liên quan khác.....	100



1. Cho vay mua nhà, đất; xây dựng, sửa chữa nhà - YOUhousePlus:

1.1 Đối tượng cho vay:

- Là cá nhân người Việt Nam, hộ gia đình hiện đang sinh sống hoạt động và cư trú hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.
- Cá nhân người nước ngoài (là người không có quốc tịch Việt Nam - theo Nghị định 51/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009) đáp ứng các điều kiện người nước ngoài được mua và sở hữu nhà tại Việt Nam theo quy định.
- Trường hợp khách hàng vay là cá nhân người nước ngoài được quy định nêu trên, đơn vị kinh doanh chuyển về Khối KHCN để được hướng dẫn cụ thể.

1.2 Điều kiện vay vốn:

- Có hộ khẩu thường trú/tạm trú cùng địa bàn chi nhánh, phòng giao dịch của ABBANK.
- Khách hàng vay có độ tuổi từ 20 đến 50 và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 đối với nam và 55 đối với nữ. Trường hợp, khách hàng vay/khách hàng bảo lãnh có độ tuổi nằm ngoài quy định của sản phẩm tín dụng cá nhân, Giám đốc Sở giao dịch/Chi nhánh (nếu CN chưa thành lập Ban tín dụng) được quyền tự quyết định việc cấp tín dụng cho những khách hàng này.
- Có tài sản đảm bảo là bất động sản (BDS) đang sở hữu hoặc chính BDS dự định mua hoặc BDS của bên thứ 3 là cha, mẹ, anh/chị, em ruột, người hôn phối.
- Đối với cho vay xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà mà làm thay đổi kết cấu nhà khách hàng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật bắt buộc; đồng thời phải có dự toán chi phí xây dựng/sửa chữa nhà và phải đáp ứng đủ các điều kiện về tài sản hình thành trong tương lai.
- Tái tài trợ cho nhu cầu mua nhà/đất nhưng thời gian xảy ra việc mua nhà/đất đến thời điểm ABBANK xét duyệt cho vay không quá 18 tháng. Việc tái tài trợ xây dựng, sửa chữa, nâng cấp thì thời gian hoàn tất việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà đến thời điểm ABBANK xét duyệt cho vay không quá 12 tháng.
- Chưa từng phát sinh nợ từ nhóm 3 trở đi tại ABBANK và các tổ chức tín dụng khác.
- Các điều kiện khác không quy định tại đây phải phù hợp với quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

1.3 Loại tiền áp dụng:

- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Loại tiền thu nợ: đồng Việt Nam (VNĐ)

1.4 Phương thức cho vay:

Cho vay từng lần

1.5 Mục đích cho vay:

- Cho mua nhà
- Cho vay nâng cấp xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà.
- Tái tài trợ mua nhà.

1.6 Tài sản đảm bảo:

- Tài sản đảm bảo (TSDB) là BĐS có giấy chủ quyền thuộc sở hữu hợp lệ của người vay hoặc chính BĐS người vay dự định mua hoặc được bảo lãnh bằng tài sản của người thân (cha, mẹ; anh, chị em ruột; người hôn phối).
- TSDB là BĐS chưa có chủ quyền hợp lệ mà Giấy sở hữu chỉ dưới dạng Hợp đồng mua bán của Chủ đầu tư được ABBANK chấp thuận thì giá trị TSDB là giá trị do Phòng thẩm định tài sản ABBANK quy định từng thời kỳ.
- Các đơn vị kinh doanh chủ động tìm kiếm và đề nghị cập nhật dự án và/hoặc chủ đầu tư vào danh mục dự án/chủ đầu tư được ABBANK chấp thuận. Khối KHCN/Khối KHDN là đầu mối xem xét và trình Hội đồng tín dụng phê duyệt cập nhật chủ đầu tư. Danh mục chủ đầu tư được ABBANK chấp thuận sẽ do Khối KHCN làm đầu mối thống nhất quản lý và thông báo đến các đơn vị kinh doanh. ABBANK chỉ ký Hợp đồng hợp tác/liên kết (HĐHT/LK) với các chủ đầu tư khi có yêu cầu.

1.7 Mức cho vay:

- Phù hợp với yêu cầu vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng tối đa là 90% tổng nhu cầu vốn nhưng không vượt quá 70% tổng giá trị TSDB.
Lưu ý: đối với các khoản vay có tài sản đảm bảo là quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán của chủ đầu tư được ABBANK chấp thuận mà điều kiện phê duyệt cập nhật dự án có quy định mức cho vay khác với mức cho vay nêu trên, đơn vị kinh doanh thực hiện theo mức cho vay khác đó.

1.8 Thời hạn cho vay:

- Trong từng trường hợp cụ thể, tùy theo nhu cầu của khách hàng, khả năng trả nợ thực tế của khách hàng, ABBANK sẽ xem xét và xác định thời hạn cho vay, thời hạn vay tối đa lên đến 20 năm đối với cho vay mua nhà/đất và 10 năm đối với xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà
- Riêng đối với trường hợp khách hàng là người nước ngoài thời hạn vay lên đến 20 năm nhưng không vượt quá thời hạn sở hữu còn lại của khách hàng vay đối với TSDB.
- Thời gian ân hạn trả nợ gốc tối đa là 36 tháng

1.9 Lãi suất:

- Theo chính sách Khách hàng và quy định về lãi suất của ABBANK vào từng thời kỳ.

1.10 Thanh toán Phí bảo hiểm:

- Đối với các hồ sơ vay YOUhouseplus phát sinh, Trưởng Đơn vị kinh doanh được quyền quyết định cấp bảo hiểm hoặc không cấp bảo hiểm cho khách hàng đồng thời phân công nhân viên nhập thông tin bảo hiểm, số giấy chứng nhận bảo hiểm trên phần mềm T24 theo hướng dẫn.
- Cuối mỗi tháng, Khối KHCN sẽ căn cứ vào báo cáo xuất ra từ T24 chuyển phí bảo hiểm của tháng đó một lần vào tài khoản của công ty Bảo hiểm mở tại ABBANK.
- Chi phí bảo hiểm sẽ được kế toán Hội sở hạch toán về cho các đơn vị kinh doanh sau khi đã chuyển phí bảo hiểm cho công ty bảo hiểm.

1.11 Phương thức trả nợ:

Đối với từng trường hợp cụ thể, theo yêu cầu vay và khả năng trả nợ của khách hàng mà chuyên viên tư vấn phương thức trả nợ phù hợp cho khách hàng, tuy nhiên số tiền khách

hàng trả nợ hàng tháng tối đa là 65% tổng thu nhập chứng minh được. Trường hợp, khách hàng có nhu cầu trả nợ số tiền lớn hơn 65% tổng thu nhập chứng minh được và chênh lệch giữa số tiền trả nợ và thu nhập chứng minh được lớn hơn hoặc bằng 10 triệu, đơn vị kinh doanh được quyền tự quyết định tỷ lệ thu nhập trả nợ.

1.11.1 Trả góp gốc đều hàng tháng:

- Nợ gốc trả đều hàng tháng, ân hạn trả nợ gốc tối đa là 36 tháng.
- Lãi trả hàng tháng, tính trên dư nợ vay thực tế.

1.11.2 Trả góp đều hàng tháng (gốc + lãi) – amort, hàng tháng khách hàng sẽ trả một số tiền như nhau.

- Nợ gốc trả hàng tháng/hàng quý, không áp dụng ân hạn trả nợ gốc.
- Lãi trả hàng tháng, tính trên dư nợ thực tế.

1.11.3. Trả theo ¼ thời hạn khoản vay. Số tiền trả gốc hàng kỳ tăng dần phù hợp với kỳ vọng và khả năng tăng thu nhập của khách hàng trong tương lai, cụ thể như sau:

- Trong ¼ thời gian đầu của thời hạn khoản vay, khách hàng được ưu đãi trả nợ gốc ở mức tối thiểu 10% trị giá khoản vay.
- Trong ¼ thời gian đầu của thời hạn khoản vay, khách hàng được ưu đãi trả nợ gốc ở mức tối thiểu 20% trị giá khoản vay.
- Trong ¼ thời gian đầu của thời hạn khoản vay, khách hàng được ưu đãi trả nợ gốc ở mức tối thiểu 30% trị giá khoản vay.
- Trong thời gian còn lại đến khi kết thúc khoản vay khách hàng phải trả góp phần nợ gốc còn lại của khoản vay.

Trong đó:

- Nợ gốc trả đều hàng tháng/hàng quý trong từng ¼ thời hạn khoản vay tương ứng.
- Thời gian ân hạn trả nợ gốc tối đa là 36 tháng.
- Lãi trả hàng tháng, tính trên dư nợ vay thực tế.
- CV QHKH phải thẩm định cụ thể và thuyết minh rõ nguồn thu nhập của khách hàng đủ khả năng trả nợ theo các thời đoạn tiếp theo.

Lưu ý: Trường hợp khách hàng trả nợ gốc hàng quý, CV QHKH phải thẩm định rõ lý do khách hàng yêu cầu trả gốc hàng quý và nêu cụ thể phương án trả nợ tại tờ trình thẩm định.

1.12 Giải ngân:

Đối với loại TSDB chưa có chủ quyền mà Giấy sở hữu chỉ dưới dạng Hợp đồng mua bán:

- ABBANK và khách hàng ký trước vào “biên bản thỏa thuận 3 bên” và chuyển đến chủ đầu tư, biên bản thỏa thuận 3 bên này phải được công ty gửi lại cho ngân hàng trước khi giải ngân. Trường hợp đơn vị cho vay không sử dụng mẫu “biên bản thỏa thuận 3 bên”, đơn vị kinh doanh chủ động thỏa thuận với Công ty chủ đầu tư và khách hàng lập “Biên bản thỏa thuận 3 bên” đầy đủ các nội dung sau:
- Công ty cam kết quản lý và không chuyển nhượng, cầm cố/thế chấp quyền sở hữu bất động sản/Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán cho bên thứ 3 nào khác mà không được sự đồng ý bằng văn bản của ABBANK trong thời gian khách hàng đang có dư nợ tại ABBANK.
- Công ty cam kết chuyển giao toàn bộ giấy tờ sở hữu hợp lệ của căn hộ/nền đất là đối tượng của Hợp đồng mua bán cho ABBANK ngay khi hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở.

- Trường hợp Hợp đồng mua bán bị hủy/chấm dứt vì bất kỳ lý do nào khi khách hàng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và/hoặc quyền sử dụng đất ở với nhà/đất thì Công ty cam kết sẽ chuyển toàn bộ số tiền mà khách hàng được nhận lại theo Quy định của Hợp đồng mua bán nhà/đất vào tài khoản của khách hàng mở tại ABBANK, đồng thời thông báo bằng văn bản cho ABBANK để tiện theo dõi.
- Hỗ trợ ABBANK xử lý nợ theo quy định nêu tại Hợp đồng thế chấp.
- Trường hợp biên bản thỏa thuận 3 bên không đầy đủ các nội dung nêu trên, Đơn vị kinh doanh gửi về Khối Quản trị tín dụng/KHCN để xem xét giải quyết trên cơ sở tham vấn Khối hỗ trợ pháp lý.
- ABBANK giải ngân vào TKTGTT của khách hàng từ đó chuyển khoản trực tiếp cho chủ đầu tư theo tiến độ thanh toán.

1.13 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
132/QĐ-NHAB.07	8/29/2007	Ban hành chủ đầu tư được chấp thuận theo quy trình cho vay mua nhà/đất có bảo hiểm người vay	
19/QĐ-NHAB.09	19/02/2009	Về việc điều chỉnh một số nội dung của sản phẩm tín dụng KHCN	Điều 3 bị thay thế bởi Qđ 61/QĐ-NHAB.09. Điều 1, 3 bị thay thế bởi Quyết định số 43/QĐ-TGD.10 ngày 04/03/2010. Điều 6 bị thay đổi bởi Quyết định số 29-2/QĐ-TGD.10
37-1/QĐ-NHAB.09	13/03/2009	Về việc điều chỉnh một số nội dung của sản phẩm tín dụng KHCN	Điều 3 bị thay thế bởi Quyết định số 29-2/QĐ-HĐQT.10 ngày 26/02/2010
29-2/QĐ-HĐQT.10	2/26/2010	Về việc ban hành quy trình cho vay mua nhà/đất, xây, sửa chữa, nâng cấp nhà có bảo hiểm người vay	
43/QĐ-TGD.10	3/4/2010	Về việc ban hành mức cho vay, thời hạn cho vay mua nhà/đất, xây sửa chữa nhà	
38-1/QĐ-TGD.10	2/26/2010	Về việc ban hành và hướng dẫn các mẫu biểu HĐTC đi kèm Quy trình YOUhouseplus	
66/QĐ-TGD.10	14/05/2010	V/V hướng dẫn thực hiện ngưng tặng bảo hiểm từ kỳ dư nợ cho khách hàng	

2. Cho vay mua xe ô tô - YOUcar:

2.1 Tiện ích của sản phẩm:

- Giúp khách hàng có đủ nguồn vốn để mua xe theo ý thích phục vụ nhu cầu đi lại, kinh doanh....
- Khách hàng vẫn đứng tên trên giấy đăng ký xe.
- Thủ tục vay đơn giản, linh hoạt và thời gian giải quyết hồ sơ nhanh chóng.

2.2 Quy định chung :

2.2.1 Đối tượng cho vay:

- Là KH cá nhân, DNTN, hộ kinh doanh/cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể người Việt Nam (gọi tắt là KH) có nhu cầu vay mua xe để phục vụ cho việc đi lại hoặc cho mục đích sản xuất kinh doanh.

2.2.2 Điều kiện vay vốn

2.2.2.1 Điều kiện đối với khách hàng:

- Có hộ khẩu thường trú cùng với địa bàn tỉnh/thành phố có Chi nhánh, Phòng Giao dịch nơi ABBANK cho vay;
- KH vay có độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Phải là chủ sở hữu ít nhất 01 Bất động sản (BDS) hoặc 01 sổ tiết kiệm hoặc chứng từ có giá mà trị giá ≥ 100 triệu đồng. Chủ sở hữu của tài sản này (BDS, sổ tiết kiệm hoặc chứng từ có giá) phải chính là KH vay hoặc của người hôn phối hợp pháp;
- Không có nợ từ nhóm 2 trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào;
- Điều kiện về nguồn thu nhập để trả nợ, KH phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện cho từng trường hợp cụ thể như sau:
 - Có nguồn thu nhập ổn định (sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt – cho cá nhân và những người phụ thuộc, các chi phí phát sinh khác) từ lương/sản xuất kinh doanh/các nguồn thu nhập khác... đảm bảo cho khoản vay này, cụ thể: Tổng số tiền (vốn+lãi) phải trả hàng tháng/ tổng thu nhập ròng $\leq 70\%$.
 - Trường hợp nguồn thu nhập trả nợ là từ lương thì phải thỏa điều kiện sau: thời gian công tác tối thiểu là 6 tháng tính đến thời điểm xét vay (căn cứ trên hợp đồng lao động, không tính thời gian thử việc).
 - Trường hợp nguồn thu nhập trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh, phải thỏa các điều kiện sau:
 - Khách hàng là chủ cơ sở kinh doanh, chủ Doanh nghiệp tư nhân;

- Ngành nghề kinh doanh/ Mục đích kinh doanh phải thuộc các ngành nghề không bị pháp luật cấm và không thuộc các ngành nghề ABBANK hạn chế cho vay;
- Khách hàng phải có hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, ổn định hơn 12 tháng tính đến thời điểm xét vay.

❖ **Lưu ý:** Không chấp nhận nguồn thu nhập chứng minh để trả nợ của khách hàng từ lợi nhuận kinh doanh phát sinh từ chính chiếc xe được ngân hàng xem xét tài trợ vốn vay.

2.2.2.2 Điều kiện đối với chiếc xe dự định mua;

- TSDB Có nguồn gốc hợp pháp;
- Đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của pháp luật và quy chuẩn các loại xe ABBANK chấp thuận tài trợ.

2.2.2.3 Các trường hợp không cho vay và hạn chế cho vay:

- a) Không cho vay đối với các KH sau:
 - KH thuộc trường hợp không được cho vay theo quy định của Pháp luật và của ABBank theo quy định hiện hành.
- b) Hạn chế cho vay đối với KH thuộc trường hợp sau:
 - KH thuộc trường hợp hạn chế cho vay theo quy định của Pháp luật và của ABBank theo quy định hiện hành.
 - Đối với cho vay KH mua xe ô tô với mục đích kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa thuộc các địa bàn xa xôi, hẻo lánh và các tuyến kinh doanh xe có độ rủi ro cao, các tuyến đường nhiều đèo, dốc nguy hiểm, không đăng ký luồng tuyến kinh doanh xe.

2.2.3 Mục đích vay vốn:

- Cho vay mua xe ô tô với mục đích kinh doanh: là cho vay với mục đích mua xe ô tô để kinh doanh/phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp thỏa mãn các điều kiện cho vay của ABBANK .
- Cho vay mua xe ô tô với mục đích tiêu dùng: là cho vay với mục đích mua xe ô tô làm phương tiện đi lại cá nhân, không nhằm mục đích kinh doanh, cho thuê.

2.2.4 Tài sản đảm bảo:

2.2.4.1 Tài sản đảm bảo là bất động sản:

- Tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc sở hữu hợp pháp của người vay hoặc của bên thứ 3 bao gồm cha mẹ, anh chị em ruột hoặc người hôn phối. Đủ điều kiện đảm bảo theo quy định của ABBANK

2.2.4.2 Tài sản đảm bảo là chính chiếc xe đề nghị ABBANK tài trợ vốn vay:

- TSDB là chính chiếc xe bao gồm: Xe được lắp ráp và sản xuất trong nước, xe nhập khẩu.
- Quy định về quy chuẩn tài sản đảm bảo là chính chiếc xe: Theo chính sách tín dụng của ABBANK từng thời kỳ, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - Xe phải có nguồn gốc hợp pháp, giấy tờ hợp lệ và đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của pháp luật.

- Xe phải là xe nhập khẩu hoặc xe liên doanh lắp ráp trong nước được mua từ các đại lý chính thức của các doanh nghiệp sản xuất xe tại Việt Nam.
- Nguyên tắc về phân loại các nhóm xe:

Nhóm	Xuất xứ
Nhóm 1	Các dòng xe của các hãng xe có xuất xứ từ Nhật, Châu Âu và Mỹ (bao gồm hãng GM DEAWOO)
Nhóm 2	Các dòng xe của các hãng xe có xuất xứ từ Hàn Quốc
Nhóm 3	Các dòng xe của các hãng xe có xuất xứ từ Trung Quốc

- Quy định về định giá tài sản đảm bảo là chính chiếc xe:
 - Trường hợp là xe được lắp ráp và sản xuất trong nước: giá trị TSĐB là trị giá chiếc xe được ghi rõ trong hợp đồng bao gồm thuế GTGT, không tính các phụ kiện gắn thêm theo yêu cầu của KH (dàn âm ly, màn hình LCD, hệ thống lạnh, đối với xe du lịch; và thùng xe, dàn đông lạnh... đối với xe tải), đồng thời cũng là giá trị căn cứ để xác định mức vay.
 - Trường hợp là xe nhập và xe cũ thì phải định giá theo quy định hiện hành của ABBANK về thẩm định tài sản đảm bảo.

2.2.5 Danh mục các loại xe được ABBANK tài trợ:

	Cho vay xe tiêu dùng	Cho vay xe kinh doanh
Xe sản xuất và lắp ráp trong nước	- Các loại xe ô tô mới 100% đến 9 chỗ ngồi thuộc nhóm 1, nhóm 2 theo bảng phân loại nhóm xe	- Các loại xe ô tô mới 100% đến 16 chỗ ngồi thuộc nhóm 1, nhóm 2; xe tải, xe bán tải có tải trọng tối đa 3,5 tấn, thuộc nhóm 1, nhóm 2 và 3 theo bảng phân loại nhóm xe
Xe nhập khẩu	- Các loại xe ô tô mới 100% đến 9 chỗ thuộc nhóm 1 và 2 theo bảng phân loại nhóm xe; - Các loại xe ô tô đã qua sử dụng đến 9 chỗ, có thời gian xuất xưởng dưới 03 năm tính đến ngày vay vốn và chất lượng còn lại tối thiểu 80% thuộc nhóm 1 theo bảng phân loại nhóm xe.	- Các loại xe ô tô mới 100% đến 16 chỗ thuộc nhóm 1 và 2 theo bảng phân loại nhóm xe;

2.2.6 Đồng tiền cho vay – thu nợ:

- Đồng tiền cho vay: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- Đồng tiền thu nợ: Đồng Việt Nam (VNĐ).

2.2.7 Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần.

2.2.8 Mức cho vay và thời hạn cho vay:

a) Cho vay xe tiêu dùng:

Cho vay xe tiêu dùng:	Chủng loại	Nhóm xe	Mức cho vay tối đa		Thời hạn cho vay tối đa (tháng)	
			Thế chấp bằng		Thế chấp bằng	
			Chính xe mua	BDS	Chính xe mua	BDS
Xe sản xuất và lắp ráp trong nước	Xe du lịch đến 9 chỗ mới 100%	Nhóm 1	75%	Tối đa 90% nhu cầu vốn nhưng không quá 70% giá trị TSDB do ABBANK định giá	60	60
		Nhóm 2	70%			
Xe nhập khẩu	Xe du lịch đến 9 chỗ mới 100%	Nhóm 1	70%		48	
		Nhóm 2				
	Xe du lịch đến 9 chỗ đã qua sử dụng	Nhóm 1	60%		36	
Các loại xe khác						

b) Cho vay xe hơi kinh doanh:

Cho vay xe hơi kinh doanh	Chủng loại	Nhóm xe	Mức cho vay tối đa		Thời hạn cho vay tối đa (tháng)	
			Thế chấp bằng		Thế chấp bằng	
			Chính xe mua	BDS	Chính xe mua	BDS
Xe sản xuất và lắp ráp	Xe du lịch đến 16 chỗ mới 100%	Nhóm 1	70%	Tối đa 90% nhu cầu vốn	60	60
		Nhóm 2	65%		48	

trong nước	Xe tải, xe bán tải mới 100%	Nhóm 1	60%	nhưng không quá 70% giá trị TSDB do ABBANK định giá	48		
		Nhóm 2			36		
		Nhóm 3	40%		24	36	
Xe nhập khẩu	Xe du lịch đến 16 chỗ mới 100%	Nhóm 1	65%			48	60
		Nhóm 2					
	Xe tải, xe bán tải mới 100%	Nhóm 1	60%			36	
		Nhóm 2					
	Xe du lịch đến 9 chỗ đã qua sử dụng	Nhóm 1	50%			36	
Các loại xe khác							

Lưu ý: Nếu thế chấp bằng chính xe mua và KH có nguồn thu nhập từ lương sau thuế và các khoản khác từ 2000 USD (hai ngàn USD) trở lên hoặc VND quy đổi tương đương tại thời điểm xét vay, thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng, mức cho vay có thể lên đến 80% nhu cầu vay vốn, nhưng chỉ áp dụng với các nhãn xe thuộc nhóm 1.

2.2.9 Lãi suất:

- Theo quy định về lãi suất của ABBANK vào từng thời kỳ.

2.2.10 Phương thức trả nợ:

ABBANK áp dụng 2 phương thức trả nợ như sau:

- Trả góp đều hàng tháng – amort: tiền lãi và gốc trả đều hàng tháng, lãi tính trên dư nợ giảm dần.
- Trả gốc đều hàng tháng, tiền lãi trả đều hàng tháng và tính trên dư nợ giảm dần.

❖ **Lưu ý:** Không ân hạn trả nợ gốc, lãi cho cả 2 phương thức trên.

2.2.11 Quy định về bảo hiểm xe (Đối với trường hợp TSDB là chính chiếc xe mua):

- KH chỉ được mua các sản phẩm bảo hiểm vật chất thân xe của các công ty bảo hiểm thuộc danh mục được ABBank chấp thuận theo quy định hiện hành của ABBANK. Khối KHCN là đơn vị được ủy quyền thông báo đến các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống danh sách các công ty bảo hiểm được ABBANK chấp thuận.
- KH phải mua bảo hiểm vật chất cho TSDB trước khi ABBANK giải ngân với các điều kiện sau :

- Thời hạn tối thiểu của mỗi Hợp đồng bảo hiểm là 12 tháng và liên tục trong suốt thời gian có dư nợ tại ABBANK;
- ABBANK là người thụ hưởng đầu tiên khi phát sinh sự kiện bảo hiểm;
- Trị giá bảo hiểm :
 - ❖ Năm đầu tiên: Tối thiểu là 100% trị giá chiếc xe do ABBANK định giá.
 - ❖ Các năm tiếp theo: Trước khi hết thời hạn bảo hiểm 01 tháng, KH phải mua bảo hiểm tái tục: Tối thiểu là 110% dư nợ cho vay mua xe ô tô.

Trường hợp khách hàng không mua bảo hiểm theo quy định, ABBANK có quyền chấm dứt khoản vay, thu hồi nợ trước hạn.

- Hợp đồng bảo hiểm vật chất thân xe ký kết giữa KH, công ty bảo hiểm phải có các nội dung tối thiểu như sau:
 - ❖ Trường hợp 1: Trường hợp có tổn thất hay thiệt hại vật chất xe, Công ty Bảo hiểm giám định và kết luận sửa chữa được, Công ty Bảo hiểm sẽ chuyển tiền bồi thường bảo hiểm cho bên sửa chữa/bên chủ xe, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản về mức độ tổn thất/thiệt hại, việc hoàn thành sửa chữa được và bản sao hóa đơn thanh toán cho ABBANK;
 - ❖ Trường hợp 2: Trường hợp tổn thất đến mức bồi thường toàn bộ thì số tiền bồi thường cho người thụ hưởng là ABBANK. Sau khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng vay mua xe của KH và thanh lý hợp đồng vay, ABBANK sẽ chuyển phần còn thừa (nếu có) vào TKTT của KH mở tại ABBANK;
 - ❖ Khi không có sự đồng ý bằng văn bản của ABBANK, thì hợp đồng bảo hiểm không được hủy bỏ, thay đổi trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Lưu ý:

- Trường hợp Công ty bảo hiểm giám định mức tổn thất $\geq 10\%$ giá trị sử dụng còn lại, CV QHKH/QLTD thông báo cho CV TĐG để tiến hành thẩm định lại giá trị TSĐB. Thời gian định giá lại tối đa 02 tuần kể từ ngày hoàn tất việc sửa chữa theo thông báo của Công ty bảo hiểm.

2.2.12 Giải ngân:

2.2.12.1 Đối với TSĐB là chính chiếc xe dự định mua:

a. Điều kiện giải ngân:

Trường hợp giải ngân theo giấy hẹn cấp đăng ký xe:

- Chỉ chấp nhận khi ABBANK và công ty/đại lý bán xe đã ký Hợp đồng liên kết về việc cho vay mua xe ô tô trả góp
- KH đủ điều kiện và được ABBANK chấp thuận cho vay;
- KH đã thanh toán đủ phần vốn tự có cho Công ty/Đại lý bán xe;
- KH và Công ty/Đại lý cùng đi đăng ký tại cơ quan CSGT và được nhận Giấy hẹn ngày cấp Giấy đăng ký xe;

- ABBANK chỉ giải ngân sau khi KH bổ sung các giấy tờ cụ thể như sau:
 - Hợp đồng mua bán xe (bản chính) (nếu chưa cung cấp);
 - Giấy hẹn hoặc biên nhận đăng ký xe của cơ quan CSGT (bản chính);
 - Hoá đơn (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
 - Giấy chứng nhận xuất xưởng (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
 - Phiếu thu phần vốn tự có của KH (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
 - Hợp đồng bảo hiểm vật chất thân xe với giá trị bảo hiểm tối thiểu 100% trị giá chiếc xe dự định mua (bản chính) (căn cứ trên Hợp đồng mua bán);
 - Chứng từ đã đóng phí Bảo hiểm (bản chính hoặc bản sao có xác nhận sao y bản chính của công ty Bảo hiểm).
- Trường hợp Tài sản đảm bảo là xe nhập khẩu, trước khi giải ngân, ngoài các loại giấy tờ nêu trên, KH phải bổ sung thêm:
 - Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, và phụ lục kèm theo (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe) (nếu có);
 - Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu (thay thế giấy chứng nhận xuất xưởng) (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
 - Thông báo miễn/giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe).

✚ Trường hợp giải ngân khi có giấy đăng ký xe:

- KH đã thanh toán đủ phần vốn tự có cho Công ty bán xe.
- KH hoặc công ty/đại lý bán xe chuyển bản chính Giấy đăng ký xe ô tô cho ABBANK trước khi tiến hành giải ngân.

✚ Lưu ý:

- Đối với TSDB là chính xe mua đã qua sử dụng, ĐVKD phải thực hiện kiểm tra thông tin tại Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm trước khi giải ngân để đảm bảo xác định nguồn gốc xe và ABBANK là người được ưu tiên thứ nhất khi xử lý tài sản đối với TSDB này.
- Việc giải ngân sẽ chỉ được thực hiện sau khi có xác nhận đã đăng ký giao dịch đảm bảo.

b. Phương thức giải ngân :

Sau khi thực hiện ký thế chấp song phương, đăng ký Giao dịch đảm bảo và mua bảo hiểm vật chất thân xe, ABBANK giải ngân 100% giá trị khoản vay vào TKTGTT của KH và ngay lập tức chuyển khoản trực tiếp cho công ty bán xe.

2.2.12.2 Đối với TSDB là BDS: (Ngoài các điều kiện về việc nhận tài sản đảm bảo là BDS theo quy định hiện hành của ABBANK)

a) Điều kiện giải ngân:

- Hợp đồng mua bán xe (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
- Hóa đơn (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
- Giấy chứng nhận xuất xưởng/ Bản sao tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe);
- Phiếu thu phần vốn tự có của KH (bản sao, có xác nhận sao y bản chính của công ty bán xe).

b) Phương thức giải ngân:

- Sau khi thực hiện thủ tục công chứng thế chấp, đăng ký Giao dịch đảm bảo, ABBANK giải ngân 100% giá trị khoản vay vào TKTGTT của KH và ngay lập tức chuyển khoản trực tiếp cho công ty bán xe.

2.2.13 Quy định về gửi công văn ngăn chặn đến Cơ quan công an:

2.2.13.1 Đối với trường hợp TSDB là chính xe mua, Các ĐVKD khi thực hiện thủ tục gửi “Công văn ngăn chặn” đến Cơ quan Công an, yêu cầu phải có xác nhận của Cơ quan Công an về việc đã nhận công văn của ABBANK.

2.2.13.2 Riêng các ĐVKD không nhận được sự hợp tác từ phía Cơ quan Công an về nội dung đã nêu ở mục 6.12.1, đơn vị sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh bảo đảm để gửi “Công văn ngăn chặn”. Cách thức thực hiện như sau:

- Trước khi gửi đi:
 - + CV QLTD trình cấp có thẩm quyền ký công văn ngăn chặn, photo 1 bản lưu hồ sơ;
 - + Nhân viên của ABBANK phụ trách gửi công văn sẽ ghi: số công văn, nội dung sơ bộ (công văn ngăn chặn), ngày tháng năm gửi trên chứng từ bưu điện.
- Yêu cầu Công ty chuyển phát nhanh gửi trả Giấy báo phát và có chữ ký xác nhận đã nhận của Cơ quan Công an. CV QLTD lưu giữ Giấy báo phát kèm với bản photo “Công văn ngăn chặn”.

2.2.14 Kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay và tái thẩm định TSDB:

Định kỳ 03 tháng/lần hoặc đột xuất khi cần thiết CV QHKH phối hợp Trung tâm Thẩm định tài sản đảm bảo tiến hành tái thẩm định tài sản đảm bảo là chính xe mua.

Trường hợp cho vay mua xe ô tô mục đích kinh doanh vận tải hành khách/hàng hóa, sau khi giải ngân CV QHKH/CV QLTD yêu cầu KH bổ sung những giấy tờ sau để kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của KH mua xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách/hàng hóa:

a) Trong vòng 1 tháng sau ngày giải ngân:

- Hồ sơ mở tuyến (Đơn xin mở tuyến, Hợp đồng vận chuyển hành khách hoặc Đăng ký kinh doanh ...)

- Sổ nhật trình chạy xe
- Vé xe (nếu có)
- Sổ ghi chép theo dõi thu chi hàng ngày
- Sổ đăng kiểm (nếu chưa có khi giải ngân)
- Bản cam kết thực hiện quy định hoạt động trên tuyến
- Phương án chạy xe
- Giấy chấp thuận của Sở GTVT (GTCC) cho phép kinh doanh vận tải hành khách/hàng hóa
- Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý tuyến

b) Định kỳ 3 tháng:

- Sổ nhật trình chạy xe;
- Sổ ghi chép thu chi hàng ngày.

2.2.15 Hồ sơ vay vốn

- CMND, hộ khẩu hoặc thường trú dài hạn, đăng ký kết hôn.
- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương vay & trả nợ
- Hồ sơ TSĐB: Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất và sở hữu nhà/ Hợp đồng mua bán xe và biên nhận đặt cọc...
- Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập trong khuôn khổ pháp luật cho phép: xác nhận lương, bảng chi trả lương, Hợp đồng lao động (Quyết định bổ nhiệm chức vụ); Hợp đồng cho thuê nhà, xe cùng giấy tờ chứng minh quyền sở hữu ...
- Giấy tờ chứng minh tài sản sở hữu, bất động sản.
- Giấy tờ khác theo yêu cầu của ABBANK.

2.2.16 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - ✚ Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSĐB cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

2.3 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
231/QĐ-TGD.11	09/06/2011	Ban hành quy trình cho vay mua xe ô tô dành cho khách hàng cá nhân	

232/QĐ-TGD.11	09/06/2011	Quyết định v/v quy chuẩn các loại xe ABBANK chấp thuận tài trợ, mức cho vay, thời hạn vay.	
96/TBNB-TGD.11	17/06/2011	Áp dụng một số nội dung liên quan đến việc mua bán công ty bán xe.	

The logo for ABBANK is displayed in a large, light blue, stylized font. The letters 'A', 'B', 'B', 'A', 'N', 'K' are in a consistent blue color, while the final 'K' is followed by a yellow chevron pointing to the right.

3. Cho vay sản xuất kinh doanh trả góp - YOUshop:

3.1 Đối tượng vay vốn:

Là cá nhân, hộ KD cá thể, DNTN đang/chưa kinh doanh nhưng có dự án đầu tư SXKD được ABBANK chấp thuận.

3.2 Điều kiện vay vốn:

- Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn cùng với địa bàn tỉnh/thành phố có Chi nhánh, Phòng Giao dịch nơi ABBANK cho vay;
- Khách hàng vay từ 18 tuổi trở lên và khi kết thúc khoản vay khách hàng không quá 60 tuổi;
- Khách hàng đã có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, liên tục từ 12 tháng trở lên (đối với nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh);

Hoặc khách hàng chưa kinh doanh nhưng dự án đầu tư sản xuất kinh doanh được ABBANK chấp thuận và thỏa mãn ít nhất 1 trong 2 điều kiện sau đây:

- + Hoặc có nguồn thu nhập trả nợ ổn định, độc lập với nguồn tiền từ dự án đầu tư (nguồn trả nợ từ lương, cho thuê nhà/xe, cổ tức...)
 - + Hoặc chủ dự án đầu tư có thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng trong ngành có liên quan trực tiếp.
- Dự án kinh doanh khả thi, hiệu quả và có khả năng trả nợ;
 - Khách hàng có đầy đủ năng lực tài chính và nguồn trả nợ rõ ràng để thực hiện các nghĩa vụ với ABBANK;
 - Có mục đích vay được quy định chi tiết tại khoản 3.3;
 - Tài sản bảo đảm (TSBD) thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối, con ruột của khách hàng vay);
 - Tại thời điểm xét vay, người vay không có nợ quá hạn nhóm 2 trở lên tại ABBANK và bất kỳ các TCTD nào;
 - Ngành nghề kinh doanh hoặc mục đích kinh doanh của khách hàng không bị pháp luật cấm và không thuộc các ngành nghề ABBANK hạn chế cho vay. Cụ thể:
 - ✓ Các ngành nghề pháp luật cấm:
 - Kinh doanh vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng.
 - Kinh doanh chất nổ, chất độc, chất phóng xạ.
 - Kinh doanh chất ma túy
 - Kinh doanh ma túy, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ trẻ em

- Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc.
 - Kinh doanh các hóa chất có tính độc hại mạnh.
 - Kinh doanh hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng. Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín, dị đoan hoặc có hại đến giáo dục nhân cách
 - Kinh doanh các loại pháo
 - Kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.
- ✓ Đối các ngành nghề ABBANK hạn chế cho vay, trường hợp ĐVKD phát sinh khoản vay theo các mục đích sau, CV QHKH phải thẩm định kỹ phương án kinh doanh, mục đích vay, khả năng trả nợ của khách hàng:
- Karaoke
 - Massage
 - Vũ trường – Bar
 - Internet
 - Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

3.3 Mục đích vay vốn:

- Bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).
- Đầu tư /sửa chữa, nâng cấp cơ sở sản xuất kinh doanh, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.4 Thời hạn cho vay:

3.4.1 Thời hạn cho vay:

- Tối đa **không quá 12 tháng** đối với mục đích bổ sung vốn kinh doanh mà nguồn vốn kinh doanh được tài trợ này là vốn lưu động và/hoặc các khoản vốn ngắn hạn khác phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tối đa **không quá 60 tháng** đối với các khoản vốn vay đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tối đa **không quá 120 tháng** đối với mục đích vay đầu tư/sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, cơ sở sản xuất kinh doanh phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm kinh doanh BĐS), tuy nhiên phải đáp ứng các điều kiện sau:

🚧 Mục đích vay:

Mục đích vay đầu tư/sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, cơ sở sản xuất kinh doanh phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm kinh doanh BĐS cho các nhu cầu sau:

- + Xây dựng Khu công nghiệp, Khu chế xuất;
- + Xây dựng Khu đô thị;
- + Xây dựng văn phòng, cao ốc cho thuê;

- + Xây dựng, sửa chữa, mua nhà để ở, nhà để ở kết hợp với cho thuê mà các khoản vay này KH trả nợ bằng các nguồn thu nhập không phải là tiền lương của KH vay;
 - + Mua quyền sử dụng đất;
 - + Xây dựng, sửa chữa và mua nhà để bán, cho thuê;
 - + Đầu tư KD BĐS khác (xây dựng khách sạn, nhà hàng để bán, cho thuê nhưng không bao gồm các nhu cầu vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ SXKD).
- 🚧 **Tài sản bảo đảm:** Chỉ áp dụng nếu TSBĐ là BĐS hoặc SPHĐV theo quy định của ABBANK theo từng thời kỳ.

3.4.2 Ân hạn:

- Không ân hạn đối với mục đích vay bổ sung vốn lưu động và đầu tư ngắn hạn.
- Ân hạn tối đa 06 tháng đối với mục đích vay: Đầu tư /sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, cơ sở sản xuất kinh doanh, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.5 Mức cho vay:

3.5.1 Được xác định dựa trên các căn cứ sau:

- a. Nhu cầu vay vốn của khách hàng.
- b. Khả năng trả nợ, uy tín thanh toán của khách hàng và bên bảo lãnh (nếu có).
- c. Mức cho vay:
 - 🚧 TSBĐ là BĐS: Mức cho vay tối đa 80% giá trị tài sản bảo đảm.
 - 🚧 TSBĐ không phải là BĐS: Mức cho vay tuân thủ theo quy định về tỷ lệ cho vay trên TSBĐ hiện hành của ABBANK.

Ghi chú: Theo Quy định về tỷ lệ cho vay trên tài sản bảo đảm kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TGD.10 ngày 25/10/2010 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP An Bình và các văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung có liên quan (nếu có).

3.5.2 Trường hợp mức cho vay vượt mức quy định tại mục 6.5.1 phải trình Khối Quản trị Tín dụng xem xét và phê duyệt.

3.6 Lãi suất cho vay và các loại phí:

3.6.1 Lãi suất:

- Áp dụng theo biểu lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân được Tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ.
- Việc điều chỉnh lãi suất cho vay thực hiện theo quy định về lãi suất của ABBANK vào từng thời điểm cụ thể

3.6.2 Các loại phí:

Thực hiện thu phí theo quy định hiện hành

3.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: VND
- Loại tiền thu nợ: VND

3.8 Tài sản đảm bảo:

- Thực hiện theo quy định hiện hành của ABBANK.
- Đối với từng loại TSBĐ đặc thù (như chứng khoán, SPHĐV, xe,...), ĐVKD có thể tham chiếu/áp dụng thủ tục nhận thế chấp/cầm cố, quản lý TSBĐ theo quy định cụ thể của từng sản phẩm cho vay tương ứng và các văn bản khác có liên quan.

3.9 Phương thức cho vay:

- ABBANK thực hiện cho vay theo phương thức cho vay từng lần.
- Phương thức cho vay từng lần thực hiện theo Quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

3.10 Phương thức giải ngân:

- Giải ngân 01 lần hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào TKTGTT của khách hàng mở tại ABBANK.
- Trước khi giải ngân khách hàng vay phải xuất trình giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.
- Trường hợp khách hàng bổ sung chứng từ sau giải ngân thì trường đơn vị phải đảm bảo chứng từ sẽ được bổ sung trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân.

3.11 Phương thức trả nợ:

- Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng.
- Kỳ hạn trả vốn gốc: hàng tháng/hàng quý.

3.12 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án vay & trả nợ;
- CMND, hộ khẩu của khách hàng vay và bên thứ ba (nếu có);
- Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Giấy tờ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp, hợp lệ đối với TSBĐ của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Giấy đăng ký kinh doanh, biên lai thuế 03 tháng gần nhất;
- Tài liệu thuyết minh mục đích sử dụng vốn vay: hợp đồng đầu vào/đầu ra, hóa đơn mua/bán hàng, và các chứng từ khác (nếu có);
- Sổ theo dõi doanh thu, các khoản công nợ phải thu – phải trả (nếu có);
- Hợp đồng tín dụng, chứng từ thanh toán tiền vay ở các TCTD khác (nếu có);
- HĐLĐ/xác nhận lương và sao kê tài khoản/bảng kê lương trong 03 tháng gần nhất (đối với nguồn trả từ lương);
- Giấy tờ sở hữu tài sản và hợp đồng cho thuê tài sản (đối với nguồn trả từ cho thuê tài sản);
- Các giấy tờ liên quan khác.

3.13 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - + Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - + Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - + Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - + Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - + Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - + Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

3.14 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
273/QĐ-TGD.11	15/07/2011	Quy trình cho vay sản xuất kinh doanh trả góp	
102/QĐ-HĐQT.10	26/05/2010	Quy định một số nội dung của sản phẩm tín dụng cá nhân	

4. Cho vay bổ sung vốn lưu động SXKD, dịch vụ - YOUshopPlus:

4.1 Đối tượng vay vốn:

- Là các khách hàng vay tại ABBANK là doanh nghiệp tư nhân (DNTN), hộ kinh doanh cá thể và cá nhân người Việt Nam có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự có nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và phục vụ.

4.2 Điều kiện vay vốn:

- Khách hàng có độ tuổi trên 18 và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.
- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và/hoặc giấy phép hành nghề (còn hiệu lực) hoặc không đăng ký kinh doanh nhưng thực tế đang hoạt động kinh doanh .
- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, liên tục từ tháng 12 trở lên hoặc khách hàng chưa kinh doanh nhưng chủ dự án đầu tư có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 12 tháng trong ngành có liên quan trực tiếp và dự án được ABBANK thẩm định.
- Có mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ.
- TSDB thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay/ hoặc của bên thứ 3.
- Không bị nợ nhóm 3 trở lên tại bất kỳ TCTD nào.
- Ngành nghề kinh doanh hoặc mục đích kinh doanh của khách hàng không bị pháp luật cấm và không thuộc ngành nghề ABBANK cấm.

4.3 Mục đích vay vốn:

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

4.4 Thời hạn cho vay:

- Đối với cho vay từng lần: tối đa không quá 12 tháng.
- Đối với cho vay theo hạn mức tín dụng: Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tối đa không quá 12 tháng.

4.5 Mức cho vay:

- Tối đa 80% nhu cầu vốn lưu động nhưng không vượt quá 80% giá trị TSDB nếu là BĐS, Không quá 60% giá trị TSDB nếu TSDB không phải là BĐS.
- Mức cho vay tối thiểu 100 triệu đồng, đối với các tỉnh miền Tây, miền Trung hoặc các tỉnh thành không phải thành phố thuộc Trung ương quản lý, **mức cho vay tối thiểu là 50 triệu đồng..**
- ***Trường hợp mức cho vay vượt trên 70% giá trị tài sản đảm bảo là bất động sản***, mặc dù giá trị khoản vay vẫn còn nằm trong hạn mức phán quyết của các đơn vị (Trung tâm kinh doanh, Chi nhánh, Phòng Giao dịch) thì các đơn vị vẫn phải gửi hồ sơ tài sản đảm bảo về Hội sở định giá.

4.6 Lãi suất cho vay và các loại phí:

4.6.1 Lãi suất:

- Theo quy định về lãi suất do Tổng Giám Đốc ABBANK ban hành vào từng thời điểm.
Phương thức tính lãi: lãi suất cố định trong suốt thời gian vay.

- Trường hợp khách hàng được ABBANK đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ [điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ] hoặc khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn thì lãi suất cho vay được thực hiện theo Quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

4.6.2 Các loại phí:

Thực hiện thu phí theo quy định hiện hành

4.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: VNĐ
- Loại tiền thu nợ: VNĐ

4.8 Tài sản đảm bảo:

- TSĐB thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/ hoặc của bên thứ 3.
- TSĐB là BĐS (đất đai, nhà, xưởng,...); máy móc thiết bị; các giấy tờ có giá do ABBANK phát hành, chứng khoán được ABBANK chấp thuận làm TSĐB; vàng, hàng hóa, quyền phải thu.

4.9 Phương thức cho vay:

- ABBANK thực hiện cho vay theo phương thức cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức tín dụng.
- Phương thức cho vay từng lần hoặc hạn mức thực hiện theo Quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

4.10 Phương thức giải ngân:

4.10.1 Đối với phương thức cho vay từng lần:

- Giải ngân 01 lần hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào TKTGTT của khách hàng mở tại ABBANK.
- Trường hợp giải ngân nhiều lần thì khách hàng vay phải xuất trình giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trước khi giải ngân; trường hợp khách hàng bổ sung chứng từ sau giải ngân thì Trưởng Đơn vị phải đảm bảo chứng từ sẽ được bổ sung trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân.

4.10.2 Đối với phương thức cho vay theo hạn mức:

- Giải ngân theo từng Hợp đồng rút vốn vay cụ thể. Mỗi hợp đồng rút vốn vay cụ thể không quá 12 tháng.

4.11 Phương thức trả nợ:

- Lãi trả hàng tháng.
- Vốn trả cuối kỳ (đối với cho vay theo hạn mức: vốn trả cuối kỳ được hiểu là trả vào ngày đáo hạn của mỗi hợp đồng rút vốn vay cụ thể)

4.12 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:

- ✚ Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
- ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
- ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
- ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
- ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
- ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

4.13 Hồ sơ vay vốn:

a. Đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ kinh doanh cá thể:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án kinh doanh và Tự khai nguồn thu nhập – chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- CMND, hộ khẩu/KT3 của khách hàng vay và của bên thứ 3 (nếu có);
- Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Biên lai thuế 03 tháng gần nhất;
- Sổ theo dõi doanh thu, công nợ (phải thu – phải trả), tồn kho (nếu có);
- Một số hợp đồng kinh tế đã và đang thực hiện hoặc hóa đơn mua/bán (nếu có)
- Giấy tờ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp, hợp lệ đối với TSDB của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Hợp đồng tín dụng, chứng từ thanh toán tiền vay ở các TCTD khác (nếu có);

b. Đối tượng khách hàng là Doanh nghiệp tư nhân (DNTN);

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án kinh doanh và Tự khai nguồn thu nhập – chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Chứng từ pháp lý:
 - + Giấy phép thành lập doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;
 - + CMND, hộ khẩu của chủ doanh nghiệp và người hôn phối;
- Báo cáo tài chính
 - + Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm gần nhất (nếu có đủ 03 năm);
 - + Bảng thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tình hình vay nợ, hàng tồn kho, công nợ phải thu – phải trả (nếu có);
 - + Tờ khai thuế giá trị gia tăng tối thiểu 06 tháng gần nhất;
- Tài liệu thuyết minh mục đích sử dụng vốn vay:
 - + Hợp đồng đầu vào, đầu ra;
 - + Hóa đơn bán hàng;
 - + Giấy tờ liên quan đến tài sản mua (hợp đồng đặt cọc, biên lai nộp tiền, bảng báo giá máy móc thiết bị, giấy tờ sạp định mua.....);
- Hồ sơ BDS thế chấp:

- + CMND, hộ khẩu của chủ tài sản và người hôn phối. Trường hợp chủ tài sản không phải là chủ doanh nghiệp thì chủ tài sản phải có mối quan hệ là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối với chủ doanh nghiệp);
- + Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của chủ tài sản;
- + Giấy tờ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp, hợp lệ của chủ tài sản đối với TSĐB;
- Các giấy tờ khác:
 - + Hợp đồng tín dụng, chứng từ thanh toán tiền vay ở các TCTD khác (nếu có)

4.14 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
106/QĐ-TGD.07	7/30/2007	Quy trình cho vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh dịch vụ	
01/QĐ-TGD.10	4/1/2010	Chấm dứt hiệu lực của quyết định 16/QĐ-NHAB.08 "v/v Tặng bảo hiểm tử kỳ dư nợ cá nhân cho khách hàng vay đối với sản phẩm YOUshop, YOUshopplus".	

ABBANK

5. VAY VÀNG BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG – YOUshopPlusGold:

5.1 Đối tượng áp dụng :

- Cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân có giấy phép kinh doanh vàng.

5.2 Điều kiện vay vốn:

- Khách hàng có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.
- Khách hàng có độ tuổi từ 18 trở lên và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ.
- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vàng hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, liên tục từ 12 tháng trở lên. Có tài sản đảm bảo (TSDB) thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối của khách hàng vay).
- Người vay không bị nợ từ Nhóm 3 trở lên tại bất kỳ TCTD nào.

5.3 Mục đích vay vốn

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ vàng.

5.4 Phương thức cho vay:

- Cho vay theo phương thức cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức tín dụng thực hiện theo Quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

5.5 Thời hạn cho vay

- Đối với cho vay từng lần: tối đa không quá 12 tháng. Trường hợp khách hàng chưa rút số tiền được duyệt vay mà khoản vay bị chuyển đổi theo quy định chuyển đổi loại tiền vay vàng sang vay VNĐ thì khách hàng không được tiếp tục rút vốn vay từ phần hạn mức còn lại.
- Đối với cho vay theo hạn mức tín dụng:
 - + Thời hạn hiệu lực rút vốn của hạn mức tín dụng tối đa không quá 12 tháng. Tuy nhiên, thời hạn hiệu lực của hạn mức sẽ bị chấm dứt ngay thời điểm chuyển đổi nếu phát sinh bất kỳ khoản vay nào được giải ngân từ hạn mức này bị chuyển đổi theo quy định tại chuyển đổi loại tiền vay vàng sang vay VNĐ.
 - + Mỗi Giấy nhận nợ cụ thể có thời hạn tối đa không quá 12 tháng, tùy thuộc vào thẩm định của CV QHKH và/hoặc phê duyệt của cấp có thẩm quyền, căn cứ vào đặc điểm kinh doanh của khách hàng.

5.6 Phương thức trả nợ:

- Lãi trả hàng tháng.
- Vốn trả cuối kỳ (đối với cho vay theo hạn mức: vốn trả cuối kỳ được hiểu là trả vào ngày đáo hạn của mỗi Giấy nhận nợ cụ thể)

5.7 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: Vàng

- Loại tiền thu nợ: Vàng hoặc đồng Việt Nam (VND) quy đổi theo giá bán vàng của ABBANK tại thời điểm thanh toán.

Lưu ý: Cho vay bằng loại vàng nào thì trả nợ bằng loại vàng đó, ví dụ: cho vay bằng vàng miếng SJC 99.99 thì trả bằng vàng miếng SJC 99.99.

5.8 Tài sản đảm bảo (TSDB):

- Là bất động sản thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối của khách hàng vay).

5.9 Mức cho vay:

- Được xác định dựa trên các căn cứ sau:
 - + Nhu cầu vốn lưu động của khách hàng.
 - + Khả năng trả nợ, uy tín thanh toán của khách hàng.
- Mức cho vay tối đa không quá:
 - + **80% tổng nhu cầu vốn lưu động.** Nếu khách hàng đã được tài trợ 1 phần từ TCTD khác thì mức cho vay của ABBANK không vượt quá 80% tổng nhu cầu vốn – mức đã tài trợ của các TCTD khác, và
 - + **65% giá trị TSDB** do ABBANK định giá.

5.10 Lãi suất và các loại phí cho vay:

- Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ABBANK từng thời kỳ.

5.11 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án kinh doanh, Tự khai nguồn thu nhập – chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- CMND, hộ khẩu/tạm trú của khách hàng vay và của bên thứ 3 (nếu có);
- Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Biên lai thuế 03 tháng gần nhất;
- Sổ theo dõi doanh thu, công nợ (phải thu – phải trả), tồn kho (nếu có);
- Một số hợp đồng kinh tế đã và đang thực hiện hoặc hóa đơn mua/bán (nếu có)
- Giấy tờ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp, hợp lệ đối với TSDB của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có);
- Hợp đồng tín dụng, chứng từ thanh toán tiền vay ở các TCTD khác (nếu có);

5.12 Thẩm quyền xét duyệt cho vay

- Cấp tín dụng: phù hợp các quy định của ABBANK từng thời kỳ. Trường hợp phát sinh khoản vay thuộc hạn mức thẩm quyền phán quyết của các đơn vị đơn vị kinh doanh, nhưng có bất kỳ điều khoản nào không phù hợp với quy định tại quy trình này, đơn vị kinh doanh trình về Khối Quản trị Tín dụng – Hội sở để được xem xét, phê duyệt.
- Giải ngân: các khoản giải ngân bằng vàng phải có phê duyệt của cấp thẩm quyền do ABBANK quy định từng thời kỳ.

Lưu ý:

Trường hợp khách hàng vay đồng ý bán ngay cho ABBANK số vàng đã giải ngân theo giá mua vàng của ABBANK tại thời điểm giải ngân thì các đơn vị kinh doanh không cần trình Khối nguồn vốn phê duyệt giải ngân.

5.13 Việc theo dõi khoản vay bằng vàng (nêu tại bước 6) phải đảm bảo các quy định như sau:

- Khi có sự thay đổi của giá vàng, dẫn đến
 - o **Rcd = 75%**, các đơn vị kinh doanh yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo hoặc trả bớt nợ nhằm đảm bảo tỷ lệ giá trị khoản vay (quy đổi VNĐ) trên giá trị tài sản đảm bảo không vượt quá tỷ lệ cho vay tối đa trên giá trị TSĐB do ABBANK quy định từng thời kỳ.
 - o **Rcd = 80%**, nếu khách hàng không thực hiện đúng và/hoặc đầy đủ các yêu cầu nêu trên, đơn vị kinh doanh, CV QHKH thỏa thuận với khách hàng, theo tình hình thực tế phát sinh, có thể lựa chọn 1 trong 2 hướng xử lý như sau (phải được ghi nhận trong biên bản làm việc với khách hàng, phải chữ ký khách hàng):
 - Thu hồi nợ vay trước hạn.
 - Khách hàng đề nghị chuyển đổi khoản vay thành khoản vay bằng vàng (XAU) thành khoản vay bằng đồng (VND), CV QHKH phải thông báo với khách hàng việc đề nghị chuyển đổi này chỉ được ABBANK chấp nhận khi nhận được thông báo chuyển đổi từ ngân hàng (nội dung này phải được đưa vào biên bản làm việc với khách hàng).

Trường hợp khách hàng không có thiện chí hợp tác với ABBANK, trong việc lựa chọn hướng xử lý, đơn vị kinh doanh chủ động lựa chọn 1 trong 2 hướng xử lý cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trong đó: Rcd (%) là tỷ lệ giữa dư nợ cho vay bằng vàng quy đổi ra VND trên giá trị tài sản đảm bảo quy đổi VND.

$$\text{Rcd}(\%) = \frac{\text{Dư nợ cho vay bằng vàng quy đổi ra VND}}{\text{Trị giá TSĐB quy đổi ra VND}} \times 100$$

(Lưu ý: Rcd được làm tròn xuống đến hàng đơn vị)

5.14.1 CHUYỂN ĐỔI LOẠI TIỀN VAY VÀNG SANG VAY VND:

5.14.1 Khái niệm:

Chuyển đổi loại tiền vay vàng sang vay VND là việc quy đổi dư nợ vay vàng hiện tại sang tiền VND theo tỷ giá bán vàng do ABBANK công bố tại thời điểm chuyển đổi.

5.14.2 Nguyên tắc chuyển đổi:

- Không chuyển đổi trong trường hợp khoản vay có **Rcd $\geq$ 75%** đồng thời **đang bị quá hạn**.
- Trường hợp chuyển đổi khoản vay bằng vàng sang khoản vay bằng VND, khách hàng **phải** thanh toán lãi vay bằng vàng phát sinh đến thời điểm chuyển đổi trừ trường hợp có phê duyệt khác của hội đồng tín dụng.
- Đổi cho vay theo hạn mức tín dụng, nếu có bất kỳ khoản vay nào bị chuyển đổi thì toàn bộ dư nợ của hạn mức tín dụng phải được chuyển đổi từ vàng sang loại tiền VND.
- Chỉ chuyển đổi trong trường hợp khoản vay chưa đến hạn trả nợ.
- Trường hợp chuyển đổi, thời hạn của khoản vay không thay đổi trừ trường hợp có phê duyệt khác của hội đồng tín dụng.
- Trường hợp chuyển đổi, khoản vay phải đảm bảo: Dư nợ VND (sau khi chuyển đổi) = Dư nợ vay vàng x tỷ giá bán vàng do ABBANK công bố tại thời điểm chuyển đổi.
- Khách hàng phải đảm bảo khả năng thanh toán số tiền vay bằng VND đã được chuyển đổi từ tiền vàng tương đương.

5.15 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
36/QĐ-HĐQT.10	3/3/2010	Ban hành quy trình cho vay vàng bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, dịch vụ vàng	

The logo for ABBANK is displayed in a large, light blue, stylized font. The letters 'A', 'B', 'B', 'A', 'N', 'K' are in a bold, sans-serif typeface. The final 'K' is followed by a double chevron symbol (») in a slightly lighter shade of blue.

6. Cho vay tiêu dùng có thể chấp - YOUspend:

6.1 Đối tượng cho vay:

- Là cá nhân, hộ gia đình đang sinh sống và cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.

6.2 Mục đích vay vốn:

- Tiêu dùng nói chung như tài trợ mua sắm vật dụng gia đình, sửa chữa nhà, cưới hỏi..... và các mục đích tiêu dùng khác.

6.3 Điều kiện vay vốn:

- Có hộ khẩu thường trú/tạm trú tại địa phương có chi nhánh/PGD của ABBANK
- Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Có độ tuổi trên 18 và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi (nam), 55 tuổi (nữ).
- Có TSDB là đất, nhà thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay hoặc tài sản bảo lãnh của bên thứ 3 (là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối của khách hàng vay)
- Chưa phát sinh nợ từ nhóm 3 trở đi tại các TCTD.
- Khách hàng phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại ABBANK.
- Các điều kiện khác phải phù hợp với quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

6.4 Thời gian cho vay:

- Tối đa không quá 60 tháng và không ít hơn 12 tháng.

6.5 Mức cho vay:

- Tối đa trên tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Quyết định 224/QĐ-TGD.10 ngày 25/10/2010 về ban hành tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo nhưng tối đa không vượt quá 200 triệu.

6.6 Chứng minh mục đích sử dụng vốn:

- Phải xuất trình chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.
- Kiểm tra mục đích sử dụng vốn sau khi cho vay theo quy định của ABBANK.

6.7 Phương thức trả nợ:

- Số tiền khách hàng trả nợ hàng tháng tối đa là 70% tổng thu nhập chứng minh được.
- Trả lãi hàng tháng
- Trả gốc hàng tháng

6.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Loại tiền thu nợ : Đồng Việt Nam (VNĐ)

6.9 Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần

6.10 Tài sản đảm bảo:

- TSDB thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/ hoặc của bên thứ 3 : BĐS, động sản, sổ tiết kiệm, chứng từ có giá do ABBANK phát hành, chứng khoán được ABBANK chấp thuận.

- Trường hợp TSDB không phải là các loại tài sản đã liệt kê nêu trên thì trình Tổng giám đốc/Hội đồng Tín dụng xem xét phê duyệt.

6.11 Hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ vay
- CMND, hộ khẩu/tạm trú của khách hàng vay và hoặc của bên thứ 3.
- Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ 3.
- Các giấy tờ liên quan TSDB, tài sản bảo lãnh của bên thứ 3.
- Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập
- Hợp đồng tín dụng, chứng từ thanh toán tiền vay ở các TCTD khác.
- Các giấy tờ khác có liên quan đến khoản vay được ABBANK yêu cầu.

6.12 Thời gian xử lý hồ sơ:

- Không vượt quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6.13 Phương thức giải ngân:

- Giải ngân 01 lần vào tài khoản của khách hàng mở tại ABBANK.

6.14 Thủ tục đối với TSDB trước khi giải ngân:

- Đối với BDS, sổ tiết kiệm và chứng từ có giá do ABBANK phát hành, thực hiện theo quy định hiện hành
- Đối với TSDB là xe ô tô, thực hiện các bước theo quy trình cho vay mua xe ô tô (YOUcar). Tuy nhiên, Phòng/Bộ phận QLTD hướng dẫn khách hàng công chứng hợp đồng thế chấp tại phòng công chứng trước khi giải ngân.
- Đối với TSDB là chứng khoán, tùy thuộc vào loại chứng khoán cầm cố, thực hiện các bước theo quy trình cho vay cầm cố cổ phiếu niêm yết và/ hoặc chưa niêm yết (YOUstock) và/hoặc chưa niêm yết (YOUOTC) tương ứng trước khi giải ngân.

6.15 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
105/QĐ-TGD.07	27.07.07	V/v ban hành Quy trình cho vay tiêu dùng có thể chấp	
102/QĐ-HĐQT-10	5/26/2010	V/v Quy định một số nội dung của sản phẩm tín dụng cá nhân	
230/QĐ-TGD.07	11/1/2010	Điều chỉnh một số nội dung sản phẩm cho vay tiêu dùng có thể chấp - YOUspend	
224/QĐ-TGD.10	25/10/2010	Ban hành tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo	

7. Cho vay tiêu dùng tín chấp - YOUmoney:

7.1 Đối tượng:

7.1.1 Là cá nhân người Việt Nam

- Là người lao động đang làm việc tại các tổ chức đang hoạt động tại Việt Nam, hoặc;
- Là người sở hữu 1 phần hoặc toàn bộ vốn của Doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam đồng thời có quản lý/điều hành hoạt động của Doanh nghiệp.

7.1.2 Các đối tượng hạn chế:

- Cá nhân có nguồn thu nhập chính phụ thuộc vào doanh số bán hàng, làm việc cho các đơn vị như: kinh doanh bảo hiểm, đại lý phân phối các sản phẩm mỹ phẩm, ... hoặc các đơn vị kinh doanh theo hình thức trực tuyến.
Lưu ý: đối tượng là nhân viên kinh doanh mà có nguồn thu nhập cố định hàng tháng được trả bởi đơn vị sử dụng lao động và có ký hợp đồng lao động chính thức không thuộc đối tượng hạn chế đề cập trên đây.
- Các cá nhân có chức danh như tạp vụ, bảo vệ, tài xế, tiếp tân,... với thu nhập không ổn định.

7.2 Mục đích vay: tiêu dùng.

7.3 Điều kiện vay vốn:

7.3.1 Thời gian công tác:

- Thời gian công tác chính thức liên tục và ổn định từ 01 năm trở lên. Đối với trường hợp chuyển công tác thì thời gian công tác chính thức mới tối thiểu 06 tháng trở lên và có Hợp đồng Lao động trên 01 năm tại nơi làm việc vừa chấm dứt hợp đồng liên trước.
- Đối với trường hợp khách hàng làm việc tại Công ty Nhà nước vừa chuyển đổi sang loại hình cổ phần thì thời gian làm việc tính từ khi chuyển đổi loại hình đến thời điểm xét vay.

7.3.2 Thu nhập:

- Khách hàng phải có nguồn thu nhập ổn định và đảm bảo khả năng trả nợ.
 - Thu nhập để xác định khả năng trả nợ bao gồm: lương, thưởng, phụ cấp thường xuyên,... hàng tháng sau khi trừ đi thuế thu nhập và các khoản phải nộp khác.
 - Trường hợp khách hàng có các nguồn thu nhập không thường xuyên khác (tiền nhuận bút,...) có thể được ABBANK chấp thuận với điều kiện nguồn thu nhập đó phát sinh liên tục trong 12 tháng gần nhất đến thời điểm xét vay. Mức thu nhập khác này chỉ được tính bằng 50% thu nhập của tháng thấp nhất.
 - Chứng từ chứng minh nguồn thu nhập: sao kê tài khoản và/hoặc bảng lương (có chữ ký và con dấu hữu quyền) trong 03 (ba) tháng gần nhất tính đến thời điểm xét vay.

7.3.3 Đơn vị công tác của khách hàng/doanh nghiệp mà khách hàng có sở hữu cổ phần/vốn góp:

- Đối với khách hàng sở hữu 1 phần hoặc toàn bộ vốn doanh nghiệp đồng thời có quản lý/điều hành hoạt động của Doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải thỏa điều kiện sau:
 - Công ty nước ngoài, liên doanh đã thành lập được 02 năm trở lên và có vốn tối thiểu là 10 tỷ đồng Báo cáo thuế năm gần nhất có doanh thu tối thiểu 1 tỷ đồng;
 - Văn phòng đại diện của liên hiệp quốc, các tổ chức chính phủ tại Việt Nam.
 - Các công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Tập đoàn Điện lực.
 - Công ty thuộc danh sách VNR500 và phải được ABBANK cấp hạn mức tín dụng.
 - Các Công ty đang có giao dịch tiền gửi, tiền vay với ABBANK và phải có cam kết bảo lãnh trả nợ thay của Công ty

7.3.1. Khách hàng phải có Hộ khẩu thường trú tại địa bàn nơi ABBANK xét vay.

7.3.2. Khách hàng có độ tuổi từ 22 tuổi đến khi kết thúc khoản vay là 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

7.3.3. Khách hàng phải cam kết chuyển thu nhập về tài khoản của khách hàng tại ABBANK.

7.3.4. Số điện thoại liên lạc nơi làm việc và nơi ở (nhà riêng) – điện thoại bàn.

7.3.5. Khách hàng phải chấp nhận tham gia chương trình bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân theo chương trình hợp tác giữa ABBANK và công ty bảo hiểm.

7.3.6. Khách hàng phải có uy tín tín dụng tốt, không có nợ từ nhóm 2 trở lên.

7.4 Mức cho vay:

- Tối đa 10 tháng lương, không vượt quá 200 triệu đồng
- Số tiền vay hàng tháng không vượt quá 70% tổng thu nhập của khách hàng/tháng.

7.5 Thu nhập tối thiểu:

- Thu nhập tối thiểu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng.

7.6 Lãi suất cho vay – phí:

- Theo chính sách lãi suất cho vay và phí của ABBANK từng thời kỳ.

7.7 Thời hạn cho vay:

- Tối thiểu 12 tháng
- Tối đa 36 tháng.
- Ân hạn: không áp dụng thời hạn ân hạn.

7.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: Việt Nam đồng (VND);
- Loại tiền thu nợ: Việt Nam đồng (VND).

7.9 Phương thức trả nợ:

- Phương thức 1: Nợ gốc trả đều; lãi trả tính trên dư nợ thực tế.

- Phương thức 2: Trả một số tiền bằng nhau hàng tháng (bao gồm gốc + lãi) lãi trả tính trên dư nợ thực tế.

Lưu ý: Đối với các khoản vay có định kỳ thay đổi lãi suất dưới 06 tháng/lần thì không áp dụng phương thức trả nợ 2.

7.10 Hình thức thu nợ:

- Trích tiền từ tài khoản của Khách hàng để thu hồi nợ vay.

7.11 Hồ sơ vay vốn:

- CMND, hộ khẩu
- Giấy đề nghị vay vốn tín chấp tại ABBANK
- Giấy xác nhận về việc làm, lương của khách hàng tại đơn vị sử dụng lao động.
- Bảng lương 3 tháng gần nhất có ký tên đóng dấu xác nhận của giám đốc/ hoặc người được ủy quyền tại đơn vị sử dụng lao động.
- Sao kê tài khoản lương 3 tháng gần nhất.
- Hóa đơn điện thoại nhà của khách hàng
- Thông tin về đơn vị sử dụng lao động nếu ABBANK có yêu cầu.
- Giấy tờ chứng minh các nguồn thu nhập khác (nếu có)
- Trường hợp khách hàng sở hữu 1 phần hoặc toàn bộ vốn đông thời quản lý/ điều hành hoạt động của doanh nghiệp :

Chứng từ chứng minh hoạt động của doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, mã số thuế, tờ khai thuế GTGT của 6 tháng gần nhất hoặc biên lai .

7.12 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
38/CVNB-NHAB.07	2/8/2007	Quy định về quản lý rủi ro tín dụng của sản phẩm cho vay tín chấp	
30/QĐ-HĐQT.07	2/12/2007	Ban hành lãi suất cho vay và biểu phí thẩm định, phí phạt trễ hạn, phí tất toán trước hạn đối với sản phẩm cho vay tiêu dùng tín chấp.	chỉ còn hiệu lực phí trễ hạn
16/QĐ-HĐQT.08	16/01/2008	Phân quyền quyết định giảm lãi suất đối với khách hàng vay tiêu dùng tín chấp	
04/QĐ-NHAB.08	23/01/2008	Bổ sung điều khoản bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân đối với sản phẩm cho vay tiêu dùng tín chấp YOUmoney	
97/QĐ-NHAB.08	21/08/2008	Ban hành quy trình xử lý nợ tín chấp	

105/QĐ-NHAB.09	23/07/2009	Thực hiện kiểm tra, giám sát vốn vay đối với tiêu dùng tín chấp YOUmoney	
191/QĐ-TGD.10	27/08/2010.	Quy trình cho vay tiêu dùng tín chấp	
194/QĐ-TGD.10	9/1/2010	Quy định một số nội dung về cho vay tiêu dùng tín chấp	
175/QĐ-HĐQT.10	9/15/2010	Ban hành lãi suất cho vay tiêu dùng tín chấp - YOUmoney áp dụng đối với khách hàng cá nhân	



8. Cho vay du học - YOUstudy:

8.1 Đối tượng vay vốn:

- Sản phẩm này áp dụng cho các khách hàng là cá nhân người Việt Nam, có quan hệ thân nhân với du học sinh.

8.2 Điều kiện vay vốn:

- Khách hàng là cá nhân người Việt Nam, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, có quan hệ thân nhân với du học sinh, có nhu cầu cho thân nhân đi du học tại nước ngoài;
- Có hộ khẩu/KT3 cùng địa bàn với đơn vị ABBANK cho vay (ngoại trừ trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ chứng minh tài chính)
- Khách hàng vay có độ tuổi trên 18 tuổi và đối với trường hợp vay thực sự thì thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ;
- Có thu nhập ổn định, đảm bảo đủ khả năng trả nợ cho Ngân hàng trong suốt thời gian vay vốn;
- Tài sản đảm bảo là: tiền mặt, STK, GTCG và/hoặc bất động sản (BDS) và/hoặc động sản thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay.
- Khách hàng vay không bị nợ từ Nhóm 3 trở lên tại bất kỳ TCTD nào.

8.3 Mục đích vay vốn

- Cho vay mở STK .
- Thanh toán học phí và/hoặc sinh hoạt phí cho du học sinh.

8.4 Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định sao cho phù hợp với thời gian được đào tạo tại nước ngoài của du học sinh, khả năng trả nợ của khách hàng vay và nguồn vốn cho vay của Ngân hàng nhưng không vượt quá:

- + **12 tháng** đối với trường hợp cho vay mở STK chứng minh tài chính du học
- + **60 tháng** đối với trường hợp cho vay lập cam kết cấp khoản vay chứng minh tài chính du học
- + **120 tháng** đối với trường hợp cho vay thực sự.

8.5 Mức cho vay, tài sản đảm bảo:

8.5.1 Mức cho vay:

Được xác định dựa trên các căn cứ sau:

- a. Chi phí trong quá trình học tập của du học sinh, bao gồm: học phí và/hoặc sinh hoạt phí.
- b. Khả năng trả nợ, uy tín thanh toán của khách hàng vay;
- c. Mức cho vay: tối đa **100% học phí và/hoặc sinh hoạt phí đối với cho vay chứng minh tài chính du học** hoặc **90% học phí và/hoặc sinh hoạt phí đối với cho vay thật sự**; nhưng không vượt quá các mức không chế sau:

Hình thức	Loại TSDB	Mức khống chế trên giá trị TSDB
Dịch vụ chứng minh tài chính du học	Số dư tài khoản/STK / giấy tờ có giá do ABBANK hoặc các ngân hàng thuộc danh mục được ABBANK chấp thuận phát hành.	Theo quy định về mức cho vay của quy định về cho vay cầm cố sản phẩm tiền gửi ABBANK từng thời kỳ.
	Động sản	≤ 70%
	BDS	≤ 95%
Vay thực sự	Trong trường hợp vay thực sự thanh toán học phí/ chi phí khác, tỷ lệ tài trợ tối đa trên tài sản đảm bảo sẽ theo quy định hiện hành của ABBANK.	

8.5.2 Tài sản đảm bảo:

- Là tiền mặt/số dư tài khoản/GTCG, động sản, bất động sản thuộc sở hữu hợp pháp, hợp lệ của khách hàng vay và/hoặc của bên thứ ba (cha mẹ, anh chị em ruột, con cái) và/hoặc tài sản riêng của người hôn phối của người vay.

Lưu ý:

- o Đối với cho vay thực sự: không chấp nhận tài sản đảm bảo là động sản.
- o Đối với dịch vụ chứng minh tài chính theo hình thức lập thư đồng ý cấp khoản vay/hợp đồng hạn mức: khách hàng vay bắt buộc là chủ tài sản đảm bảo.
- Đối với dịch vụ chứng minh tài chính, trường hợp tài sản đảm bảo thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 mà không phải cha mẹ, anh chị em ruột, con cái tùy theo từng trường hợp cụ thể, theo yêu cầu của lãnh sự quán, đơn vị kinh doanh trình về Giám đốc SGD/CN xem xét phê duyệt.

8.6 Phân quyền phê duyệt khoản vay:

- Đối với dịch vụ chứng minh tài chính du học:** các Đơn vị kinh doanh được quyền thẩm định TSDB và xét duyệt mức cho vay mà không cần gửi lên cấp có thẩm quyền cao hơn dù mức cho vay chứng minh tài chính du học vượt thẩm quyền phê duyệt về hạn mức tiền vay của đơn vị kinh doanh tuy nhiên trong mọi trường hợp hạn mức cho vay không được vượt quá hạn mức phê duyệt của TGD.
- Đối với cho vay thực sự:** nếu mức cho vay vượt trên mức cho vay tối đa trên giá trị tài sản đảm bảo và vượt mức phán quyết của đơn vị kinh doanh theo quy định hiện hành thì đơn vị vẫn phải trình cấp có thẩm quyền theo quy định của ABBANK.

8.7 Lãi suất cho vay và các loại phí:

Theo quy định về lãi suất và biểu phí của ABBANK ban hành vào từng thời điểm

8.8 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: VND
- Loại tiền thu nợ: VND

Loại tiền trong Thư đồng ý cấp khoản vay/Hợp đồng tín dụng hạn mức cấp cho du học sinh được phép ghi rõ loại ngoại tệ theo yêu cầu vay của du học sinh nếu cần,

tương đương với loại tiền VNĐ được ghi rõ trong HĐ (theo tỷ giá chuyển đổi của ABBANK tại thời điểm thực hiện, phù hợp với quy chế quản lý ngoại hối hiện hành)

8.9 Phương thức cho vay:

- ABBANK thực hiện cho vay theo phương thức cho vay từng lần.
- Phương thức cho vay từng lần thực hiện theo Quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

8.10 Phương thức trả nợ:

Hình thức vay	Lãi	Vốn
Mở STK	Hàng tháng	Cuối kỳ
Mở Thư/Hợp đồng tín dụng hạn mức	Hàng tháng	Theo qui định trong từng Giấy nhận nợ (*)
Vay thực sự	Hàng tháng	Hàng tháng/hàng quý

(*): Trong trường hợp này thời hạn quy định trong Giấy nhận nợ không quá 12 tháng. Phương thức trả ghi trong từng Giấy nhận nợ như sau: lãi hàng tháng, gốc cuối kỳ.

8.11 Hồ sơ vay vốn:

- Đơn đề nghị cấp khoản vay theo mẫu ABBANK.
- Hộ khẩu/KT3, đăng ký kết hôn/quyết định ly hôn/xác nhận độc thân của khách hàng vay, người hôn phối, người bảo lãnh;
- Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, Visa của du học sinh;
- Giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân của người vay và du học sinh (hộ khẩu, giấy khai sinh...);
- Giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn: thông báo nhập học/thư chấp nhận học của cơ sở đào tạo nước ngoài; thông báo học phí, sinh hoạt phí...;
- Giấy tờ chứng minh nguồn trả nợ của người vay;
- Giấy tờ chứng minh tài sản đảm bảo;
- Các giấy tờ liên quan khác theo yêu cầu ABBANK nếu cần thiết.

8.12 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
195/QĐ-HĐQT.09	9/11/2009	Quy trình cho vay du học	
240/QĐ-HĐQT.09	16/12/2009	Ban hành phí dịch vụ cho vay du học	

9. Cho vay CB-CNB trong hệ thống ABBANK - YOUstaff:

9.1 Đối tượng áp dụng:

- Nhân viên thuộc các cấp hiện đang làm việc và đã ký hợp đồng chính thức v đơn vị sử dụng lao động trong hệ thống ABBANK (gọi tắt là nhân viên thuộc hệ thống ABBANK).
- Là người thân(cha, mẹ; anh, chị em ruột; con ruột hoặc người hôn phối) của nhân viên thuộc hệ thống ABBANK nêu trên và phải đảm bảo các điều kiện bắt buộc:
Khoản vay phải đáp ứng, đầy đủ các điều kiện và tuân thủ các quy định của “ quy chế cho vay đối với CNCNV thuộc hệ thống ABBANK” theo quyết định 124/QĐ-HĐQT.07 ngày 01/06/2007.
Việc xét mức cho vay tối đa, mức trả nợ tối đa theo quyết định 124/QĐ-HĐQT.07 ngày 01/06/2007 căn cứ theo lương ròng của nhân viên trong hệ thống ABBANK.
Nhân viên thuộc hệ thống ABBANK mà có người vay vốn phải cam kết đồng trả nợ cho khoản vay này. Tiền lãi vay và/hoặc vốn gốc được trích thu hàng tháng từ tài khoản nhận lương của nhân viên thuộc hệ thống ABBANK theo quy định của “ quy chế cho vay đối với CNCNV thuộc hệ thống ABBANK” theo quyết định 124/QĐ-HĐQT.07 ngày 01/06/2007.
- Không cho vay đối với các đối tượng:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc(Giám đốc), phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của tổ chức tín dụng.
 - Người thẩm định xét duyệt cho vay
 - Bố mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng giám đốc(giám đốc), Phó tổng giám đốc(Phó giám đốc).
- Hạn chế cấp tín dụng:
 - TCTD không cấp tín dụng không có đảm bảo, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau:
 - Tổ chức kiểm toán, Kiểm toán viên đang kiểm toán tại TCTD, kế toán trưởng, Thanh tra viên.
 - Các cổ đông lớn của tổ chức tín dụng.
 - Tổng dư nợ cho vay đối với các đối tượng quy định ở trên không được vượt quá 5% vốn tự có của TCTD.

9.2 Nguyên tắc cho vay:

- Thực hiện theo thỏa thuận giữa ABBANK với người vay, phù hợp với các nguyên tắc và điều khoản quy định theo quy chế YOUstaff và các quy định của pháp luật liên quan. Người vay làm việc tại hoặc gần nhất Đơn vị cho vay nào thì xức tiền khoản vay tại Đơn vị cho vay đó. ABBANK có toàn quyền trích lương, thưởng của người vay để thu nợ hàng tháng theo các thảo thuận trả nợ đã ký giữa người vay và ABBANK.
- ABBANK chỉ xét cho vay với các điều kiện ưu đãi và duy trì các ưu đãi này đối với người vay hiện đang làm việc trong hệ thống ABBANK (hoặc người thân) và tuân thủ đầy đủ, đúng tất cả các cam kết trong hợp đồng(Hợp đồng lao động, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng đảm bảo,...) người vay đã ký trong thời gian có hiệu lực của khoản vay ưu đãi.

- ABBANK chấm dứt toàn bộ các ưu đãi trên khoản vay đã cấp ngay lập tức khi người vay ngưng làm việc tại hệ thống ABBANK, đồng thời ABBANK có toàn quyền thu hồi nợ trước hạn trừ phi người vay có yêu cầu tiếp tục duy trì khoản vay và yêu cầu này được ABBANK chấp thuận, Khoản vay lúc này sẽ tuân thủ theo quy chế cho vay hiện hành áp dụng cho khách hàng thông thường bên ngoài hệ thống ABBANK.
- ABBANK có toàn quyền hành động mà không cần sự đồng ý của người vay đối với các khoản vay ưu đãi đã xét cấp cho người vay nếu người vay vi phạm bất kỳ một cam kết nào trong hợp đồng, cam kết đã ký với ABBANK(Hợp đồng lao động, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm...). Toàn quyền ABBANK hành động ở đây bao hàm nhưng không giới hạn việc chấm dứt các ưu đãi về thời hạn vay, lãi suất vay đối với người vay và việc áp dụng lên các khoản vay của người vay các quy định cho vay hiện hành của ABBANK đối với khách hàng vay thông thường.

9.3 Phương thức cho vay – Loại hình cho vay:

- Phương thức cho vay: từng lần.
- Loại hình cho vay:
 - + Có tài sản đảm bảo(có thể chấp)
 - + Không có tài sản đảm bảo(tín chấp).

9.4 Điều kiện xét cấp khoản vay:

- Thời gian làm việc liên tục tối thiểu tại các đơn vị thuộc hệ thống ABBANK, tính từ khi ký hợp đồng lao động chính thức đến thời điểm vay:
 - + 6 tháng đối với loại hình có thể chấp
 - + 12 tháng đối với loại hình tín chấp.

9.5 Đồng tiền cho vay – thu nợ:

- Đồng tiền cho vay: là đồng Việt Nam(VNĐ)
- Đồng tiền thu nợ: đồng Việt Nam(VNĐ)

9.6 Phương thức trả nợ:

- Trả góp hàng tháng: tiền gốc trả đều, tiền lãi theo phương thức dư nợ giảm dần.
- Trả góp hàng tháng: tiền gốc trả tăng dần theo từng ¼ thời gian khoản vay áp dụng theo sản phẩm cho vay mua nhà, đất;sửa chữa nhà 20 năm, tiền lãi theo phương thức dư nợ giảm dần.
- Trả lãi hàng tháng trong thời gian ân hạn trả gốc được phê duyệt, sau thời gian ân hạn tiến hành trả góp hàng tháng theo phương thức trả nợ như trên. Thời gian ân hạn trả nợ gốc tối đa không quá 36 tháng.

9.7 Mục đích vay:

- Chỉ tài trợ cho các mục đích tiêu dùng nói chung như: mua nhà/đất, xây/sửa nhà, mua xe ô tô, mua máy, mua đồ dùng vật dụng trong gia đình, chi phí học tập, cưới hỏi khám chữa bệnh,....
- ABBANK không tài trợ người vay đầu tư kinh doanh chứng khoán hoặc tài trợ vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Trong các trường hợp đặc biệt theo quy định này, yêu cầu vay vốn của người vay vẫn có thể được chấp nhận nhưng phải được xem xét phê duyệt bởi Hội đồng tín dụng.

9.8 Thời hạn vay:

Loại hình cho vay – Mục đích vay	Thời hạn cho vay tối đa
Tín chấp	60 tháng (5 năm)
Có thế chấp	
Vay mua nhà/đất (thế chấp BĐS)	360 tháng (30 năm)
Vay sửa chữa, nâng cấp nhà (thế chấp BĐS)	180 tháng (15 năm)
Vay mua xe ô tô (mới/cũ) thế chấp BĐS	120 tháng (10 năm)
Vay mua xe ô tô mới 100% thế chấp chính xe mua	84 tháng(7 năm)
Vay mua xe ô tô (mới/cũ) thế chấp xe ô tô đã qua sử dụng (xe cũ)	48 tháng (4 năm)
Vay tiêu dùng có thế chấp khác các tiêu chí trên	60 tháng (5 năm)

9.9 Mức cho vay tối đa và mức trả nợ:

Loại hình cho vay	Mức cho vay tối đa ưu đãi đối với một người vay
Tín chấp	Không quá 12 lần tiền lương ròng của tháng lĩnh lương gần nhất thời điểm xét vay, và không quá 200 triệu.
Có thế chấp	Không quá 120 lần tiền lương ròng của tháng lĩnh lương gần nhất thời điểm xét vay, không quá 85% tổng nhu cầu vay vốn và không quá 85% giá trị TSDB theo định giá của ABBANK.

- Mức trả nợ tối đa: không vượt quá 85% tiền lương ròng được nhận hàng tháng

9.10 Lãi suất cho vay:

- Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng lãnh lãi cuối kỳ do ABBANK ban hành từng thời kỳ (%/năm) + Biên độ (do tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ).
- Lãi suất cho vay phát sinh tại thời điểm đổi lãi: Áp dụng theo chính sách lãi suất cho vay của sản phẩm YOustaff do ABBANK ban hành từng thời kỳ.
- Tần suất thay đổi lãi suất:
 - Khoản vay ngắn hạn: **03 tháng/lần**
 - Khoản vay trung – dài hạn: **06 tháng/lần**

9.11 Tài sản đảm bảo:

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay là bất động sản hoặc động sản thuộc sở hữu của người vay hoặc của người thân của người vay, được ABBANK chấp thuận làm tài sản đảm bảo.

9.12 Giải ngân – Thu nợ vay:

9.12.1. Giải ngân:

- Nếu khoản vay của người vay được dùng để mua sắm mới tài sản (nhà, đất, xe,...) hoặc dùng để chi trả, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thì khoản vay sẽ được giải ngân trực tiếp vào tài khoản của bên bán tài sản/nhà cung cấp hàng hóa/dịch vụ. Các trường hợp khác ABBANK giải ngân trực tiếp vào tài khoản tiền lương của người vay.
- Đối với trường hợp người vay để mua BĐS và thế chấp chính BĐS dự mua đồng thời: BĐS này hiện không đảm bảo cho bất cứ nghĩa vụ nào tại các TCTD khác.

Việc giải ngân khoản vay không nhằm mục đích để giải chấp BĐS này tại các TCTD khác. Quy định về việc giải ngân như sau:

- + ABBANK chỉ giải ngân sau khi đã công chứng Hợp đồng mua bán BĐS giữa người vay (là bên mua) và bên bán.
- + Trường hợp giải ngân khi chưa có hợp đồng mua bán công chứng, ABBANK sẽ giải ngân vào tài khoản của người vay và phong tỏa toàn bộ số tiền này cho đến khi có hợp đồng mua bán qua công chứng.

Nếu người vay có nhu cầu tái tài trợ một/hoặc nhiều khoản vay đang duy trì với 1 TCTD khác sẽ căn cứ trên tình hình thực tế tiến hành giải ngân tiền vay trước để giải chấp TS, để tiến hành công chứng sang tên tài sản sau đó ABBANK tiến hành các bước công chứng, đăng ký tài sản thế chấp với cơ quan nhà nước hữu quan.

9.12.2 Thu nợ vay

- Tiền lãi vay/và vốn gốc được tự động trích thu hàng tháng từ tài khoản nhận lương của người vay vào đúng thời điểm nhận lương.

9.13 Phí bảo hiểm:

Loại hình vay	Thời gian	Phí bảo hiểm
Tín chấp	Trước tháng 10/2009	$81\% \times 0.0506\%(\text{tháng}) \times \text{Dư nợ cho vay thực tế}$
	Từ tháng 10/2009	$81\% \times 0.0451\%(\text{tháng}) \times \text{Dư nợ cho vay thực tế}$
Có thế chấp	Trước tháng 10/2009	$81\% \times 0.0506\%(\text{tháng}) \times \text{Dư nợ cho vay thực tế.}$
	Từ tháng 10/2009	$81\% \times 0.0455\%(\text{tháng}) \times \text{Dư nợ cho vay thực tế.}$

9.14 Thẩm quyền phê duyệt tín dụng đối với sản phẩm YOUstaff:

Khoản vay	Thẩm quyền phê duyệt
1. <u>Thỏa điều kiện</u> quy định trong Quy chế đối với CBCNV trong hệ thống ABBANK hiện hành	Các đơn vị kinh doanh (theo hạn mức phê duyệt hiện hành)
2. <u>Không thỏa điều kiện</u> quy định trong Quy chế cho vay đối với CBCNV trong hệ thống ABBANK hiện hành (bao gồm các trường hợp ngoại lệ)	Theo phân cấp như sau:
• Đến 500 triệu đồng	- Khối QLRR/ Khối KHCN
• Trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng.	- Phó Tổng giám đốc phụ trách quản lý tín dụng
• Trên 1 tỷ đồng	- Tổng Giám đốc

9.15 Hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Trưởng Đơn vị

- Giấy xác nhận của giám đốc nhân sự
- Giấy tờ nhân thân của người vay, và/hoặc giấy tờ nhân thân của bên thứ 3 kèm theo các giấy tờ chứng minh mối quan hệ người thân giữa người vay và bên thứ 3.
- Giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, Giấy tờ pháp lý về TSDB (nếu vay có thế chấp).

9.16 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
124/QĐ-HĐQT.07	1/6/2007	Quy chế cho vay CBCNV trong hệ thống ABBANK	- Điều 10 được điều chỉnh bởi quyết định số 50/QĐ-HĐQT.09 - Khoản 1 – điều 2 điều chỉnh bởi quyết định 57/QĐ-HĐQT.10
29/QĐ-HĐQT.08	30/01/2008	CBCNV trong hệ thống ABBANK mua bảo hiểm dư nợ từ kỳ khi vay tín chấp	
50/QĐ-HĐQT.09	31/03/2009	Điều chỉnh 1 số nội dung sản phẩm YOUstaff	
46/TBNB-NHAB.09	3/6/2009	Hướng dẫn thực hiện cấp bảo hiểm cho CB-CNV vay vốn theo quy trình YOUstaff	
73/QĐ-NHAB.09	25/05/2009	Ban hành mẫu biểu HDTD YOUstaff - lần 3	
142/QĐ-NHAB.09	3/10/2009	Ban hành biên độ lãi suất cho vay của YOUstaff (thay thế QĐ 49)	
174/QĐ-HĐQT.09	3/10/2009	Ban hành phí bảo hiểm áp dụng cho khoản vay Youstaff phát sinh kể từ ngày 01/10/2009	Thay thế thông báo 90/TBNB-TGD.11 v/v tỷ lệ phí bảo hiểm Prevoir áp dụng cho CBCNV ABBANK.
57/QĐ-HĐQT.10	25/3/2010	Điều chỉnh một số nội dung theo quy trình cho vay YOUstaff	
59/TBNB-TGD.10	28/4/2010	quy trình phối hợp nợ vay nhân viên	
227/QĐ-HĐQT.10	11/17/2010	Điều chỉnh một số nội dung sản phẩm YOUstaff - cho vay đối với CB-CNV trong hệ thống ABBANK	

10. Cho vay cầm cố các sản phẩm huy động vốn:

10.1 Đối tượng cho vay (Khách hàng):

Đối tượng vay theo Sản phẩm này áp dụng cho khách hàng là DNTN, cá nhân người Việt Nam đang sinh sống và làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

10.2 Loại tiền cho vay - thu nợ:

- Loại tiền cho vay: Đồng Việt Nam (VNĐ), vàng (XAU)
- Loại tiền thu nợ: Đồng Việt Nam (VNĐ), vàng (XAU)

Lưu ý: + Nếu khách hàng vay bằng loại tiền nào, thì thu nợ bằng loại tiền/vàng đó. Trường hợp cho vay bằng Vàng (XAU), đề nghị trả nợ bằng VNĐ, QLTD tiến hành quy đổi theo tỷ giá bán vàng và ngược lại.

+ Việc cho vay vàng do ABBANK quyết định trong từng thời kỳ.

10.3 Tài sản bảo đảm :

- Tài sản bảo đảm (TSBD) là sản phẩm huy động vốn.
- Sản phẩm huy động vốn cầm cố phải thuộc sở hữu của chính Khách hàng hoặc thuộc sở hữu của những người thân sau : *cha, mẹ; anh chị, em ruột; người hôn phối*.

10.4 Lãi suất:

- Lãi suất theo chính sách lãi suất áp dụng cho khách hàng cá nhân của ABBANK qua từng thời kỳ.

10.5 Thời hạn cho vay:

- Thời hạn cho vay không quá thời hạn còn lại của sản phẩm huy động vốn và tối đa là 12 tháng.

10.6 Mức cho vay:

- Đối với trường hợp loại tiền cho vay cùng với loại tiền trên Sản phẩm huy động vốn cầm cố (chỉ áp dụng với loại tiền VND và Vàng):

Nguyên tắc chung:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền khách hàng phải trả cho} \\ \text{ABBANK khi đáo hạn khoản vay (nợ gốc} \\ \text{+ lãi vay + phí (nếu có))} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền thực tế khách hàng được nhận phát} \\ \text{sinh từ sản phẩm huy động vốn tính đến thời} \\ \text{điểm kết thúc khoản vay (giá trị gốc + lãi tiền} \\ \text{gửi tính đến thời điểm kết thúc khoản vay)} \end{array} \right)$$

Triển khai từ nguyên tắc chung như sau:

Công thức 1: áp dụng cho sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành có cơ sở tính lãi là 366/360:

$$\text{Mức cho vay tối đa} = \frac{\text{Giá trị gốc} \left(1 + \frac{\text{Lstg} \times \text{ngày gọi thực tế}}{360} \right) - \text{phí(nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$$

Ví dụ 1:

- Khách hàng Nguyễn Văn A có sổ tiết kiệm (cơ sở lãi là 366/360) trị giá 500.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8.4%/năm, lĩnh lãi cuối kỳ, ngày gọi 19/02/2009 và đáo hạn ngày 19/08/2009.
- Ngày 25/05/2009, khách hàng đến vay cầm cố STK, lãi suất cho vay 12.6%/năm, vay hết thời gian còn lại. Mức cho vay cho được tính như sau:

$$\frac{500.000.000 \left(1 + \frac{8.4\% \times 181}{360} \right)}{1 + \frac{12.6\% \times 86}{360}} \approx 505.889.395,9 \text{ (đồng)}$$

Khách hàng được vay tối đa là 505.889.000 đồng.

Công thức 2: áp dụng cho sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành có cơ sở tính lãi là 360/360:

$$\text{Mức cho vay tối đa} = \frac{\text{Giá trị gốc} \left(1 + \frac{\text{Lstg} \times \text{kỳ hạn tháng} \times 30}{360} \right) - \text{phí(nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$$

Công thức 3: chỉ áp dụng trong trường hợp:

- Tài sản bảo đảm là sản phẩm huy động vốn do tổ chức tín dụng khác phát hành.
- Tài sản bảo đảm là sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành mà kỳ lĩnh lãi không phải là cuối kỳ.

$$\text{Mức cho vay tối đa} = \frac{A\% \times \text{Giá trị gốc} - \text{phí(nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$$

Lưu ý:

- Nếu tài sản bảo đảm thuộc loại ii) nêu tại công thức 3, kể từ thời điểm phát sinh khoản vay đến ngày đáo hạn của sản phẩm huy động vốn, khách hàng cam kết không lĩnh lãi, đơn vị kinh doanh có thể áp dụng công thức 1, 2 cho phù hợp với cơ sở tính lãi phát sinh từ sản phẩm huy động vốn này.
- Tỷ lệ A% sẽ do ABBANK quy định từng thời kỳ.

b. Đối với cho vay khác loại tiền:

STT	Loại tài sản bảo đảm	Loại tiền cho vay	Số tiền cho vay tối đa
01	Sản phẩm huy động vốn VND	VÀNG	$\frac{(A\% \times \text{Giá trị gốc} + \text{giá bán Vàng}) - \text{phí (nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$
02	Sản phẩm huy động vốn Vàng	VND	$\frac{(A\% \times \text{Giá trị gốc} \times \text{giá mua Vàng}) - \text{phí (nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$
03	Sản phẩm huy động vốn USD	VND	$\frac{(A\% \times \text{Giá trị gốc} \times \text{tỷ giá mua USD}) - \text{phí (nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$
		Vàng	$\frac{(A\% \times \text{Giá trị gốc} \times \text{tỷ giá mua USD} + \text{giá bán Vàng}) - \text{phí (nếu có)}}{1 + \frac{\text{Lstv} \times \text{ngày vay thực tế}}{360}}$

Lưu ý:

- Tỷ giá mua/bán USD, giá mua/bán vàng do ABBANK công bố tại thời điểm xét vay.
- Tỷ lệ A% sẽ do ABBANK quy định từng thời kỳ.

10.7 Hạn mức phán quyết:

Hạn mức phán quyết xét duyệt cho vay của các đơn vị do Hội đồng quản trị ban hành qua từng thời kỳ.

10.8 Phương thức trả nợ:

- Trả lãi : lãi trả hàng tháng, cuối kỳ.
- Trả nợ gốc : cuối kỳ.

10.9 Các nguyên tắc chung:

- Việc cấp tín dụng phải trên cơ sở phục vụ khách hàng và đảm bảo an toàn cho ABBANK. Đơn vị cho vay phải thẩm định và hiểu rõ, xác định chính xác các thông tin về TSBĐ, về khách hàng, bên cầm cố TSBĐ.
- Không nhận TSBĐ là sản phẩm huy động vốn do tổ chức tín dụng khác phát hành mà có quy định không được tất toán trước hạn.
- Không chấp nhận việc ủy quyền của bên chủ sở hữu sản phẩm huy động vốn cho người khác để quan hệ tín dụng với ABBANK.

- Trong trường hợp Bên cầm cố là cá nhân đã có vợ/chồng tính đến thời điểm xét vay: không yêu cầu Bên cầm cố chứng minh quyền sở hữu riêng đối với TSBĐ nhưng Bên cầm cố cam kết đã bàn bạc và được sự đồng ý của vợ/chồng về việc cầm cố tài sản chung và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc cầm cố này nếu xảy ra tranh chấp (thể hiện trong GĐNVV-HĐTD-HĐCC).

10.10 **Phí:**

- Nếu Sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành, khách hàng không phải trả bất cứ một khoản phí nào (kể cả các loại phí trong “biểu phí nghiệp vụ tín dụng và bảo lãnh”) cho ABBANK.
- Nếu Sản phẩm huy động vốn do tổ chức tín dụng khác phát hành được ABBANK chấp thuận khách hàng trả các khoản phí theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước, ABBANK từng thời kỳ.

10.11 **Hướng dẫn trích/tắt toán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay đối với tài sản bảo đảm là sản phẩm huy động vốn của ABBANK:**

a) Đến hạn trả nợ, hết giờ giao dịch, nếu Khách hàng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Nhân viên Quản lý Tín dụng (QLTD) lập đề nghị yêu cầu Giao dịch viên tiến hành trích một phần/tắt toán toàn bộ (tùy vào sản phẩm huy động vốn quy định được hay không được tắt toán từng phần) sản phẩm huy động vốn của Khách hàng/ bên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khách hàng để trích thu hồi nợ.

Số tiền còn dư (nếu có):

- Trường hợp trích một phần sản phẩm huy động vốn: số tiền còn dư vẫn để lại trên sản phẩm huy động vốn (áp dụng đối với các sản phẩm cho phép rút gốc một phần trước hạn).
- Trường hợp tắt toán toàn bộ sản phẩm huy động vốn, số tiền còn lại Giao dịch viên sẽ chuyển vào tài khoản thanh toán/tài khoản treo của bên cầm cố tài sản bảo đảm (khách hàng hoặc của bên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khách hàng tại ABBANK) (áp dụng đối với các sản phẩm không cho phép rút vốn gốc một phần trước hạn).

Lưu ý:

- Trường hợp TSBĐ là các sản phẩm huy động vốn cá nhân có quy định “Không được tắt toán trước hạn” mà thời hạn đáo hạn khoản vay xảy ra trước thời hạn đáo hạn của sản phẩm huy động vốn, thì khi đến hạn trả nợ Quản lý tín dụng chủ động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trích/tắt toán trước hạn sản phẩm huy động vốn để tiến hành trích thu nợ.
- Trường hợp cho vay khác loại tiền, khi tắt toán khoản vay trước hạn thì Quản lý tín dụng trích/tắt toán số tiền/vàng/ngoại tệ từ sản phẩm huy động vốn (là TSBĐ) với giá trị quy đổi ra theo tỷ giá/giá hiện hành do ABBANK ban hành tương ứng với giá trị khoản vay để thu hồi nợ.

b) Trường hợp phải trích tiền từ sản phẩm huy động vốn/tắt toán sản phẩm huy động vốn để thu hồi nợ trước hạn vẫn thực hiện theo hướng dẫn quy định tại **khoản a** nêu trên.

10.12 Tỷ lệ cảnh báo – Tỷ lệ xử lý :

Được xét đến trong trường hợp loại tiền cho vay khác loại tiền trên sản phẩm huy động vốn cầm cố, cụ thể như sau:

a) Khi có sự thay đổi về tỷ giá ngoại tệ (USD,...)/giá vàng dẫn đến số tiền vay (bao gồm lãi vay và nợ gốc) bằng hoặc vượt quá X% giá trị gốc (quy đổi cùng loại tiền), tức là

$$\frac{\text{Dư nợ thực tế + tiền lãi vay}}{\text{Giá trị gốc}} \geq X\%$$

{ Lưu ý: Mẫu và tử đều được quy đổi về cùng đơn vị là VND trường hợp loại tiền cho vay khác với nguyên tệ (loại tiền) của sản phẩm huy động vốn }

- Khi X% rơi xuống tỷ lệ cảnh báo : Các đơn vị kinh doanh phải thực hiện các biện pháp sau đối với khoản vay: yêu cầu Khách hàng trả bớt nợ, bổ sung thêm tài sản bảo đảm, hoặc xử lý/tắt toán TSBĐ để thu hồi nợ,... nhằm đảm bảo giá trị khoản vay không vượt quá giá trị TSBĐ
- Khi X% rơi xuống tỷ lệ xử lý: Các đơn vị kinh doanh bắt buộc tiến hành trích/tắt toán/xử lý ngay TSBĐ để thu hồi nợ.

Lưu ý: trong trường hợp sản phẩm huy động vốn mở tại tổ chức tín dụng khác, khi X% rơi xuống tỷ lệ cảnh báo, nhận thấy tình hình thị trường có xu hướng bất lợi có thể làm tỷ lệ X% này giảm xuống tỷ lệ xử lý, các đơn vị kinh doanh chủ động thực hiện các thủ tục đề nghị tổ chức phát hành sản phẩm huy động vốn xử lý tài sản bảo đảm.

b) Tỷ lệ cảnh báo và tỷ lệ xử lý sẽ do ABBANK ban hành :

Loại tiền cho vay cùng loại tiền tài sản cầm cố	Loại tiền cho vay khác loại tiền tài sản cầm cố		
A %	A %	Tỷ lệ cảnh báo	Tỷ lệ xử lý
100%	90%	95%	98%

Lưu ý: Nếu loại tiền cho vay là vàng(XAU) và tài sản cầm cố có nguyên tệ là USD tỷ lệ tài trợ sẽ giảm 10% tương ứng.

10.13 Hạn mức phê duyệt các trường hợp ngoại lệ phát sinh không theo quy định tại quy trình này:

Trường hợp hồ sơ vay trong thẩm quyền phán quyết tại các đơn vị kinh doanh **có bất kỳ điều kiện nào không phù hợp với các quy định trong quy trình này phải chuyển về Khối quản trị tín dụng - Hội sở xem xét phê duyệt**, ngoại trừ thẩm quyền được phê duyệt chi tiết sau đây do Giám đốc SGD/CN được tự quyết và tự chịu trách nhiệm:

- Thời hạn vay vượt quá thời hạn quy định tại điều 10.5.
- Trường hợp khoản vay có tỷ lệ X% rơi xuống tỷ lệ cảnh báo/tỷ lệ xử lý nhưng do một số yếu tố khách quan và theo nhận định chủ quan, đơn vị kinh doanh tạm hoãn việc thực hiện ngay các quy định như đã nêu tại 10.12.
- Trường hợp mức cho vay vượt quá quy định tại điều 10.6 quy trình này nhưng không vượt quá tỷ lệ tài trợ tối đa theo quy định của chính sách phê duyệt tín dụng từng thời kỳ.

10.14 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - + Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - + Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - + Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - + Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - + Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - + Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBĐ cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

10.15 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn
- Hồ sơ pháp lý: CMND, Hộ khẩu/tạm trú... của người vay và bên bảo lãnh (nếu có).
- Tài liệu liên quan đến tài sản cầm cố (bản chính Sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá, ...)

10.16 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
25/QĐ-HĐQT.10	2/11/2010	V/v Ban hành quy trình cho vay cầm cố các sản phẩm huy động vốn dành cho khách hàng cá nhân	
30/QĐ-TGD.10	2/11/2010	V/v Ban hành tỷ lệ tài trợ A%, tỷ lệ cảnh báo, tỷ lệ xử lý đối với cho vay cầm cố sản phẩm huy động vốn dành cho khách hàng cá nhân.	
102/QĐ-HĐQT-10	5/26/2010	V/v Quy định một số nội dung của sản phẩm tín dụng cá nhân	

11. Cho vay thấu chi - YOUoverdraft:

11.1 Đối tượng và điều kiện áp dụng chung:

- Cá nhân là người Việt Nam có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấu chi tại ABBANK.
- Có độ tuổi từ 18 trở lên và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ.
- Có hộ khẩu thường trú/ tạm trú tại các Tỉnh/ Thành phố nơi có ĐVKD của ABBANK trú đóng.
- Có TKTGTT tại ABBANK.
- Cá nhân nước ngoài: Trường hợp KH vay là cá nhân người nước ngoài, ĐVKD chuyển về Khối KHCN để được hướng dẫn cụ thể.

11.2 Các sản phẩm thấu chi:

- Thấu chi tín chấp
- Thấu chi có TSDB
- Thấu chi dành cho nhân viên ABBANK.

11.3 Điều kiện xét cấp thấu chi tín chấp:

Điều kiện xét cấp	HMTc
a. Đối với KH có chuyển thu nhập ròng hàng tháng về TKTGTT mở tại ABBANK phải thỏa các điều kiện sau: - Cá nhân đang làm việc ổn định tại các tổ chức sau: ▪ Các công ty nước ngoài, liên doanh, văn phòng đại diện các công ty nước ngoài có tối thiểu 5 nhân viên chính thức trở lên, văn phòng đại diện các cơ quan tổ chức Liên Hợp Quốc, các tổ chức phi chính phủ đặt tại Việt Nam. ▪ Các công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh. ▪ Công ty trực thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN). ▪ Các đơn vị có chi trả lương qua TKTGTT tại ABBANK. - Không có nợ quá hạn trên 30 ngày tại bất kỳ TCTD nào trong thời gian 12 tháng tính đến ngày xét duyệt. - Thời gian công tác liên tục và ổn định từ 01 năm trở lên. - Thu nhập ròng hàng tháng tối thiểu: ▪ ≥ 10 triệu đồng đối với khu vực TP.HCM, Hà Nội ▪ Đối với các khu vực khác: các ĐVKD trình cụ thể về Khối Quản trị tín dụng và Tổng giám đốc phê duyệt. - Có điện thoại liên lạc (điện thoại bàn) tại nơi làm việc, nơi ở và nơi đăng ký hộ khẩu (trường hợp nơi ở hiện tại khác với Hộ khẩu).	- Tối đa 5 lần thu nhập ổn định hàng tháng mà KH đang thực hiện chuyển về TKTGTT mở tại ABBANK, và - Tối đa 100 triệu đồng.

- Chứng minh được khả năng trả nợ - Đang thực hiện chuyển 100% thu nhập ròng hàng tháng của KH về TKTGTT mở tại ABBANK. b.Đối với KH không chuyển thu nhập ròng hàng tháng về TKTGTT mở tại ABBANK thì ngoài các điều kiện trên (khoản a mục này) phải thỏa thêm các điều kiện sau: - Là thành viên trong Ban giám đốc, kế toán trưởng của các công ty thuộc danh sách VNR500 đã được ABBANK cấp hạn mức tín dụng; - Là thành viên trong Ban giám đốc, kế toán trưởng của các công ty thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam – EVN. Lưu ý: - Các công ty nơi KH đang công tác phải có cam kết bảo lãnh (Mẫu PL 05/HMTC), theo đó ABBANK được quyền trích tiền từ tài khoản của công ty để thu nợ thấu chi của KH trong trường hợp KH chậm trả/không trả và/hoặc trả không đầy đủ. ĐVKD phải gửi thông báo cho công ty (Mẫu PL 06/HMTC) trước khi trích tiền từ tài khoản của công ty. - Trường hợp không chuyển thu nhập ròng hàng tháng của KH về TKTGTT mở tại ABBANK sẽ do Giám đốc Chi nhánh/SGD xem xét phê duyệt và chịu trách nhiệm.	
--	--

11.4 Điều kiện xét thấu chi có TSBD:

Loại TSDB	Điều kiện xét cấp	HMTC
Sản phẩm huy động vốn	- Các sản phẩm huy động vốn của ABBANK và các sản phẩm huy động vốn của các TCTD khác được ABBANK chấp nhận.	- 100% giá trị sản phẩm huy động vốn bằng VNĐ, hoặc - 90% giá trị sản phẩm huy động vốn bằng ngoại tệ khác. (Quy đổi theo tỷ giá mua của ABBANK tại thời điểm xét cấp), - Nhưng phải đảm bảo công thức: $HMTC + \text{lãi vay phát sinh} \leq \text{Trị giá sản phẩm huy động vốn (hoặc giá trị sản phẩm huy động vốn quy đổi VND)} + \text{lãi tiền gửi phát sinh (hoặc lãi tiền gửi phát sinh quy đổi VND)}$ (Lãi vay phát sinh được tính trên giả định KH sử dụng toàn bộ HMTC được cấp ngay ngày đầu tiên và duy trì suốt thời gian cấp HMTC và lãi suất áp dụng tại thời điểm cấp HMTC).

Bất động sản	- Có TSDB hợp pháp, hợp lệ của KH vay và/hoặc của bên thứ ba (là cha mẹ, anh chị em ruột, người hôn phối của KH vay) - Không có nợ từ Nhóm 3 trở lên tại bất kỳ TCTD nào, trong thời gian 12 tháng tính đến ngày xét cấp tín dụng. - Chứng minh được khả năng trả nợ. Lưu ý: Không bắt buộc chuyển thu nhập ròng hàng tháng về TKTGTT mở tại ABBANK.	- Tối đa 8 lần thu nhập ổn định hàng tháng dùng để trả nợ vay, và đồng thời không vượt quá: ▪ 300 triệu đồng, ▪ Tỷ lệ cho vay tối đa trên giá trị từng loại bất động sản theo quy định tại Quyết định 224/QĐ-TGĐ.10 ngày 25/10/2010 (đối với thấu chi dành cho KH đang thế chấp bất động sản để vay vốn tại ABBANK: tổng HMTTC và tổng mức cấp tín dụng (*) tại ABBANK vào thời điểm xét cấp HMTTC không được vượt quá tỷ lệ cho vay tối đa trên giá trị bất động sản theo quy định tại Quyết định 224/QĐ-TGĐ.10 ngày 25/10/2010).
---------------------	--	--

(*) Tổng mức cấp tín dụng tại ABBANK vào thời điểm xét cấp HMTTC: bao gồm tổng hạn mức tín dụng được cấp (đối với cho vay theo hạn mức) và/hoặc mức cấp tín dụng ban đầu (đối với cho vay từng lần, giải ngân nhiều lần) và/hoặc dư nợ hiện tại (đối với cho vay từng lần, giải ngân một lần).

11.5 Điều kiện xét cấp thấu chi dành cho nhân viên ABBANK.

- Không thuộc đối tượng quy định tại điều 19, của Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành kèm theo Quyết định số 1627/NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- Đã ký Hợp đồng lao động chính thức tại ABBANK.
- Chứng minh được khả năng trả nợ
- Tổng mức trả nợ tối đa hàng tháng tại ABBANK và các TCTD khác (nếu có) không được vượt quá 85% tháng lương thực nhận hàng tháng.

Loại TSDB	Điều kiện xét cấp	HMTTC
- Tín chấp	- Thời gian công tác liên tục và ổn định từ 01 năm trở lên tính từ khi ký hợp đồng lao động chính thức đến thời điểm xét cấp HMTTC. - Không có nợ quá hạn > 30 ngày tại bất kỳ TCTD nào trong thời gian 12 tháng tính đến ngày xét duyệt.	- Tối đa 03 tháng lương thực nhận hàng tháng và không vượt quá 50 triệu đồng
- Bất động sản	- Thời gian công tác liên tục và ổn định từ 06 tháng trở lên tính từ khi ký hợp đồng lao động chính thức đến thời điểm xét cấp HMTTC. - Không có nợ từ Nhóm 3 trở lên tại bất kỳ TCTD nào, trong thời gian 12 tháng tính đến ngày xét cấp tín dụng.	- Tối đa 05 lần lương thực nhận hàng tháng và không vượt quá: - 300 triệu đồng - 85% giá trị TSDB do ABBANK định giá.

11.6 Mục đích vay vốn:

- Tiêu dùng

11.7 Phương thức cho vay:

- Cho vay theo hạn mức thấu chi.

11.8 Thời hạn hiệu lực HMTc:

- Tối đa 12 tháng

11.9 Phương thức rút vốn – thu nợ:**11.9.1 Phương thức rút vốn:**

KH rút vốn trên tài khoản thấu chi, thông qua các hình thức sau:

- Rút tiền mặt, chuyển khoản thanh toán từ máy ATM bằng các loại thẻ ATM của ABBANK
- Rút tiền mặt, chuyển khoản thanh toán tại các điểm giao dịch trong toàn hệ thống ABBANK
- Thanh toán tại các điểm chấp nhận thẻ ATM của ABBANK.

11.9.2 Phương thức trả nợ:**a. Thu lãi:**

- Thu lãi định kỳ: Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng (ngày chấm dứt HMTc là ngày trả lãi của kỳ thu lãi cuối cùng).

Riêng đối với các khoản thấu chi dành cho CBCNV theo quy định tại khoản 5 mục VI quy trình này, định kỳ trả lãi là vào ngày 02 hàng tháng (ngày chấm dứt HMTc là ngày trả lãi của kỳ thu lãi cuối cùng).

- Thu lãi cuối kỳ: Trường hợp HMTc có TSĐB là sản phẩm huy động vốn lãnh lãi cuối kỳ hoặc KH cam kết không lãnh lãi tiền gửi trong suốt thời hạn hiệu lực của HMTc thì có thể áp dụng phương thức lãi trả cuối kỳ.

b. Thu nợ thấu chi

b1. ABBANK thu toàn bộ dư nợ thấu chi vào ngày chấm dứt HMTc,

b2. Thu hàng ngày: Ngay khi tài khoản thấu chi có số dư có, hệ thống tự động trích thu nợ gốc từ tài khoản thấu chi của KH theo một hoặc cả hai phương thức sau tùy phương thức nào đến trước:

- Thu cho đến hết nợ thấu chi.
- Thu cho đến hết số dư có trên tài khoản thấu chi.

11.10 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: VNĐ
- Loại tiền thu nợ: VNĐ

11.11 Lãi suất, các loại phí cho vay:

- Lãi cho từng lần giao dịch thấu chi được tính theo công thức sau:

$$\text{Lãi} = \text{Dư nợ thấu chi thực tế} \times \text{số ngày thấu chi thực tế sử dụng} \times \text{lãi suất}$$

Trong đó: Số ngày thấu chi thực tế sử dụng là khoảng thời gian được tính từ ngày phát sinh giao dịch có sử dụng HMTc đến ngày KH thanh toán hết số tiền thấu chi cho ABBANK.

- Tổng số lãi KH phải trả cho ABBANK đến kỳ thanh toán lãi theo quy định tại **điểm a khoản 11.9.2** quy trình này bằng tổng số lãi phát sinh cho tất cả các giao dịch thấu chi mà ABBANK chưa thu.
- Lãi suất và các loại phí cho vay thấu chi theo quy định hiện hành của ABBANK ban hành vào từng thời kỳ.

11.12 Chuyển nợ quá hạn – điều chỉnh thời hạn hiệu lực của HMTc

- Đến ngày trả nợ lãi hoặc nợ gốc theo đúng quy định tại **mục a, khoản 11.9.2 và điểm b1, mục b, khoản 11.9.2** quy trình này, nếu KH không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, ABBANK sẽ chuyển nhóm nợ và tính lãi quá hạn theo đúng quy định hiện hành.
- Trường hợp HMTc bị chuyển nợ nhóm 2, ABBANK lập tức chấm dứt thời hạn hiệu lực của HMTc trước hạn và tiến hành thu hồi nợ trước hạn theo quy định hiện hành.

11.13 Thẩm quyền xét duyệt cho vay:

- Phù hợp các quy định hiện hành của ABBANK.
- Các trường hợp không thỏa các điều kiện trong quy trình này (ngoại lệ) các ĐVKD trình Khối quản trị tín dụng để xét duyệt cấp hạn mức hiện hành.

11.14 Hồ sơ vay vốn:

- **Hồ sơ chung:**
 - Giấy đề nghị cấp HMTc (*Áp dụng mẫu giấy đề nghị vay vốn hiện hành, theo Quyết định số 260/QĐ-NHAB.09 ban hành ngày 17/11/2010*). Trường hợp KH là CBCNV vay theo sản phẩm thấu chi dành cho CBCNV của ABBANK thì dùng mẫu Giấy đề nghị vay vốn (*phụ lục ban hành kèm quyết định 124/QĐ-HDQT.07 ngày 01/06/2007*).
 - Giấy ủy quyền trích tài khoản để thanh toán các nghĩa vụ tài chính tại ABBANK (*Mẫu PL 01/HMTc*).
 - Giấy tờ nhân thân: Bản sao CMND + Hộ khẩu/ tạm trú của KH vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có); Giấy tờ pháp lý thể hiện tình trạng hôn nhân của KH vay và/hoặc của bên thứ ba (nếu có),...

-Hồ sơ theo từng sản phẩm thấu chi ngoài hồ sơ chung nêu trên:

Thấu chi tín chấp	- Bản sao hợp đồng lao động (có đối chiếu bản chính). - Sao kê tài khoản lương hoặc phiếu chi lương 3 tháng gần nhất (bản chính có đóng dấu của đơn vị trả lương). - Hóa đơn điện thoại bản nơi cư trú (bản chính)
Thấu chi có Tài sản đảm bảo	- Các giấy tờ liên quan đến TSĐB (bản chính). - Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập.

11.15 Các quy định khác:

- Đơn vị mở TKTGTT và đơn vị cấp HMTc phải cùng một đơn vị.
- Trường hợp một KH vừa được cấp HMTc vừa có các khoản vay khác, ĐVKD tiến hành mở thêm tài khoản working account cho KH theo hướng dẫn của trung tâm corebanking (tài khoản này do ABBANK mở và quản lý, KH không biết tài khoản này), khi đó:
 - Tài khoản thấu chi được dùng để thực hiện giao dịch thấu chi và thu nợ thấu chi.
 - Tài khoản để thu nợ cho các khoản vay khác là tài khoản working account.
- Không phong tỏa số dư trên tài khoản thấu chi. Trường hợp cần phong tỏa số dư thì đơn vị tiến hành chuyển số tiền cần phong tỏa từ tài khoản thấu chi (chỉ được trích số dư có, không được trích từ HMTc) sang tài khoản working account và phong tỏa trên tài khoản working account.
- Đối với trường hợp thấu chi dành cho CBCNV thuộc hệ thống ABBANK, việc theo dõi, thu nợ thực hiện theo quy trình cho vay dành cho CBCNV hiện hành (YOUstaff).

11.16 Các văn bản liên quan

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
183/QĐ-HĐQT.10	10/1/2010	Ban hành quy trình cho vay thấu chi dành cho khách hàng cá nhân	Thay thế bởi quyết định 40/QĐ-TGD.11
185/QĐ-HĐQT.10	10/1/2010	Ban hành lãi suất cho vay thấu chi áp dụng đối với khách hàng cá nhân	
40/QĐ-TGD.11	30/01/2011	Ban hành quy trình cho vay thấu chi dành cho khách hàng cá nhân	
120/QĐ-HĐQT.11	14/06/2011	V/v ban hành một số quy định đối với cho vay CB-CNV trong hệ thống ABBANK – YOUstaff và thấu chi nhân viên ABBANK.	



12. Bảo lãnh trong nước

12.1 Đối tượng áp dụng:

- Khách hàng là DNTN, cá nhân đang cư trú và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, có nhu cầu được ABBANK cấp bảo lãnh trong nước để bảo đảm nghĩa vụ với bên thứ 3.
- Các đối tượng không được bảo lãnh:
 - + Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc của ABBANK.
 - + Cán bộ nhân viên của ABBANK thực hiện thẩm định, quyết định bảo lãnh.
 - + Bố, mẹ, vợ chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của ABBANK. Việc áp dụng bảo lãnh đối với các đối tượng nêu trên do Giám đốc Sở Giao Dịch/ Chi nhánh xem xét quyết định.

12.2 Các loại bảo lãnh:

- Bảo lãnh thanh toán
- Bảo lãnh dự thầu
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm/ bảo lãnh bảo hành
- Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước.
- Các loại bảo lãnh khác theo quy định của pháp luật và ABBANK hiện hành.

12.3 Hình thức cấp bảo lãnh

- Bảo lãnh từng lần
- Bảo lãnh hạn mức

12.4 Điều kiện bảo lãnh:

12.4.1 Điều kiện chung:

- Khách hàng có đủ điều kiện về năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật
- Đủ 18 tuổi trở lên và thời hạn kết thúc khoản bảo lãnh không quá 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam.
- Có mục đích đề nghị ABBANK bảo lãnh là hợp pháp.
- Có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ được ABBANK bảo lãnh trong thời gian cam kết phát hành có giá trị tương đương 100% giá trị ABBANK bảo lãnh.

12.4.2 Điều kiện bắt buộc trong các trường hợp đặc thù:

Trường hợp 1:

- KH đề nghị ABBANK cấp bảo lãnh thanh toán/ bảo lãnh hoàn tiền ứng trước nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- KH không ký quỹ hoặc không có TSDB là sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành có giá trị tương đương 100% giá trị đề nghị ABBANK bảo lãnh

➔ ĐK bắt buộc:

- KH phải được ABBANK cấp hạn mức (tín dụng & bảo lãnh) .Hạn mức được cấp tối thiểu phải lớn hơn giá trị bảo lãnh KH đề nghị ABBANK cấp
- TSDB theo quy định.

Trường hợp 2:

- KH đề nghị ABBANK cấp bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán / bảo lãnh hoàn tiền ứng trước).
- KH không ký quỹ hoặc không có TSDB là sản phẩm huy động vốn do ABBANK phát hành có giá trị tương đương 100% giá trị đề nghị ABBANK bảo lãnh .

➔Điều kiện bắt buộc:

- Bên nhận bảo lãnh là các công ty thuộc danh mục công ty nhận bảo lãnh được ABBANK chấp thuận
- KH có ký hợp đồng đại lý/ hợp đồng dịch vụ với bên nhận bảo lãnh.
- TSDB theo quy định.

12.5 Tài sản đảm bảo:

- Sản phẩm huy động vốn/Xe ô tô/Bất động sản của khách hàng/ được bảo lãnh của bên thứ 3 là người thân
- Trường hợp tài sản đảm bảo là bên thứ 3 nhưng không phải là người thân của khách hàng, Giám đốc Sở giao Dịch/Chi nhánh có thẩm quyền xem xét phê duyệt khoản bảo lãnh.

12.6 Mức bảo lãnh:

STT	Loại tài sản đảm bảo	Mức bảo lãnh tối đa	Tỷ lệ tối đa của mức BL/ Giá trị TSDB
01	BDS (nhà , đất)	100% giá trị đề nghị ABBANK bảo lãnh	Nhưng không vượt quá 70% giá trị TSDB.
02	Xe ô tô		Nhưng không vượt quá 50% giá trị TSDB(theo định giá của ABBANK)
03	Sản phẩm huy động vốn bằng VNĐ		Nhưng không vượt quá 100% giá trị tài sản bảo đảm
04	Sản phẩm huy động vốn bằng USD/ vàng		Nhưng không vượt quá 90% giá trị tài sản bảo đảm

Lưu ý:

- Mức bảo lãnh tối đa cho 1 khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng.
- Không áp dụng mức bảo lãnh trên giá trị tài sản đảm bảo như bảng trên đối với trường hợp 1 nêu trên.

12.7 Thời hạn bảo lãnh:

- Tối đa không quá 12 tháng.

12.8 Phí bảo lãnh:

- Theo biểu phí hiện hành.

12.9 Hồ sơ cấp bảo lãnh:

- Đơn đề nghị cấp bảo lãnh
- Giấy tờ chứng minh nhân thân
- Giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh
- Các giấy tờ liên quan đến mục đích đề nghị bảo lãnh
- Giấy tờ chứng minh TSDB
- Các hợp đồng kinh tế, Hợp đồng đại lý, văn bản giao dịch...
- Các giấy tờ liên quan khác .

12.10 Nguyên tắc chung:

- Trường hợp KH không ký quỹ theo quy định, GĐSGD/CN cân nhắc quyết định miễn giảm tỷ lệ ký quỹ/giá trị TSDB là STK/GTCG. Các đơn vị Kinh doanh được khuyến khích yêu cầu KH duy trì tỷ lệ tối thiểu ở mức 5% giá trị đề nghị ABBANK bảo lãnh
- Trường hợp không áp dụng các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh của KH phải trình TGD duyệt
- ABBANK được quyền đơn phương trích số tiền ký quỹ , số dư STK/GTCG được cầm cố đảm bảo cho khoản bảo lãnh, phát mãi, xử lý TSDB, trích tài khoản của KH hoặc bên bảo đảm theo thỏa thuận, khởi kiện ra cơ quan pháp luật và các biện pháp xử lý TSDB khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

12.11 Chỉnh sửa/ Tu chỉnh cam kết bảo lãnh:

- Thư bảo lãnh được chỉnh sửa/tu chỉnh, gia hạn, sửa đổi nội dung bảo lãnh khi khách hàng có đơn đề nghị trên cơ sở yêu cầu/xác nhận bằng văn bản của bên nhận bảo lãnh.
- Hồ sơ chỉnh sửa/tu chỉnh, gia hạn, sửa đổi nội dung bảo lãnh gồm:
 - Giấy đề nghị chỉnh sửa/tu chỉnh, gia hạn bảo lãnh/ Giấy đề nghị tu chỉnh bảo lãnh.
 - Hồ sơ chứng minh yêu cầu chỉnh sửa/tu chỉnh, gia hạn hiệu lực cam kết bảo lãnh của bên nhận bảo lãnh
- ☐ Đề nghị tu chỉnh/gia hạn hiệu lực bảo lãnh phải nằm trong thời gian còn hiệu lực của cam kết bảo lãnh đã phát hành. Thời gian gia hạn hiệu lực bảo lãnh không vượt quá thời hạn 12 tháng.
- ☐ ABBANK chỉ tu chỉnh một vài hoặc tất cả các nội dung sau:
 - ☐ Thời hạn bảo lãnh
 - ☐ Giá trị bảo lãnh
 - ☐ Các chứng từ liên quan cần cung cấp.

12.12 Chấm dứt bảo lãnh:**Nghĩa vụ bảo lãnh của ABBANK chấm dứt khi :**

- Khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh
- Khách hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh
- Cam kết bảo lãnh hết hiệu lực.
- ABBANK nhận được văn bản có xác nhận của bên nhận bảo lãnh thể hiện rõ nội dung bên nhận bảo lãnh đồng ý:
 - + Miễn thực hiện nghĩa vụ cho khách hàng.

- + Việc bảo lãnh theo cam kết bảo lãnh được hủy bỏ hoặc đã được thay thế bằng biện pháp khác.
- ABBANK đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả thay ckhí KH vi phạm hợp đồng.

12.13 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - + Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - + Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - + Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - + Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - + Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - + Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

12.14 Các văn bản liên quan

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
152/QĐ-TGD.10	7/16/2010	Ban hành hướng dẫn cấp bảo lãnh tron nước đối với khách hàng cá nhân	
165/QĐ-HĐQT.10	8/27/2010	Ban hành biểu phí bảo lãnh trong nước áp dụng đối với khách hàng cá nhân	
166/QĐ-HĐQT.10	8/27/2010	Phân quyền quyết định giảm phí bảo lãnh trong nước áp dụng đối với khách hàng cá nhân	
188/QĐ-TGD.10	8/27/2010	Ban hành danh mục các công ty nhận bảo lãnh được ABBANK chấp nhận kèm theo Quyết định 152/QĐ-TGD.10 ngày 16/07/2010 về việc Ban hành hướng dẫn cấp bảo lãnh trong nước đối với khách hàng cá nhân	

13. Cho vay cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết - YOUotc:

13.1 Đối tượng cho vay:

- Là DNTN, cá nhân người Việt Nam đang sinh sống hoạt động và cư trú hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

13.2 Mục đích vay vốn:

- Phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng nói chung, hoặc cho các mục đích khác.

13.3 Điều kiện vay vốn:

- Có hộ khẩu thường trú/tạm trú tại địa phương có chi nhánh của ABBANK.
- Có điện thoại bàn tại nơi cư trú hiện tại.
- Khách hàng vay có độ tuổi trên 18 và thời hạn kết thúc khoản vay không quá 60 tuổi đối với Nam, 55 tuổi đối với nữ.
- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự theo pháp luật.
- Chưa phát sinh nợ từ nhóm 3 trở đi tại ABBANK và các TCTD khác.
- Khách hàng phải mở tiền gửi thanh toán tại ABBANK.
- Các điều kiện khác không quy định tại đây phải phù hợp với quy chế cho vay hiện hành của ABBANK.

13.4 Thời hạn cho vay:

- Đối với phương thức cho vay từng lần: thời hạn vay tối đa là 12 tháng.
- Đối với phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng (HMTD): thời hạn hiệu lực HMTD tối đa là 12 tháng và không quá 6 tháng đối với từng Hợp Đồng Rút vốn vay cụ thể.

13.5 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam(VNĐ)
- Loại tiền thu nợ: đồng Việt Nam(VNĐ)

13.6 Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần
- Cho vay theo hạn mức tín dụng

13.7 Tài sản đảm bảo:

- TSĐB là cổ phiếu thuộc danh mục “ cổ phiếu chưa niêm yết được ABBANK chấp thuận” là cổ phiếu đã được phát hành chứng nhận sở hữu và phải chuyển nhượng được, không bị bất kỳ hạn chế nào.

13.8 Mức cho vay:

- Mức cho vay tối thiểu/1 lần vay: 50 triệu đồng/cá nhân.
- Mức cho vay tối đa/1 lần vay: 15 tỷ đồng/ cá nhân.
- Mức cho vay tối đa/1 đơn vị cổ phần được tính

Loại chứng khoán	Mức cho vay tối đa

Cổ phiếu chưa niêm yết thuộc danh mục ABBANK chấp thuận	Tối đa 50% thị giá và không quá 04 lần mệnh giá.
Nếu $G_{xl}/G_{tt} \geq 90\%$ (Giá xl: Mức giá xử lý; Giá tt: thị giá cổ phiếu) Thì Mức cho vay tối đa áp dụng = mức cho vay tối đa x 90%.	

- Tổng giá trị các khoản vay được phê duyệt tối đa áp dụng đối với sản phẩm cho vay này do Phó Tổng Giám đốc phụ trách tín dụng và Quản lý rủi ro ấn định từng thời kỳ và được thông báo trên toàn hệ thống bởi phòng Quản lý rủi ro Hội sở.

13.9 Mức giá xử lý:

- Mức giá xử lý = 190% x Mức cho vay tối đa áp dụng

13.10 Lãi suất:

- Lãi suất cho vay được tính trên dư nợ thực tế
- Theo chính khách hàng và quy định về lãi suất của ABBANK vào từng thời điểm.

13.11 Phương thức trả nợ:

- Trả lãi: Khách hàng trả lãi định kỳ hàng tháng hoặc trả 1 lần vào cuối kỳ.(Áp dụng với trường hợp vay từng lần và thời hạn vay không quá 6 tháng).
- Trả gốc: Trả vào cuối kỳ.

13.12 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ vay.
- CMND, hộ khẩu/tạm trú.
- Các giấy tờ liên quan đến tài sản cầm cố chứng minh khách hàng sở hữu cổ phiếu(chứng nhận góp vốn, chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cổ đông).
- Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập
- Giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.
- Các giấy tờ khác có liên quan đến khoản vay được ABBANK yêu cầu.

13.13 Xử lý cổ phiếu cầm cố:

ABBANK xử lý tài sản để thu hồi nợ trong các trường hợp sau:

- Khi đến hạn trả nợ mà bên vay không trả hết các khoản nợ gốc, lãi, phí mà không được ABBANK gia hạn hay cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- Khi thị giá thấp hơn hoặc bằng mức giá xử lý mà bên vay không tiến hành bất cứ biện pháp nào theo quy định của ABBANK.
- Các trường hợp khác ảnh hưởng đến giá trị cầm cố như: cổ phiếu bị định giá lại, bị chia tách,...
- Khi cổ phiếu cầm cố được niêm yết trên thị trường chứng khoán mà khách hàng không tiến hành lưu ký theo quy định của ABBANK.

13.14 Thời gian xử lý hồ sơ:

- Đối với trường hợp văn phòng thụ lý việc xác nhận và phong tỏa của tổ chức phát hành cổ phiếu cầm cố có cùng địa bàn với đơn vị cho vay thì thời gian không vượt quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cho đến khi giải ngân.

- Đối với trường hợp văn phòng thụ lý việc xác nhận và phong tỏa của tổ chức phát hành cổ phiếu cầm cố không cùng địa bàn với đơn vị cho vay thì thời gian không vượt quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cho đến khi giải ngân.

13.15 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - ✚ Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

13.16 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
57/QĐ-NHAB-07	09.05.07	V/v ban hành Quy trình cho vay cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết (14trang)	
107/QĐ-HĐQT-07	Phụ lục 01	V/v ban hành lãi suất cho vay cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết	Được thay thế bởi quyết định 145/QĐ-HĐQT.08
	Phụ lục 02	Giấy đề nghị vay vốn	
	Phụ lục 03	Mẫu tờ trình thẩm định	
	Phụ lục 04a	Mẫu xác nhận phong tỏa	
	Phụ lục 04b	Công văn giải tỏa	
	Phụ lục 05	Thông báo gửi khách hàng	
58/QĐ-NHAB-07	Phụ lục 06	V/v ban hành Danh mục các cổ phiếu chưa niêm yết được ABBank chấp nhận	
	Phụ lục 07	Mẫu theo dõi hồ sơ khách hàng	
	Phụ lục 08	Lưu ký	

14. Cho vay cầm cố cổ phiếu niêm yết - YOUstock

14.1 Đối tượng cho vay:

- DNTN, cá nhân cư trú, hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam

14.2 Mục đích vay vốn:

- Kinh doanh chứng khoán

14.3 Loại tiền cho vay- thu nợ:

- Loại tiền cho vay: Đồng Việt Nam(VNĐ)
- Loại tiền thu nợ: Đồng Việt Nam(VNĐ)

14.4 Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần

14.5 Tài sản đảm bảo và xác định giá trị tài sản đảm bảo:

- Tài sản bảo đảm tiền vay là cổ phiếu do các Tổ chức kinh tế phát hành đã được niêm yết trên trung tâm giao dịch chứng khoán.
- Xác định giá trị tài sản cầm cố: Giá trị TSĐB được xác định là thị giá của chứng khoán tại thời điểm cầm cố.

14.6 Thời hạn vay:

- Tối đa không quá 6 tháng.

14.7 Lãi suất cho vay:

- Áp dụng theo biểu phí hiện hành.

14.8 Mức cho vay :

- Mức cho vay tối thiểu: 50 Triệu đồng/cá nhân.
- Mức cho vay tối đa: 15 tỷ đồng/ cá nhân

Loại chứng khoán	Mức cho vay	Mức giá xử lý
Cổ phiếu niêm yết: Loại 1: Cổ phiếu có thị giá từ 80.000 đồng trở lên. Loại 2: Cổ phiếu có thị giá từ 40.000 đồng đến 80.000 đồng. Loại 3: Những cổ phiếu có thị giá từ 10.000 đồng đến 40.000 đồng.	Tối đa 50% thị giá và không quá : 3 lần mệnh giá đối với các cổ phiếu xếp loại 1.: 2 lần mệnh giá đối với các cổ phiếu xếp loại 2. 1 lần mệnh giá đối với các cổ phiếu xếp loại 3.	150% mức cho vay (làm tròn đến 100 đồng)
Không cho vay các cổ phiếu có thị giá < mệnh giá.		

14.9 Phương thức trả nợ:**14.9.1 Phương thức trả lãi:**

- Trả lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc cuối kỳ.

14.9.2 Phương thức trả nợ gốc:

- Nợ gốc trả định kỳ hàng tháng hoặc cuối kỳ.

14.10 Thời gian giải quyết hồ sơ:

- Tại các CN/PGD của công ty Chứng khoán An Bình (ABS) tối đa 30 phút.
- Tại các đơn vị Đại lý nhận lệnh của công ty chứng khoán An Bình (ABS) tối đa 40 phút.
- Tại các công ty chứng khoán được ABBANK chấp thuận không phải ABS, thời hạn tối đa 2 giờ đồng hồ kể từ lúc nhân viên Quản lý tín dụng nhận được hồ sơ khách hàng từ công ty chứng khoán.

14.11 Thẩm quyền xét cấp tín dụng:

- Thẩm quyền xét cấp tín dụng được thực hiện theo ủy quyền của Tổng Giám Đốc cho Thủ trưởng của các đơn vị cho vay từng thời kỳ.
- Trường hợp khoản vay vượt mức phán quyết của Đơn vị cho vay, Đơn vị fax tờ trình thẩm định về phòng QLRR hội sở để xem xét phê duyệt/đề xuất phê duyệt. Đơn vị cho vay có thể giải ngân trên tờ fax đã được phê duyệt và phải bổ sung bản chính có chữ ký trong vòng 3 ngày làm việc.

14.12 Thủ tục cầm cố chứng khoán:

- KH phải mở tài khoản và lưu ký chứng khoán dự định cầm cố cho ngân hàng tại công ty chứng khoán được ABBANK chấp nhận.
Quá trình thực hiện:

Bước 1: Tại công ty chứng khoán

- Khách hàng có nhu cầu cầm cố chứng khoán để vay liên hệ công ty chứng khoán
- Công ty chứng khoán kiểm tra số lượng chứng khoán khách hàng lưu ký tại đây.
- In ra 04 bản Giấy đề nghị vay vốn kiêm HĐTD, HĐ cầm cố tài sản (01 bản cho khách hàng, 01 bản cho công ty chứng khoán và 02 cho ABBANK)
- Công ty chứng khoán ký tên đóng dấu vào “ Bên quản lý tài sản” sau đó công ty chứng khoán trực tiếp chuyển sang các CN/PGD của ABBANK.
- Công ty chứng khoán thực hiện phong tỏa tài khoản lưu ký chứng khoán tại HĐ 3 bên để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho ABBANK.

Bước 2: Tại ABBANK

- Sau khi nhận hồ sơ từ công ty chứng khoán, nhân viên quản lý tín dụng kiểm tra đầy đủ tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ, và nhập thông tin vào “ Phần mềm quản lý biến động giá” sau đó ký vào phần “ Nhân viên quản lý hồ sơ”
- Chuyển sang cho cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Sau khi hoàn tất thì giao cho khách hàng 01 bản, 01 bản gửi cho công ty chứng khoán..

Bước 3: Khởi tạo tài khoản và giải ngân:

- Giao dịch viên khởi tạo tài khoản để giải ngân cho khách hàng.
- Làm thủ tục giải ngân vào tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng tại ABBANK (không giải ngân bằng tiền mặt)

14.13 Theo dõi hồ sơ:

Khách hàng có nhu cầu bán chứng khoán cầm cố:

- Khách hàng lập yêu cầu bán chứng khoán gửi công ty Chứng khoán chuyển cho ABBANK.
- ABBANK sẽ gửi thông báo chấp thuận cho phép khách hàng bán chứng khoán cho công ty Chứng khoán.
- Sau giờ khớp lệnh chứng khoán, Công ty chứng khoán sẽ chuyển bảng liệt kê tình hình giao dịch giải chấp có tên danh sách khách hàng bán chứng khoán cầm cố, số lượng bán cho nhân viên Quản lý tín dụng của ABBANK. Khi đến ngày báo cáo (sau 03 ngày giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán), bộ phận quản lý tín dụng và giao dịch viên sẽ tiến hành theo dõi thu lãi vay và nợ gốc.

Khi khách hàng trả một phần nợ hay thanh lý hợp đồng tín dụng:

- Giao dịch viên tiến hành thu nợ và bộ phận quản lý tín dụng “Đề nghị giải tỏa chứng khoán” gửi cho Công ty chứng khoán.

14.14 Gia hạn nợ:

- Việc gia hạn nợ theo quy định của ABBANK
- Mỗi khách hàng chỉ được gia hạn một lần và không quá 03 tháng kể từ ngày đáo hạn.
- Lãi suất khoản vay không được gia hạn sẽ là lãi suất quá hạn.

14.15 Chuyển nợ quá hạn:

- Khách hàng không trả nợ lãi và nợ gốc khi đến hạn, bổ sung tài sản cầm cố/ thế chấp theo yêu cầu của ABBANK.
- Khách hàng vi phạm các thỏa thuận, cam kết đã ký với ABBANK.

14.16 Xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ:

- Khi đến hạn trả nợ mà bên vay không trả hết các khoản nợ gốc, lãi phí mà không được ABBANK gia hạn hay cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- Sau khi kết thúc phiên giao dịch bất kỳ, nếu một trong các loại cổ phiếu cầm cố giảm còn thấp hơn hoặc bằng mức xử lý mà trong 24 giờ kể từ khi khớp lệnh, bên vay không chủ động trả nợ hoặc bổ sung/thay thế tài sản đảm bảo đã được ABBANK chấp thuận, thì tiến hành xử lý tài sản cầm cố.
- Các trường hợp khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ như sau: cổ phiếu bị đánh giá lại, bị tạm ngừng hay chấm dứt giao dịch, bị chia tách,...

14.17 Qua trình xử lý chứng khoán cầm cố:

- ABBANK gửi thông báo cho Công ty Chứng khoán yêu cầu bán chứng khoán cầm cố của khách hàng.

- ABBANK thực hiện xử lý tài sản cầm cố bằng cách đặt lệnh bán tài sản cầm cố theo mức giá thỏa thuận theo từng trường hợp.
- Số tiền thu về từ việc bán tài sản cầm cố được căn cứ vào thông báo kết quả giao dịch bán chứng khoán của công ty chứng khoán.
- Ngay khi tiền bán chứng khoán được chuyển vào tài khoản tiền gửi của bên vay, ABBANK sẽ trích để thu nợ thứ tự: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí khác (nếu có). Sau khi thu nợ hết các khoản nêu trên, phần tiền còn dư sẽ được hoàn trả cho khách hàng.

14.18 Giải tỏa tài sản cầm cố:

- Trước khi tiến hành việc giải tỏa tài sản cầm cố, ABBANK kiểm tra các nghĩa vụ được đảm bảo của tài sản cầm cố. Sau khi khách hàng thực hiện xong các nghĩa vụ với ABBANK, quản lý tín dụng thực hiện lập giấy đề nghị giải chấp chuáng khoán và gửi sang cho công ty chứng khoán.

14.19 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - ✚ Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

14.20 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, Hợp Đồng cầm cố tài sản.
- Bản sao chứng minh nhân dân/ Hộ khẩu/ tạm trú của người vay.

14.21 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
37/QĐ-TGD.07	04.04.07	V/v ban hành Quy trình cho vay cầm cố cổ phiếu niêm yết để kinh doanh chứng khoán (10trang)	Khoản 5.8.3 mức cho vay bị thay thế bởi QĐ 53/TBNB - NHAB.09

107/QĐ-HĐQT-07	Phụ lục 02	Giấy đề nghị vay vốn kiêm HĐ cầm cố	Bị thay đổi bởi PL 01 QĐ 22/QĐ-TGD.10 ngày 02/02/2010 v/v ban hành mẫu biểu hợp đồng đối với các sản phẩm cho vay chứng khoán.
	Phụ lục 03	Cảnh báo	
	Phụ lục 04	Đề nghị bán chứng khoán	
	Phụ lục 05	Đề nghị giải tỏa	
	Phụ lục 06	Đề nghị gia hạn nợ	
	Phụ lục 07	Thông báo Khách hàng kết quả bán chứng khoán	
	Phụ lục 08	Tờ trình cấp tín dụng	
	Phụ lục 09	Thông báo giá chứng khoán đến mức xử lý	
38/QĐ-TGD.07	Phụ lục 10	V/v ban hành danh mục các Cty chứng khoán được Abbank chấp nhận (Cty chứng khoán ABS)	
51/QĐ-TGD.07	23.04.07	V/v ban hành danh mục các Cty chứng khoán được Abbank chấp nhận (Cty chứng khoán SSI)	
34/TT-NHAB.09	15/04/2009	Tờ trình triển khai cho vay kinh doanh CK	
53/TBNB-NHAB.09	22/06/2009	Thông báo mức cho vay đối với loại cp niêm yết cầm cố	
22/QĐ- TGD.10	02/02/2010	V/v ban hành mẫu biểu Hợp đồng đối với các sản phẩm cho vay chứng khoán.	

15. Cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán - YOU t+2

15.1 Đối tượng cho vay:

- Là DNTN, nhà đầu tư cá nhân người Việt Nam có tài khoản chứng khoán lưu ký tại công ty Chứng khoán ABS.
- Có nhu cầu vay vốn thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh.

15.2 Mục đích vay vốn:

- Thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh.

15.3 Phương thức cho vay:

15.3.1 Cho vay theo hạn mức tín dụng:

- a. Thời hạn hiệu lực của hạn mức: 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức.

b. Hạn mức tối đa:

- Đối với 1 khách hàng: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng chẵn)
- Đối với ABS: 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng chẵn)
- Tuy nhiên phải thỏa mãn điều kiện là tổng số dư nợ thực tế của các khách hàng sử dụng sản phẩm cho vay ngày T+2, dư nợ ABS nhận nợ vay theo sản phẩm này tại ABBANK và giá trị đề nghị giải ngân của Thông báo thanh toán cho Khách hàng mà ABS gửi cho ABBANK trong mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng).

15.3.2 Đối với từng lần rút vốn vay:

- Thời hạn của từng lần rút vốn: 03 ngày làm việc kể từ ngày giải ngân, (từ ngày T+2 đến ngày T+5)
- Số tiền rút vốn: theo thông báo thanh toán cụ thể do ABS gửi, không vượt quá 70% tổng giá trị chứng khoán có tài khoản giao dịch chứng khoán của bên vay và hạn mức.

15.4 Giải ngân:

- Sau khi ABS gửi thông báo thanh toán được ABBANK chấp thuận, ABBANK sẽ tự động giải ngân vào:
- Tài khoản tiền giao dịch chứng khoán mở tại ABBANK, hoặc
- Tài khoản tiền gửi khách hàng mở tại ABBANK, trong trường hợp khách hàng chưa có tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán.

15.5 Loại tiền cho vay – thu nợ:

- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Loại tiền thu nợ: đồng Việt Nam (VNĐ)

15.6 Tài sản đảm bảo:

- Đối với khoản vay của khách hàng vay ABBANK: TSĐB là sổ cổ phiếu niêm yết của Khách hàng, được lưu ký tại công ty chứng khoán ABS và được phép giao dịch.

- Đối với khoản vay ABS nhận nợ với ABBANK: TSDB là toàn bộ số tài sản quy định trong hợp đồng cam kết chuyển nhượng kiêm hợp đồng tín dụng.

15.7 Phương thức trả nợ: lãi và nợ gốc trả cuối kỳ.

15.7.1 Đối với khách hàng:

- Thực hiện các phương thức trả nợ/chuyển vào tài khoản tiền giao dịch chứng khoán/tài khoản tiền gửi của khách hàng mở tại ABBANK để ABBANK tự động trích hay chuyển khoản trực tiếp cho ABBANK.
- Trường hợp đến hạn trả nợ, khách hàng không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ trả nợ cho ABBANK đồng thời hết hạn bán chứng khoán mà không bán được hoặc bán được 1 phần/toàn phần mà số tiền bán chứng khoán bán không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ vay, thì ABS sẽ thanh toán khoản nợ này thay cho khách hàng, sau khi ABS được ABBANK giải ngân một khoản vay có giá trị tương ứng với giá trị phải thanh toán của khách hàng(bao gồm nợ gốc, lãi vay và phí).

15.7.2 Đối với ABS:

- Thực hiện các phương thức trả nợ/chuyển vào tài khoản tiền giao dịch chứng khoán/tài khoản tiền gửi của khách hàng mở tại ABBANK để ABBANK tự động trích hay chuyển khoản trực tiếp cho ABBANK.

15.8 Lưu ý:

- Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:
 - ✚ Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSDB cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

15.9 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng
- CMND/ hộ chiếu
- Hợp đồng cho vay T+2

15.10 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
111/QĐ-NHAB.08	9/8/2008	Quy trình YOUt+2	PL 05 bị thay đổi bởi PL 04 QĐ

			22/QĐ-TGD.10 ngày 02/02/2010 v/v ban hành mẫu biểu Hợp đồng đối với các sản phẩm cho vay chứng khoán.
81/TBNB-NHAB.08	29/09/2008	Hướng dẫn cho vay sản phẩm YOUT+2 đối với khách hàng chưa có tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán tại NHAB.	
22/QĐ-TGD.10	02/02/2010	V/v ban hành mẫu biểu Hợp đồng đối với các sản phẩm cho vay chứng khoán.	

The logo for ABBANK, featuring the word "ABBANK" in a bold, light blue sans-serif font, followed by a stylized orange and yellow chevron symbol pointing to the right.

16. Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán – YOU t+3

16.1 Đối tượng cho vay:

- Là DNTN, nhà đầu tư cá nhân người Việt Nam có tài khoản lưu ký tại Công ty Chứng khoán, Đã khớp lệnh bán chứng khoán (vào ngày T) nhưng chưa đến ngày nhận tiền bán chứng khoán theo quy định và khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

16.2 Mục đích vay vốn:

- Các mục đích được pháp luật cho phép (cho vay tiêu dùng, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán...)

16.3 Loại tiền cho vay:

- Loại tiền cho vay: Đồng Việt Nam(VNĐ)
- Loại tiền thu nợ: Đồng Việt Nam(VNĐ)

16.4 Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần.

16.5 Tài sản đảm bảo:

- Quyền được nhận số tiền bán chứng khoán đã khớp lệnh thuộc sở hữu hợp pháp của khách hàng và khách hàng được thụ hưởng tại ngày thanh toán bù trừ, có xác nhận của CTCK.
- Trường hợp công ty chứng khoán chưa/không thực hiện kết nối, chuyển tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng về ABBANK thì CTCK phải ký quỹ một tỷ lệ theo quy định cụ thể.

16.6 Thời hạn lãi suất cho vay:

- Tối đa 03 ngày làm việc.

16.7 Lãi suất và phí:

Lãi suất cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán =(lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước ban hành từng thời kỳ x 150%)/360

16.8 Hạn mức cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán :

- Tổng dư nợ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán đối với một khách hàng không vượt quá 50 tỷ
- Tổng dư nợ sản phẩm cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán không vượt quá 150 tỷ.

16.9 Phương thức trả nợ:

- Lãi vay trả đầu kỳ hoặc cuối kỳ tùy thuộc vào nhu cầu của mỗi CTCK.
- Nợ gốc trả vào cuối kỳ.

16.10 Mức cho vay:

- Tùy thuộc vào nhu cầu khách hàng nhưng không vượt quá tổng số tiền bán chứng khoán được nhận theo quy định, trừ đi số tiền lãi vay (trường hợp KH trả lãi cuối kỳ), phí (nếu có) phải trả cho ABBANK và các chi phí phải trả cho CTCK.
- Tổng dư nợ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán đối với một khách hàng và Tổng dư nợ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của tất cả các khách hàng:
 - + Tổng dư nợ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán đối với một khách hàng không vượt quá 10 tỷ
 - + Tổng dư nợ sản phẩm cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán không vượt quá 100 tỷ..
- Lưu ý: Hạn mức của khách hàng cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán được cài đặt trên phần mềm hệ thống, hoàn toàn độc lập với hạn mức tín dụng chung đã quy định xét cấp cho riêng từng khách hàng và được cài đặt trên hệ thống.
- Tổng hạn mức của khách hàng tại mỗi CTCK sẽ do Khối KHCN, Khối KHDN đề xuất và được Tổng Giám đốc phê duyệt quy định tại từng hợp đồng hợp tác cụ thể và trong mọi trường hợp tổng hạn mức này không vượt quá hạn mức sản phẩm cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán

16.11 Quyền phán quyết đối với cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho Trưởng/phó đơn vị trực thuộc:

	PGD	CN/PGD	Khối QLRR Hội sở	Hội đồng tín dụng ABBANK
Hạn mức phê duyệt	Đến 2.000.000.000 đ	Đến 7.000.000.000đ	Đến 10.000.000.000đ	Trên 10.000.000.000đ
Ký hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố tài sản	Trưởng đơn vị nơi phát sinh hồ sơ vay ứng trước tiền bán chứng khoán.			
Phê duyệt giải ngân trên T24	Thực hiện theo Thông báo số 53/TBNB-NHAB.08 ngày 03/07/08 v/v danh sách cán bộ mở và phân quyền duyệt hợp đồng trên hệ thống T24 và các văn bản sửa đổi bổ sung sau này nếu có.			

16.12 Lưu ý:

Đối với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thuộc đối tượng vay vốn phải thỏa:

- Đáp ứng đồng thời 5 điều kiện sau:
 - ✚ Số lượng lao động: ≤ 50 người
 - ✚ Vốn điều lệ : ≤ 5 tỷ
 - ✚ Doanh thu thuần : ≤ 15 tỷ
 - ✚ Tổng tài sản: ≤ 10 tỷ
 - ✚ Hạn mức tín dụng: ≤ 2 tỷ
- Với điều kiện TSBD cho khoản vay là bất động sản, sản phẩm huy động vốn, cổ phiếu, và thực hiện theo đúng quy định hiện hành của ABBANK.
- Mục đích vay phục vụ cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh/dịch vụ.

16.13 Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố tài sản kèm Giấy nhận nợ.
- Bản sao CMND/ Hộ chiếu có sao y của cơ quan chức năng.

16.14 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
150/QĐ-NHAB.08	31/10/2008	Quy trình cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán YOUT+3	- Khoản 5.9 đã được bổ sung bởi Qđ 179/QĐ-NHAB.08. - PL 01 bị thay đổi bởi PL 02 QĐ 22/QĐ-TGD.10 ngày 02/02/2010. - PL 06 bị thay đổi bởi PL 03 QĐ 22/QĐ-TGD.10 ngày 02/02/2010.
102/TBNB-NHAB.08	12/3/2008	Hướng dẫn thực hiện YOUT+3 trên T24	
179/QĐ-NHAB.08	12/9/2008	Ban hành bổ sung quy trình T+3	
53/TBNB-NHAB.08	03/07/08	Danh sách cán bộ mở và phân quyền duyệt hợp đồng trên hệ thống T24 và các văn bản sửa	

		đổi bổ sung sau này nếu có	
QĐ 22/QĐ-TGD.10	02/02/2010	V/v ban hành mẫu biểu Hợp đồng đối với các sản phẩm cho vay chứng khoán.	

ABBANK

17. Dịch vụ trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản - YOUhome

17.1 Giới thiệu sản phẩm:

- Dịch vụ trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản, trong đó ABBANK đóng vai trò trung gian đảm bảo quyền lợi của người mua và người bán trong giao dịch mua bán Bất động sản một cách an toàn với thủ tục đơn giản, nhanh chóng và giải quyết các lo âu của người mua, bán.

17.2 Các định nghĩa liên quan:

Tài khoản đồng sở hữu (gọi tắt là tài khoản): tài khoản do ABBANK khởi tạo, không tính lãi phát sinh, có thể duy trì số dư tối thiểu bằng 0 trong thời gian hoạt động, và chủ tài khoản là bên Mua – Bán/đại diện bên Mua – Bán phục vụ cho “ dịch vụ Trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản”

- a. Tài khoản này cho phép người mua chuyển/nộp tiền vào tài khoản để thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản, và chỉ được rút tiền ra trong các trường hợp sau:

Hoàn lại số tiền người mua chuyển/nộp vào tài khoản còn dư sau khi giao dịch đã thành công.

Trường hợp phải xử lý vi phạm theo điều 18.7 gạch đầu dòng thứ 3, văn bản giải quyết có chữ ký đồng thuận của bên mua – bán và xác nhận của ABBANK đồng ý hoàn 1 phần/tất cả số tiền còn lại cho bên mua.

- b. Trong suốt thời quá trình thực hiện giao dịch, bên Bán là bên duy nhất được rút tiền từ tài khoản trừ những trường hợp nêu tại mục a.

Giấy đề nghị thanh toán: là phiếu đề nghị mà bên mua yêu cầu ABBANK thanh toán tiền (mà bên Mua đã chuyển/nộp vào tài khoản) cho bên Bán theo các thỏa thuận quy định trong hợp đồng ủy thác Thanh toán.

Giấy đề nghị thanh toán có thể được ký trước hay ký sau tùy từng trường hợp cụ thể:

Ký trước: ABBANK và bên mua ký tên, đóng dấu(nếu có) vào giấy đề nghị thanh toán khi các bên đã ký hợp đồng Ủy thác thanh toán(hợp đồng này phải còn hiệu), và bên mua đã chuyển/nộp tiền vào tài khoản tối thiểu phải tương ứng với số tiền phải thanh toán trên giấy đề nghị. ABBANK giao giấy đề nghị thanh toán đầy đủ chữ ký cho bên mua theo yêu cầu của bên mua.

Ký sau: Ngay khi đã ký hợp đồng Ủy thác Thanh toán, ABBANK giao giấy đề nghị thanh toán cho bên Mua. Trường hợp bên Mua đề nghị ABBANK thanh toán tiền cho bên bán thì phải cùng bên bán đến ngân hàng ký chấp nhận thanh toán.

17.3 Đối tượng áp dụng:

- Là cá nhân người Việt Nam đang sinh sống và cư trú trên lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản qua ngân hàng.

17.4 Loại tiền áp dụng:

- Đồng Việt Nam.

17.5 Phí áp dụng:

- Áp dụng theo biểu phí dịch vụ, không thu thêm bất kỳ phí nào theo biểu phí dịch vụ của ngân hàng hiện hành.
- Việc thanh toán phí do 2 bên Mua – Bán bắt động sản thỏa thuận, và được quy định rõ trong hợp đồng ủy thác Thanh toán/Ủy thác Pháp lý.
- ABBANK sẽ thu phí ngay khi 3 bên ký hợp đồng ủy thác thanh toán và/hoặc Ủy thác pháp lý và không hoàn trả cho khách hàng khi bên Mua – Bán không thực hiện đúng bất kỳ một cam kết nào trong hợp đồng Ủy Thác thanh toán/Ủy thác Pháp lý dẫn đến việc thanh toán này bị hủy bỏ hoặc vô hiệu.

17.6 Nguyên tắc cơ bản:

- Ngay khi 3 bên cùng ký vào Hợp đồng ủy thác thanh toán, ABBANK sẽ mở tài khoản đồng sở hữu.
- ABBANK và bên mua lập “giấy đề nghị thanh toán” với số lượng, số tiền tương ứng theo thỏa thuận. ABBANK chuyển giao giấy đề nghị thanh toán cho bên Mua lần lượt theo từng đợt sau khi bên Mua đã chuyển/nộp tiền vào tài khoản đồng sở hữu.
- Bên mua chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu để thanh toán cho bên bán theo từng đợt thanh toán đã thỏa thuận.
- Bên bán sau khi hoàn tất các công việc được quy định trong hợp đồng, xuất trình bằng chứng cho bên mua, để nhận “Giấy đề nghị thanh toán”, đến ABBANK yêu cầu thanh toán tiền.
- ABBANK nhận “Giấy đề nghị thanh toán” có chữ ký xác nhận của bên mua và thanh toán tiền cho bên bán.

17.7 Thời hạn thực hiện:**17.7.1 Thời hạn thanh toán:**

- Đợt 1: Do các bên tự ấn định ngày cụ thể.
- Các đợt kế tiếp: được tính từ thời điểm mà bên mua ký chấp nhận thanh toán vào “Giấy đề nghị thanh toán” / ABBANK thanh toán tiền cho bên bán (theo thỏa thuận của các bên) đợt liền trước đến thời điểm mà các bên Mua – Bán thỏa thuận.

Ví dụ 1: tại thời điểm thanh toán đợt 2:

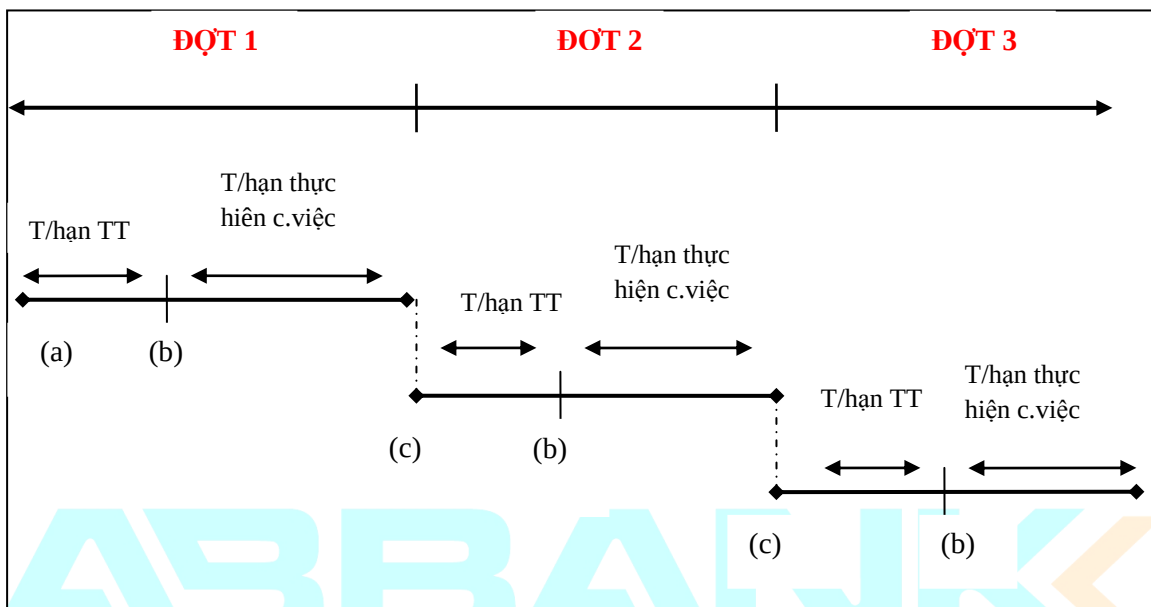
Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày bên Mua ký chấp nhận thanh toán trên “Giấy đề nghị thanh toán” đợt 1, bên Mua phải chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn).

17.7.2 Thời hạn thực hiện công việc:

- Thời hạn bên Bán thực hiện các công việc mà 02 bên mua – bán đã thỏa thuận được tính như sau: từ ngày cuối cùng của thời hạn chuyển tiền của bên mua đợt đang thực hiện đến ngày mà 02 bên thỏa thuận.

Ví dụ 2: Tại thời điểm thanh toán đợt 2:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuối cùng của thời hạn chuyển tiền đợt 2 vào tài khoản đồng sở hữu, bên Bán phải hoàn tất việc công chứng Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản.

Lưu đồ biểu diễn thời hạn thực hiện**LƯU ĐỒ BIỂU DIỄN THỜI HẠN THỰC HIỆN**

(a): Ngày ký Hợp đồng

(b): Thời điểm kết thúc thời hạn TT của bên mua và bắt đầu thực hiện nghĩa vụ bên bán.

(c): Thời điểm bên bán đến ABBANK để nhận tiền hoặc bên mua ký chấp nhận TT

Ví dụ 3:

Ngày 15/08/2007, Ông Nguyễn Văn A (bán nhà) và Bà Trần Thị B (Mua nhà) cùng ký hợp đồng ủy thác thanh toán ABBANK là trung gian thanh toán mua bán nhà với số tiền 1.000.000.000 đồng theo các đợt sau:

- Đợt 1: Bên B thanh toán 30% tiền và bên A và B hoàn tất thủ tục công chứng mua bán nhà.
- Đợt 2: Bên B thanh toán phần tiền còn lại cho A và B hoàn tất việc đăng bộ và sang tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở.

Nhân viên ABBANK hướng dẫn khách hàng và thỏa thuận thời gian thanh toán và thực hiện công việc như sau:

- Đợt 1:
 - + Kể từ khi 3 bên cùng ký hợp đồng Ủy thác Thanh Toán, trong vòng 3 ngày (tối đa là hết ngày 18/08/200X) bà B phải thanh toán 30% giá trị tiền thanh toán (tương đương là 300.000.000 đồng).
 - + Ông A, căn cứ vào sao kê tài khoản, nhận thấy bà B thanh toán tiền đủ và đúng hạn bắt đầu thực hiện các thủ tục để đi công chứng. Thời gian để ông A phải thực hiện công việc này là từ ngày 18/08/200X đến ngày hai bên đã thỏa thuận (trong trường

- hợp này là 5 ngày). Đến ngày 23/08/200X Ông A và bà B hoàn tất thủ tục công chứng mua bán, bà B giao cho ông A giấy đề nghị thanh toán đến ABBANK nhận tiền.
- Đợt 2:
 - + Căn cứ vào ngày Ông A được thanh toán tiền hoặc từ ngày bà B ký chấp nhận thanh toán trên giấy đề nghị thanh toán (phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên), trong vòng 3 ngày làm việc (tính đến 26/08/200X) (theo thỏa thuận của các bên) bà B phải nộp/chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu 70% còn lại (tương đương là 700.000.000 đồng).
 - + Cũng tương tự như Đợt 1, Ông A căn cứ vào sao kê tài khoản, nhận thấy tiền đã được chuyển vào đủ và đúng hạn, bắt đầu làm các thủ tục còn lại để đăng bộ và sang tên trên giấy chứng nhận sở hữu nhà. Thời gian Ông A phải hoàn thành công việc là ngày 20 ngày kể từ ngày 26/08/200X. Đến ngày đến hạn phải hoàn tất công việc Ông A chuyển giao sổ hồng cho Bà B và nhận giấy đề nghị thanh toán để đến ABBANK số tiền 700.000.000 đồng.

17.8 Lưu ý khi thực hiện hợp đồng:

- ABBANK chỉ là trung gian thanh toán dựa theo các công việc đã thỏa thuận giữa hai bên mua – bán được quy định cụ thể trong hợp đồng. Các bên mua - bán tự chịu trách nhiệm kiểm tra tính xác thực, hợp đồng của các bằng chứng hoàn tất công việc và “giấy đề nghị thanh toán”
- Trường hợp giao dịch mua bán qua ngân hàng mà bên mua nhà đồng thời là người vay tại ABBANK, ABBANK có toàn quyền xử lý số tiền duyệt vay đã được giải ngân vào tài khoản đồng sở hữu bao gồm cả việc thu hồi vốn trước hạn khi hợp đồng bị vi phạm, hủy bỏ, hoặc bị xem là vô hiệu vì bất cứ lý do gì.
- Trường hợp các bên đang có tranh chấp liên quan đến việc chuyển nhượng BĐS trên thì ABBANK tạm giữ (phong tỏa) số tiền đã chuyển vào tài khoản đồng sở hữu để chờ giải quyết tranh chấp, đồng thời ABBANK chỉ giải tỏa tài khoản trên khi có văn bản giải quyết có sự đồng thuận và chữ ký giữa hai bên Bán – mua và có xác nhận của ABBANK hoặc bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Trường hợp bên Mua không thanh toán hoặc thanh toán không đủ tiền, đúng hạn/bên Bán không hoàn tất các công việc theo thỏa thuận đúng thời hạn quy định, ABBANK sẽ thông báo bằng văn bản cho cả hai bên mua – bán.
- Các khoản phạt và thanh toán khác do lỗi không thực hiện đủ/đúng hợp đồng của các bên mua – bán, thì 2 bên tự thanh toán với nhau.
- Trường hợp các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng không chuyển giao cho nhau các bằng chứng hoàn tất công việc, ABBANK không nhận được yêu cầu thanh toán và /hoặc yêu cầu tạm ngưng thanh toán, ABBANK sẽ tạm giữ số tiền từ tài khoản đồng sở hữu cho đến khi có văn bản thỏa thuận cụ thể có chữ ký đồng thuận của 2 bên mua – bán.

17.9 Hồ sơ thực hiện trung gian thanh toán chuyển nhượng bất động sản:

- Giấy CMND/Hộ khẩu sao y bản chính
- Toàn bộ giấy tờ bản gốc chứng quyền sở hữu hợp lệ, hợp pháp của người bán đối với bất động sản dự định chuyển nhượng(bản sao có chứng thực nêu khách hàng chỉ tham

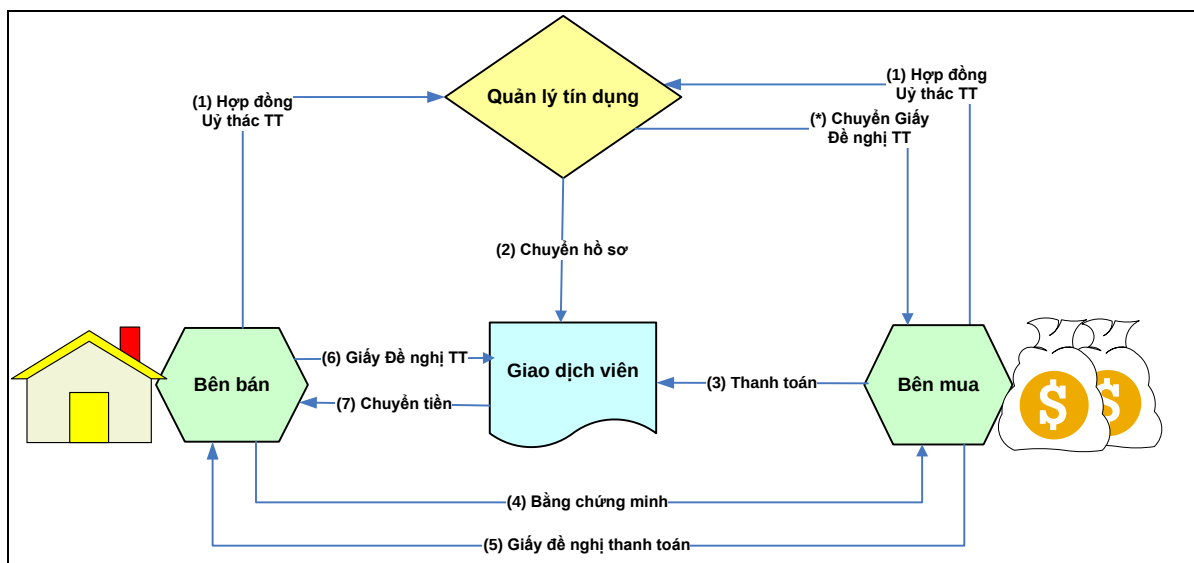
gia dịch vụ trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng bất động sản); Hợp đồng chuyển nhượng/mua bán Bất động sản.

- Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp (nếu người mua là khách hàng vay và thế chấp bằng chính bất động sản dự kiến mua)
- Hợp đồng Ủy thác Thanh toán, Hợp đồng Ủy thác Pháp lý.
- Giấy đề nghị thanh toán
- Giấy đề nghị mở tài khoản đồng sở hữu
- Giấy yêu cầu rút vốn vay (nếu người vay đồng thời là người mua bất động sản nêu tại Hợp đồng Ủy thác Thanh toán/Ủy thác Pháp lý).
- Thông báo tín dụng.
- Các giấy tờ liên quan khác.

17.10 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm do hai bên thỏa thuận
- Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - + Các bên đã hoàn tất việc thanh toán theo quy định trong hợp đồng.
 - + Bên bán – mua không tiếp tục chuyển nhượng bất động sản hoặc chấm dứt hợp đồng này.
 - + Sau 1 tháng, kể từ ngày ABBANK có văn bản đề nghị các bên thanh lý hợp đồng vì 02 bên mua – bán không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, nếu:
 - o Các bên không giải quyết và không có văn bản đồng thuận gửi ABBANK.
 - o Tài khoản đồng sở hữu có số dư bằng không(=0)
 - o Hợp đồng này mặc nhiên hết hiệu lực.

17.11 Quy trình thực hiện:



Lưu ý: (*) là bước thực hiện ngay tại bước (1) hoặc ngay sau bước (3) tùy từng trường hợp cụ thể.

17.12 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
125/QĐ-NHAB.07	20/08/2007	Ban hành quy trình trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng Bất động sản - YOUhome	
167/QĐ-NHAB.08	27/11/2008	Mở rộng triển khai thực hiện dịch vụ trung gian thanh toán tiền chuyển nhượng Bất Động sản - YOUhome	

The logo for ABBANK, featuring the word "ABBANK" in a bold, light blue sans-serif font, followed by a stylized orange and yellow chevron symbol pointing to the right.

18. Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản.

18.1 Mục đích:

- Nhằm hỗ trợ công ty quản lý tài sản trong việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đến khách hàng có nhu cầu.
- Nhằm gia tăng cho ABBANK thông qua thực hiện nghiệp vụ thu hộ phí quản lý tài sản cho khách hàng.

18.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:

- Phạm vi ứng dụng: Áp dụng trên toàn hệ thống của ABBANK.
- Đối tượng điều chỉnh: Khách hàng cá nhân có nhu cầu hoặc được yêu cầu cung cấp dịch vụ quản lý như một biện pháp phòng ngừa các rủi ro phát sinh đối với khoản vay và khách hàng đề nghị công ty quản lý tài sản cung cấp dịch vụ quản lý tài sản.

18.3 Nội dung:

ABBANK giới thiệu khách hàng có nhu cầu được quản lý tài sản đến công ty quản lý tài sản và ABBANK thực hiện dịch vụ thu hộ phí theo thỏa thuận đã ký kết giữa ABBANK và công ty quản lý tài sản.

18.4 Quy trình thực hiện:

18.4.1 Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng:

- Khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng dịch vụ quản lý tài sản do công ty quản lý tài sản cung cấp.
- Chuyên viên QHKK hướng dẫn khách hàng về nội dung dịch vụ quản lý tài sản và các mẫu biểu sử dụng (mẫu giấy đề nghị kiêm Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản do công ty quản lý tài sản cung cấp – quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản) sau đó chuyển đến Công ty quản lý tài sản.

18.4.2 Quy trình thực hiện:

- Chuyên viên QHKK tiếp nhận nhu cầu của khách hàng và chuyển đến Công ty quản lý tài sản để thực hiện dịch vụ.
- Định kỳ, Công ty quản lý tài sản sẽ gửi đánh giá về tài sản được quản lý cho khách hàng (Mẫu này do công ty quản lý tài sản cung cấp).
- QLTD thực hiện lưu giữ bản chính các chứng từ hóa đơn và các văn bản khác nếu có liên quan đến dịch vụ quản lý tài sản. Trường hợp khách hàng có nhu cầu sử dụng các chứng từ nêu trên, QLTD thực hiện sao y để lưu và gửi bản chính cho Khách hàng.

18.4.3. Thu hộ phí quản lý tài sản:

- Chuyên viên QHKK hướng dẫn khách hàng thanh toán phí dịch vụ quản lý tài sản cho Công ty quản lý tài sản.
- QLTD/GDV thu hộ phí quản lý tài sản theo thỏa thuận giữa khách hàng và Công ty quản lý tài sản cụ thể:

Tại kỳ đầu tiên: QLTD/GDV thu hộ phí căn cứ vào đề nghị thu của QHKK (phí này không hoàn trả) và chuyển vào tài khoản của công ty quản lý tài sản đã mở tại

ABBANK với nội dung: SGD/CN/PGD... chuyển phí khách hàng... thanh toán phí quản lý tài sản kỳ...

Các kỳ thu tiếp theo (nếu có) QLTD/GDV sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của khách hàng chuyển vào tài khoản nêu trên của Công ty quản lý tài sản để thanh toán phí dịch vụ.

18.4.4 Các nguyên tắc về phí:

- Mức phí: căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng liên kết giữa ABBANK và Công ty quản lý tài sản, ABBANK sẽ thừa ủy quyền Công ty quản lý tài sản chủ động quyết định, thông báo mức phí quản lý tài sản đến khách hàng theo biểu phí trong PL 01 – Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản

Lưu ý: Biểu phí tại PL01- Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản do ABBANK thông báo là mức phí áp dụng tối thiểu và chỉ mang tính chất hướng dẫn. Giám đốc SGD/CN được khuyến khích chủ động quyết định, thông báo mức phí cao hơn biểu phí thông báo tại PL01- Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế trên địa bàn và thông báo thống nhất để các đơn vị kinh doanh trực thuộc thực hiện.

- Tùy theo các trường cụ thể mà Trưởng đơn vị quyết định mức phí khác nhau nhưng mức phí không thấp hơn 20% phí đối với trưởng phòng giao dịch và giảm đến 50% phí đối với giám đốc SGD/CN và mức giảm đến 100% đối với giám đốc Khối KHCN.
- Phí môi giới và phí thu hộ sau khi trừ đi tất cả các chi phí phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối về cho đơn vị kinh doanh.
- Phí môi giới và phí thu hộ sau khi trừ đi tất cả các chi phí phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối về cho đơn vị kinh doanh.

18.4.5 Báo cáo:

- Khối KHCN là đầu mối để đối chiếu danh sách khách hàng tham gia dịch vụ quản lý tài sản với công ty quản lý tài sản.
- Định kỳ hàng tháng Công ty Quản lý tài sản thanh toán phí môi giới đã thỏa thuận cho ABBANK.

18.4.6 Tính bắt buộc, không bắt buộc khi sử dụng dịch vụ môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản.

(theo thông báo 12/TBNB-TGD.10 ngày 25/01/2010 v/v hướng dẫn thực hiện tư vấn khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản với ABBA).

18.4.6.1 Đối với các khoản vay phát sinh từ ngày thông báo có hiệu lực và:

- Thuộc đối tượng được áp dụng lãi suất thỏa thuận theo quy định tại quyết định số 01/QĐ-HĐQT.10 ngày 08/01/2010 về “chính sách lãi suất cho vay đối với khách hàng cá nhân”, thì việc khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản là không bắt buộc. các đơn vị kinh doanh nên khuyến khích khách hàng sử dụng dịch vụ này để gia tăng thu nhập ngoài nguồn thu nhập từ lãi vay và giảm thiểu rủi ro về tài sản đảm bảo.
- Thuộc đối tượng không áp dụng lãi suất thỏa thuận đúng quy định thì việc khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản với ABBA như một yêu cầu bắt buộc để xét duyệt và duy trì khoản vay.

18.4.6.2 Đối với các khoản vay phát sinh trước ngày thông báo có hiệu lực và

- a. Lãi suất cho vay đang được áp dụng là lãi suất thỏa thuận theo đúng quy định thì thực hiện như mục 1 khoản a mục 18.4.6.1.
- b. Lãi suất cho vay được áp dụng không phải lãi suất thỏa thuận (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản vay áp dụng lãi suất thỏa thuận không đúng quy định) thì việc khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản với ABBA như một yêu cầu bắt buộc để duy trì khoản vay. Trường hợp khách hàng không sử dụng dịch vụ này, Chuyên viên QHKK trình Giám đốc/Chi nhánh xem xét. Giám đốc SGD/CN có thẩm quyền xem xét phê duyệt việc miễn áp dụng dịch vụ quản lý tài sản.

18.5 Biểu phí quản lý dịch vụ tài sản:**a. Biểu phí:**

Tài sản	Mức phí/năm (đã bao gồm VAT)	Số tiền tối thiểu(VNDD)
Bất động sản	6.5%/năm*giá trị quản lý(*)	500.000/tháng
Xe	7%/năm*giá trị quản lý	600.000/tháng
Chứng khoán và các khoản phải thu từ tiền bán chứng khoán đã khớp lệnh	Đối với khoản vay có thời hạn dưới 03 tháng: 6%/năm*giá trị quản lý. Đối với khoản vay có thời hạn trên 03 tháng: 8%/năm* giá trị quản lý.	500.000/tháng

(*) giá trị quản lý: là dư nợ khoản vay được đảm bảo bởi tài sản của khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản tại ABBA.

b. Ngày thanh toán phí: vào một ngày cố định (chậm nhất không quá 10 ngày sau ngày thanh toán nợ vay) định kỳ theo tần suất thanh toán phí mà khách hàng đã thỏa thuận với ABBA.

18.6 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
10/QĐ-TGD.10	21/01/2010	Quy trình môi giới khách hàng và thu hộ phí quản lý tài sản	
12/TBNB-TGD.10	25/01/2010	Về việc hướng dẫn thực hiện tư vấn khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý tài sản	
14/TBNB-TGD.10	25/01/2010	Về việc thông báo biểu phí quản lý tài sản.	

19. Quy trình thực hiện dịch vụ thu hộ phí tư vấn giá trị tài sản tại ABLAND - YOfee

19.1 Mục đích:

- Nhằm hỗ trợ khách hàng tư vấn giá trị tài sản tại ABLAND.
- Nhằm gia tăng phí dịch vụ cho ABBANK thông qua môi giới khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn giá trị tài sản tại ABLAND.

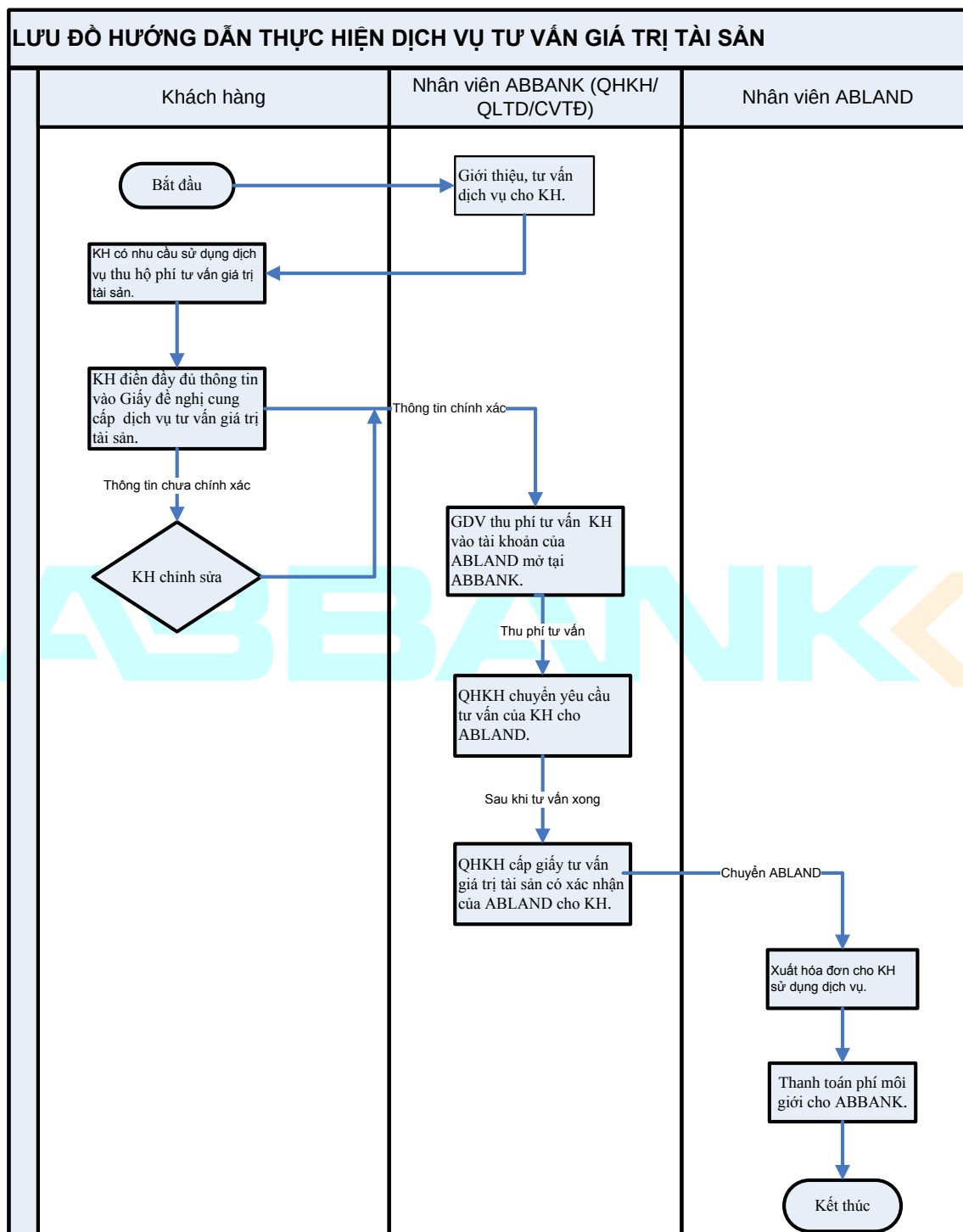
19.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:

- Phạm vi áp dụng: Quy trình này được áp dụng trên toàn hệ thống của ABBANK.
- Đối tượng điều chỉnh: Khách hàng có nhu cầu tư vấn giá trị tài sản để vay vốn tại ABBANK.

19.3 Nội dung

- ABBANK giới thiệu khách hàng có nhu cầu tư vấn giá trị tài sản do ABLAND cung cấp và thừa ủy quyền của ABLAND để tiến hành dịch vụ thu hộ phí tư vấn giá trị tài sản.



19.4 Quy trình thực hiện:**19.4.1. Lưu đồ thực hiện:**

19.4.2. Diễn giải:**19.4.2.1. Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng:**

- Khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn giá trị tài sản.
- Chuyên viên QHKH hướng dẫn khách hàng điền thông tin đầy đủ vào Giấy đề nghị cung cấp dịch vụ tư vấn giá trị tài sản.
- Chuyên viên QHKH tiếp nhận nhu cầu của khách hàng và chuyển yêu cầu cho ABLAND.

19.4.2.2. Thu phí dịch vụ tư vấn giá trị tài sản:

- Chuyên viên QHKH hướng dẫn khách hàng thanh toán phí dịch vụ.
- GDV thu phí dịch vụ căn cứ vào đề nghị thu của QHKH (phí này không hoàn trả) và chuyển vào tài khoản của ABLAND đã mở tại ABBANK theo số tài khoản VND 0421000322003 tại ABBANK Kỳ Hòa.
- Lưu ý: Biểu phí do ABBANK thông báo là mức phí áp dụng tối thiểu và chỉ mang tính chất hướng dẫn.

STT	Nội dung	Số tiền tối thiểu (VNĐ)
1	Phí tư vấn giá trị tài sản đảm bảo tọa lạc cùng địa bàn cho vay là các thành phố trực thuộc TW (*).	200.000
2	Phí tư vấn giá trị tài sản đảm bảo tọa lạc cùng địa bàn cho vay là các tỉnh thành khác.	100.000
3	Phí tư vấn giá trị tài sản đảm bảo tọa lạc ngoài địa bàn cho vay	300.000

(*): Các thành phố trực thuộc TW gồm: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ.

- Trường hợp đơn vị kinh doanh (Giám đốc Sở giao dịch/Chi nhánh) được khuyến khích chủ động thông báo biểu phí cao hơn biểu phí thông báo căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế trên địa bàn và thông báo thống nhất theo mẫu PL04b (quy trình) để các đơn vị kinh doanh thực hiện.
- Tùy theo các trường hợp cụ thể mà Trưởng đơn vị quyết định mức phí khác nhau nhưng mức giảm không thấp hơn 50% phí đối với trường phòng giao dịch và mức giảm đến 100% phí đối với Giám đốc Sở giao dịch/Chi nhánh.
- Nhân viên ABLAND căn cứ vào thông tin khách hàng do ABBANK chuyển sang xuất hóa đơn thu phí dịch vụ tư vấn tài sản cho khách hàng.

19.4.2.3. Cấp giấy tư vấn giá trị tài sản:

- Sau khi hoàn tất việc tư vấn giá trị tài sản, Chuyên viên thẩm định chuyển Giấy tư vấn giá trị tài sản đã đầy đủ các thông tin và có xác nhận của ABLAND để Chuyên viên QHKH cấp cho khách hàng.

19.4.2.4. Báo cáo.

- Vào ngày 10 hàng tháng đơn vị kinh doanh có trách nhiệm báo cáo danh sách khách hàng tham gia dịch vụ tư vấn giá trị tài sản theo mẫu Phụ lục 06 (quy trình thực hiện dịch vụ thu hộ phí tư vấn giá trị tài sản tại ABLAND – YOUfee) về cho Khối KHCN làm đầu mối để đối chiếu danh sách khách hàng với ABLAND.
- Định kỳ hàng tháng ABLAND thanh toán phí môi giới đã thỏa thuận cho ABBANK.

19.5 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
44/QĐ-NHAB.09	23.03.2009	Quyết định ban hành quy định thực hiện tư vấn giá trị tài sản	
16/TB-NHAB.09	23.03.2009	Thông báo biểu phí thực hiện tư vấn giá trị tài sản	



20. Quy định thực hiện dịch vụ tư vấn tài chính đối với khách hàng cá nhân- YOUfeeplus.

20.1 Quy định và mục đích.

- Dịch vụ tư vấn tài chính dành cho Khách hàng cá nhân:
 - o Là dịch vụ mà ABBANK cung cấp cho các khách hàng, tư vấn các giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của khách hàng, trên cơ sở những sản phẩm – dịch vụ tài chính mà ABBANK hiện có (bao gồm các sản phẩm tín dụng, tiết kiệm cá nhân và các dịch vụ tài chính kèm theo).
 - o Theo yêu cầu cụ thể của khách hàng, Khách hàng sẽ được nhận một giấy tư vấn do ABBANK cấp. Nội dung tư vấn cụ thể như sau:
 - Sản phẩm tín dụng: thông tin sản phẩm kèm theo lịch trả nợ của khách hàng.
 - Sản phẩm tiết kiệm: thông tin về sản phẩm tiết kiệm.
 - Dịch vụ tài chính khách hàng cá nhân khác: dịch vụ bảo hiểm, khác...
- Mục đích dịch vụ tư vấn tài chính:
 - o Nhằm hỗ trợ, tư vấn thông tin cho khách hàng cá nhân có nhu cầu tư vấn dịch vụ tài chính tại ABBANK.
 - o Nhằm định hướng rõ về chức năng tư vấn tài chính của ABBANK trước các yêu cầu từ khách hàng từ đó gia tăng chất lượng dịch vụ tại ABBANK.

20.2 Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh:

- Phạm vi áp dụng: Quy trình này được áp dụng trên toàn hệ thống của ABBANK.
- Đối tượng điều chỉnh: Khách hàng cá nhân có nhu cầu tư vấn dịch vụ tài chính tại ABBANK.

20.3 Quy trình hướng dẫn thực hiện và thu phí khách hàng.

20.3.1 Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng:

- Khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính tại ABBANK, QHKK hướng dẫn khách hàng điền thông tin đầy đủ vào Giấy đề nghị cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính.
- QHKK tiếp nhận và tiến hành thực hiện nhu cầu của khách hàng.

20.3.2. Thực hiện tư vấn tài chính cho khách hàng.

- QHKK tiến hành thực hiện cung cấp thông tin tư vấn cho khách hàng tùy vào nhu cầu thực tế của Khách hàng.

20.3.3 Thu phí dịch vụ tư vấn tài chính:

- QHKK hướng dẫn khách hàng thanh toán phí dịch vụ.
- GDV thu phí dịch vụ căn cứ vào đề nghị thu của QHKK (phí này không hoàn trả).
- **Lưu ý:** Ban hành là mức phí áp dụng tối thiểu và chỉ mang tính chất hướng dẫn và không bắt buộc áp dụng : Phí dịch vụ tư vấn tài chính KHCN (đã bao gồm VAT) là 100.000 đồng.

- Trưởng các ĐVKD được khuyến khích chủ động thu phí cao hơn biểu phí ban hành tại PL03 căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế trên địa bàn và sự đồng thuận của khách hàng.

20.3.4. Cấp giấy tư vấn tài chính:

- Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của khách hàng được tư vấn các sản phẩm dịch vụ sẵn có của ABBANK, giấy tư vấn tài chính (theo mẫu phụ lục 04a – quy trình cho vay) tối thiểu phải có các nội dung sau (có thể tham khảo tại phụ lục 04b-Giấy tư vấn tài chính tham khảo- quy trình cho vay):
 - Sản phẩm tín dụng: thông tin sản phẩm kèm theo lịch trả nợ của khách hàng.
Ví dụ: Thông tin nội dung cho vay mua nhà tại ABBANK kèm lịch trả nợ của khách hàng.
 - Sản phẩm tiết kiệm: thông tin về sản phẩm tiết kiệm.
Ví dụ: Thông tin về sản phẩm tích lũy tại ABBANK.

20.3.5 Dịch vụ tài chính khách hàng cá nhân khác.

Ví dụ: bảo hiểm trên dư nợ cho khách hàng vay mua nhà tại ABBANK.

- QHKKH chuyển giấy tư vấn tài chính đã đầy đủ các thông tin và có xác nhận của Trưởng ĐVKD cho khách hàng.

20.5 Các văn bản liên quan:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
113/QĐ-NHAB.09	11.08.2009	Quyết định ban hành quy định thực hiện dịch vụ tư vấn tài chính	Phụ lục 01 bị thay thế bởi QĐ 146/QĐ-NHAB.09
131/QĐ-HĐQT.09	11.08.2009	Quyết định ban hành mức phí thực hiện dịch vụ tư vấn tài chính	
146/QĐ-NHAB.09	10.08.2009	Ban hành điều chỉnh PL01 của QĐ 113/QĐ-NHAB.09	

21. Các văn bản liên quan khác

21.1 Lãi suất cho vay, phí:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
135/QĐ-TGD.11	07/04/2011	Chính sách lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân	
32/QĐ-HĐQT-08	1/2/2008	Thay đổi biểu phí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân	Các quy định về phí trả nợ trước hạn được thay thế bởi quyết định số 47/QĐ-HĐQT.10
77/QĐ-HĐQT.10	27/04/2010	Ban hành biểu phí trả nợ trước hạn dành cho khách hàng cá nhân	

21.2 Phân quyền giảm lãi suất và phí:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
08/QĐ-TGD.11	12/1/2011	Phân quyền quyết định giảm lãi suất và phí đối với khách hàng	
45/QĐ-HĐQT.10	12/3/2010	Thẩm quyền quyết định giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay của KHCN thuộc đối tượng được áp dụng lãi suất thỏa thuận	

21.3 Chương trình khuyến mãi:

SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
38/QĐ-NHAB.08	29/04/2009	Quy trình chi hoa hồng môi giới đối với dịch vụ cho vay chứng minh tài chính du học tại ABBANK	
22/TT-KHCN.08	8/4/2008	Tờ trình v/v hợp tác với cty bảo hiểm phi nhân thọ ACE	

92QĐ/-NHAB-08	8/14/2008	Hướng dẫn chi hoa hồng sản phẩm bảo hiểm ACE cho nhân viên ABBANK	
285/HĐHT.NHAB.08	8/5/2008	Hợp đồng hợp tác ACE - ABBANK	
228/QĐ-HĐQT.07	05/11/2007	Quy trình chi hoa hồng bảo hiểm xe cơ giới của GIC cho nhân viên An Bình	
96/QĐ-NHAB.09	25/06/2009	Chương trình chi hoa hồng môi giới cho nhân viên bán xe	

